

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI



ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO
NGÀNH DƯỢC HỌC, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO: CHẤT LƯỢNG CAO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: DƯỢC HỌC
MÃ SỐ: 7720201

HÀ NỘI, 2021

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI



ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO
NGÀNH DƯỢC HỌC, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	CHẤT LƯỢNG CAO
	TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO:	DƯỢC HỌC
MÃ SỐ:	7720201

HÀ NỘI, 2021

MỤC LỤC

Phần I. THÔNG TIN VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO, SỰ CẦN THIẾT VÀ MỤC TIÊU ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO	2
1.1. Thông tin về ngành đào tạo chất lượng cao	2
1.1.1. Năm được giao nhiệm vụ đào tạo: 1961	2
1.1.2. Đơn vị quản lý đào tạo (Khoa, bộ môn, phòng chuyên môn...)	2
1.1.3. Đội ngũ cán bộ chuyên trách quản lý sinh viên	2
1.1.4. Kết quả đào tạo 5 năm gần nhất	2
1.2. Sự cần thiết, mục tiêu đào tạo chất lượng cao	2
1.2.1. Sự cần thiết đào tạo chất lượng cao ngành Dược học	2
1.2.1.1. Căn cứ vào sứ mạng, mục tiêu phát triển của Nhà trường	2
1.2.1.2. Sự phù hợp về xu thế phát triển và hội nhập của ngành Dược	3
1.2.1.3. Căn cứ vào nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia.	5
1.2.2. Mục tiêu đào tạo chất lượng cao	6
1.2.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT chất lượng cao	7
Phần II. ĐIỀU KIỆN VÀ NĂNG LỰC ĐÀO TẠO CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO	10
2.1. Chương trình đào tạo	10
2.1.1. Tóm tắt chương trình đào tạo	13
2.1.2. Phân tích, đối chiếu so sánh mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc, nội dung của CTCLC với CTĐT đại trà và CTĐT nước ngoài	21
2.1.2.1. So sánh mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT chất lượng cao với CTĐT đại trà và chương trình đào tạo nước ngoài	21
2.1.2.2. Phân tích, đối chiếu so sánh cấu trúc, nội dung của chương trình CLC với CTĐT đại trà và CTĐT nước ngoài	27
2.1.3. Nhận xét của hai chuyên gia ngoài Trường	30
2.2. Đội ngũ giảng viên, trợ giảng, cán bộ quản lý, cố vấn học tập và phục vụ thực hành thí nghiệm	30
2.2.1. Đội ngũ giảng viên	30
2.2.1.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đúng ngành đăng ký đào tạo (giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ, đại học)	30
2.2.1.2. Đội ngũ giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần của ngành đào tạo CLC	36
2.2.1.3. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần của ngành đào tạo CLC	46
2.2.2. Đội ngũ trợ giảng	47

2.2.3. Đội ngũ cán bộ quản lý, cố vấn học tập	49
2.2.3.1. Đội ngũ cán bộ quản lý	49
2.2.3.2. Đội ngũ cố vấn học tập.....	50
2.2.4. Đội ngũ cán bộ cơ hữu phục vụ thực hành, thí nghiệm	51
2.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo	54
2.3.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, trang thiết bị	54
2.3.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo	99
2.3.2.1. Thư viện	100
2.3.2.2. <i>Danh mục giáo trình, sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo</i>	100
2.4. Hợp tác quốc tế.....	141
2.4.1. Hội nghị, hội thảo khoa học ngành, chuyên ngành trong và ngoài nước..	141
2.4.2. Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài đã và đang triển khai.....	147
2.4.3. Các hình thức hợp tác quốc tế khác	153
2.5. Nghiên cứu khoa học.....	160
2.6. CTĐT nước ngoài và chứng nhận CTĐT nước ngoài đã được kiểm định hoặc được cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép thực hiện và cấp văn bằng	175
2.7. Chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục hoặc xác nhận đã đăng ký và đang trong thời gian kiểm định.....	175
Phần III. CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC	176
3.1. Tuyển sinh.....	176
3.1.1. Điều kiện tuyển sinh.....	176
3.1.2. Phương thức tuyển sinh.....	176
3.1.3. Kế hoạch tuyển sinh:	176
3.2. Tổ chức và quản lý đào tạo.....	176
3.2.1. Tổ chức đào tạo	176
3.2.1.1. Thời gian và kế hoạch đào tạo	176
3.2.1.2. Cơ sở thực tế và phát triển kỹ năng mềm.....	176
3.2.1.3. Phương pháp đánh giá.....	177
3.2.2. Quản lý đào tạo	177
3.2.3. Thay đổi trong quá trình đào tạo	177
3.2.4. Kiểm định chương trình đào tạo chất lượng cao	178
3.3. Văn bản quy định chi tiết của cơ sở đào tạo về ĐTCCLC trình độ đại học được xây dựng trên cơ sở của bản Quy định này	178
3.4. Chính sách hỗ trợ, ưu tiên cho giảng viên và sinh viên CTCLC	178
3.5. Dự toán chi phí đào tạo.....	179

3.6. Ý kiến của Hội đồng khoa học và Đào tạo	180
PHỤ LỤC	181
Phụ lục I. Các nghị quyết, giấy chứng nhận, quy định và biên bản (Quyển 1)	181
Phụ lục II. Chương trình đào tạo và các bảng đối sánh (Quyển 2).....	181
Phụ lục III. Lý lịch Khoa học của đội ngũ giảng viên (Quyển 3).....	181

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Kết quả đào tạo của ngành đào tạo trong 5 năm gần nhất.....	2
Bảng 2.1. So sánh mục tiêu của CTĐT chất lượng cao với CTĐT đại trà và CTĐT nước ngoài tham khảo	21
Bảng 2.2. Những điểm khác nhau về chuẩn đầu ra của CTĐT chất lượng cao và CTĐT đại trà.....	23
Bảng 2.3. Điểm khác biệt về chuẩn đầu ra của CTĐT chất lượng cao và chương trình nước ngoài tham khảo	27
Bảng 2.4. So sánh cấu trúc khung CTĐT CLC và CTĐT đại trà	28
Bảng 2.5. Danh sách giảng viên cơ hữu đúng ngành đào tạo chất lượng cao	31
Bảng 2.6. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần của ngành đào tạo CLC	36
Bảng 2.7. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần của ngành đào tạo CLC	46
Bảng 2.8. Danh sách trợ giảng tham gia trợ giảng các học phần của CTCLC	47
Bảng 2.9. Đội ngũ cán bộ quản lý chương trình chất lượng cao.....	49
Bảng 2.10. Đội ngũ cố vấn học tập chương trình chất lượng cao.....	50
Bảng 2.11. Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu phục vụ ngành đăng ký đào tạo.....	51
Bảng 2.12. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy	55
Bảng 2.13. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành	59
Bảng 2.14. Danh mục các cơ sở thực tế của Chương trình đào tạo chất lượng cao	98
Bảng 2.15. Danh mục giáo trình của ngành đào tạo	100
Bảng 2.16. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo	139
Bảng 2.17. Danh sách hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan đến ngành đăng ký trong 5 năm gần nhất	141
Bảng 2.18. Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài trong 5 năm gần nhất liên quan đến ngành đăng ký đào tạo đã và đang triển khai.....	147
Bảng 2.19. Tổng hợp hoạt động hợp tác quốc tế giai đoạn 2016-2020	153
Bảng 2.20. Tổng hợp kết quả triển khai dự án, chương trình hợp tác khác giai đoạn 2016-2020	155
Bảng 2.21. Kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành đăng ký đào tạo trong 5 năm trở lại đây.....	160

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /DHN-ĐA

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2021

**ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO
NGÀNH DƯỢC HỌC, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

Tên chương trình đào tạo: Chất lượng cao, trình độ đại học

Ngành đào tạo: Dược học

Mã số: 7720201

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phần I. THÔNG TIN VỀ NGÀNH ĐÀO TẠO, SỰ CẦN THIẾT VÀ MỤC TIÊU ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

1.1. Thông tin về ngành đào tạo chất lượng cao

1.1.1. Năm được giao nhiệm vụ đào tạo: 1961

1.1.2. Đơn vị quản lý đào tạo (Khoa, bộ môn, phòng chuyên môn...)

Phòng Đào tạo và các bộ môn phụ trách định hướng Chăm sóc dược: Bộ môn Dược lực, Bộ môn Dược lâm sàng, Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược.

1.1.3. Đội ngũ cán bộ chuyên trách quản lý sinh viên

Phòng Quản lý sinh viên là bộ phận chuyên trách quản lý sinh viên.

1.1.4. Kết quả đào tạo 5 năm gần nhất

Theo nhu cầu của xã hội và của sinh viên, Trường Đại học Dược Hà Nội (HUP) tăng chỉ tiêu tuyển sinh trong những năm gần đây.

Bảng 1.1. Kết quả đào tạo của ngành đào tạo trong 5 năm gần nhất

Thông tin chung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Quy mô đào tạo	2931	3137	3250	3192	3460
Số thí sinh đăng ký dự thi	4160	2519	3067	3537	3159
Số sinh viên tuyển mới	608	742	760	702	710
Điểm trúng tuyển	28,00	23,05	24,50	26,90	26,25
Số tốt nghiệp và được cấp bằng	830	435	651	668	397
Số sinh viên thôi học (tính theo năm tuyển)	50	42	52	35	18

1.2. Sự cần thiết, mục tiêu đào tạo chất lượng cao

1.2.1. Sự cần thiết đào tạo chất lượng cao ngành Dược học

1.2.1.1. Căn cứ vào sứ mạng, mục tiêu phát triển của Nhà trường

Nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đồng thời nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, giỏi về nghiệp vụ trong lĩnh vực dược phục vụ cho sự phát triển đất nước, Trường Đại học Dược Hà Nội đã xác định sứ mạng trong Nghị quyết số 01/NQ-HĐTDHN ngày 12/3/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Dược Hà Nội về việc thông qua Chiến lược, kế hoạch phát triển Trường Đại học Dược Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn 2045, cụ thể như sau:

1) Đào tạo nhân lực có chất lượng cao (CLC), giỏi về nghiệp vụ và có phẩm chất đạo đức phù hợp với nhu cầu xã hội và có thể hội nhập quốc tế.

2) Tạo ra các công trình nghiên cứu và đổi mới trong lĩnh vực dược được ứng dụng trong thực tiễn, tạo ra giá trị cho xã hội.

3) Là trung tâm dịch vụ chuyên nghiệp, hàng đầu để hỗ trợ phát triển thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, sản phẩm thảo dược đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành và quốc gia.

4) Là trung tâm đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực Dược, nuôi dưỡng, hỗ trợ khởi nghiệp theo hướng hội nhập quốc tế, trên cơ sở phát huy bản sắc văn hóa, tài nguyên, trí tuệ Việt Nam.

Đồng thời trong chiến lược phát triển của Trường đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045 Trường cũng đã đặt mục tiêu “Xây dựng Trường Đại học Dược Hà Nội thành trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực theo định hướng đại học nghiên cứu kết hợp thực hành nghề nghiệp (2025 - 2030), thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu hàng đầu về dược của cả nước; định hướng đại học đổi mới sáng tạo (2030), và trở thành đại học đổi mới sáng tạo vào 2045”.

Quyết định số 294/QĐ-DHN ngày 29/4/2021 ban hành Chiến lược Đào tạo của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025 đã xác định mục tiêu chung về đào tạo “Đổi mới, đa dạng hóa công tác đào tạo, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả, đạt chuẩn đào tạo của các nước tiên tiến trong khu vực và tiếp cận quốc tế, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của xã hội”. Để thực hiện được chiến lược này, một trong các mục tiêu đào tạo là “dẫn đầu cả nước về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và bồi dưỡng nhân tài trong lĩnh vực dược” và đến năm 2025 Nhà trường có 01 chương trình đào tạo bồi dưỡng sinh viên tài năng/chất lượng cao.

Để thực hiện sứ mạng là đào tạo nhân lực có chất lượng cao, giỏi về nghiệp vụ và có phẩm chất đạo đức phù hợp với nhu cầu xã hội và có thể hội nhập quốc tế và định hướng đại học (ĐH) định hướng nghiên cứu, đổi mới sáng tạo đồng thời hoàn thành mục tiêu trong chiến lược đào tạo giai đoạn 2021-2025 thì việc phát triển chương trình đào tạo (CTĐT) chất lượng cao ngành dược là một đòi hỏi bức thiết của xã hội cũng như thực hiện sứ mạng và mục tiêu Nhà trường đã đặt ra.

1.2.1.2. Sự phù hợp về xu thế phát triển và hội nhập của ngành Dược

Trong những năm qua, ngành Dược Việt Nam đã có những tiến bộ đáng kể. Từ những cơ sở sản xuất, cung ứng nhỏ lẻ, đến nay ngành Dược đã xây dựng được một hệ thống tương đối hoàn chỉnh từ sản xuất, xuất nhập khẩu, đảm bảo chất lượng, cung ứng và tối ưu hóa sử dụng thuốc cho người bệnh. Những thay đổi trong hệ thống cung ứng thuốc đã tạo điều kiện cho thầy thuốc và người bệnh được tiếp cận nhanh chóng với những thành tựu của nhân loại, được sử dụng những loại thuốc mới, dạng bào chế mới với nhiều mảng chuyên khoa đặc trị. Ngành dược phẩm đã được vận hành trong thị trường có sự định hướng và quản lý của Nhà nước, dựa trên nền tảng hệ thống tiêu chuẩn

chất lượng được pháp quy hóa theo hướng tuân thủ và đồng bộ với pháp luật quốc gia, hòa hợp khu vực và cam kết hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, ngành Dược Việt Nam cũng đang đứng trước những thách thức to lớn, đang phải đối diện với những hạn chế do cả nguyên nhân chủ quan lẫn khách quan. Trình độ sản xuất, phân phối, sử dụng dược phẩm mặc dù đã tuân thủ những quy chuẩn quốc tế cơ bản nhưng do nguồn vốn và quy mô đầu tư chưa đủ lớn đã làm cho nền công nghiệp dược phẩm Việt Nam chưa theo kịp với sự phát triển của các nước trên thế giới. Hệ thống, phương pháp và công nghệ đào tạo đã được đổi mới tuy nhiên chưa bắt kịp với xu thế hội nhập quốc tế của ngành Dược nói riêng mà còn các ngành kinh tế khác nói chung. Một số hạn chế về nghiên cứu và ứng dụng không chỉ làm mất đi lợi thế nguồn dược liệu trong nước, làm giảm khả năng cạnh tranh mà còn làm cho Ngành Dược Việt Nam mất dần nhân tố phát triển bền vững và lệ thuộc nhiều hơn vào nguồn nguyên liệu nước ngoài. Việc sử dụng thuốc chưa thực sự hợp lý, vừa gây lãng phí cho xã hội, gây khó khăn cho bộ phận nhân dân lao động có thu nhập thấp tiếp cận với hệ thống chăm sóc sức khỏe toàn dân, trong đó có thuốc.

Theo IQVIA, giá trị thị trường dược phẩm Việt Nam đạt 103,912 tỷ đồng (+2% YoY), đạt tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) 6% trong giai đoạn 2018-2020. Kênh ETC là động lực tăng trưởng chính của ngành dược trong năm 2020 với mức tăng 5% trong năm 2020 lên khoảng 76 nghìn tỷ đồng, đạt tốc độ CAGR là 9% trong giai đoạn 2018-2020. Kênh OTC có sự tăng trưởng bất thường trong thời điểm trước cách ly xã hội, tập trung vào các sản phẩm giảm đau, hạ sốt, thuốc sát trùng, nước rửa tay, thuốc tăng sức đề kháng là để phù hợp với mô hình bệnh tật hiện tại. Để đáp ứng kịp với sự gia tăng của thị trường dược phẩm vậy nên nhân lực chất cao là một trong những giải pháp mũi nhọn để giải quyết vấn đề này.

Ngành Dược Việt Nam trong giai đoạn tới nằm trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế tiếp tục phát triển về quy mô, mức độ và hình thức biểu hiện với những tác động tích cực và tiêu cực, cơ hội và thách thức đan xen lẫn nhau. Theo Tổng cục Hải quan, Việt Nam đã nhập khẩu hơn 3,3 triệu USD dược phẩm (+7,4% YoY) trong năm 2020, với CAGR vào khoảng 9% trong giai đoạn 2018-2020 chủ yếu từ các nước Pháp, Đức, Ấn Độ, Mỹ, Ý, Hàn Quốc... Bên cạnh đó, quá trình quốc tế hóa sản xuất và phân công lao động diễn ra ngày càng sâu rộng; sự tùy thuộc lẫn nhau, hội nhập, cạnh tranh và hợp tác giữa các nền kinh tế ngày càng mạnh mẽ và quyết liệt. Các hãng dược phẩm đa quốc gia, với lợi thế về phát minh thuốc mới và công nghệ phân phối hiện đại ngày càng tác động và có ảnh hưởng nhiều tới đội ngũ thầy thuốc và thói quen sử dụng thuốc ở nước ta. Việc sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên nói chung có những thay đổi đồng thời gắn liền với những bước tiến mới trong khoa học, công nghệ sản xuất nguyên liệu làm

thuốc và thuốc. Để phù hợp với xu thế phát triển và hội nhập kinh tế, việc đào tạo nhân lực Dược chất lượng cao có trình độ chuyên môn tốt, khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học thành thạo là một trong những yếu tố then chốt đáp ứng hội nhập quốc tế.

1.2.1.3. Căn cứ vào nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia.

Nhân lực ngành Y tế bao gồm bác sĩ, điều dưỡng, nữ hộ sinh, dược sĩ... là thành phần vô cùng quan trọng trong việc cung cấp các dịch vụ y tế có chất lượng, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân và đạt được các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) liên quan đến sức khỏe. Theo đó, vai trò của người dược sĩ ngày càng quan trọng trong hệ thống nhân lực, quyết định đến việc thành công hay thất bại trong công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Vì vậy đào tạo dược sĩ ngày càng nâng cao về năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức... là trách nhiệm của các cơ sở đào tạo đầu ngành.

Để thực hiện chiến lược phát triển ngành Dược số 68/QĐ-TTg ngày 10/1/2014, một trong các giải pháp mà chính phủ hướng tới đó là tăng cường đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Dược *“Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực dược đáp ứng yêu cầu phát triển ngành Dược, chú trọng đào tạo dược sĩ lâm sàng; thu hút, đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ dược công tác ở những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo”* để có thể *“Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế về dược; tham gia tích cực và có hiệu quả vào thị trường dược phẩm toàn cầu”*.

Lĩnh vực dược hiện nay tập trung vào hai hướng chính là công nghiệp dược và chăm sóc dược. Lĩnh vực chăm sóc dược ngày một trở thành nhu cầu cấp thiết của xã hội. Theo số liệu thống kê trên website của WHO cho thấy Việt Nam có tổng số 1.332 bệnh viện: bệnh viện công cấp trung ương (47 bệnh viện), cấp tỉnh (419 bệnh viện) và cấp huyện (684 bệnh viện) và 182 bệnh viện tư, hầu hết nằm ở khu vực thành thị. Hơn 61.000 nhà thuốc quây thuốc hoạt động trên cả nước. Với sự bùng nổ về nhu cầu chăm sóc Dược trong nước và quốc tế, dự báo thiếu nguồn nhân lực dược về lĩnh vực Chăm sóc Dược trong những năm tới. Bên cạnh đó, ngành công nghiệp dược với nhiệm vụ bào chế và sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc trong hơn 10 năm qua đã có những bước tiến mới. Hệ thống sản xuất dược phẩm được mở rộng với khoảng 250 nhà máy sản xuất, 200 cơ sở xuất nhập khẩu... Thuốc sản xuất trong nước đáp ứng được 47% nhu cầu. Tuy nhiên, hiện nay nhân lực Dược chưa đáp ứng kịp với sự gia tăng của thị trường Dược phẩm quốc tế, vậy nên nhân lực chất lượng cao là một trong những giải pháp để giải quyết vấn đề này đặc biệt là nhu cầu về chăm sóc dược.

Nhu cầu phát triển nhân lực ngành y tế luôn đòi hỏi những bước tiến mới vượt bậc. Vai trò người Dược sĩ trong tương lai ở Việt Nam ngày càng được mở rộng và dần

phù hợp với xu thế phát triển của các nước trên thế giới, tỉ lệ Dược sỹ làm việc liên quan đến việc thực hành tại cộng đồng, chăm sóc dược ngày một gia tăng. Khi đó vai trò của Dược sỹ sẽ là người cung cấp các thông tin về thuốc, bao gồm cả kiểm soát liệu trình điều trị của bệnh nhân, tư vấn và giáo dục người bệnh về thuốc. Trên thế giới, ví dụ như ở Mỹ hiện nay Dược sỹ có thể được tiêm vaccine cho bệnh nhân. Tại các bệnh viện, hiện nay các dược sỹ đã tham gia vào việc đi thăm khám tại giường bệnh để cùng giải quyết các vấn đề liên quan đến tác dụng phụ của thuốc, hoặc thay đổi thuốc, liều dùng đối với những đối tượng/nhóm bệnh nhân cụ thể.

Kết quả khảo sát về nhu cầu Dược sỹ chất lượng cao vào tháng 8/2021 tại 34 đơn vị trong cả nước cho thấy trong 5 năm tới các đơn vị này có nhu cầu tuyển dụng 469 dược sỹ chất lượng cao, trong 10 năm tới là 865 Dược sỹ chất lượng cao. Trong đó doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với tỉ lệ cao nhất là 51,6%, cơ quan quản lý 17,7%, bệnh viện/trung tâm y tế 10,0% còn lại là các đơn vị khác.

Tiến hành phỏng vấn sâu một số các tổ chức sử dụng Dược sỹ cho thấy hầu hết Dược sỹ đều có kiến thức khoa học cơ bản, y dược học cơ sở và kiến thức chuyên môn ngành Dược rất tốt, kỹ năng nghề nghiệp cơ bản chắc chắn và đặc biệt là thái độ cầu thị, luôn hướng đến người bệnh. Nhưng nhược điểm lớn nhất của Dược sỹ hiện nay đa phần còn yếu về ngoại ngữ, tin học, các kỹ năng mềm như thuyết trình, thuyết phục, đàm phán, tư duy hoạch định chiến lược, tư duy khởi nghiệp còn yếu, tính chủ động sáng tạo chưa cao.

Do vậy, việc xây dựng một chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Dược với những kiến thức và kỹ năng vượt trội về ngoại ngữ, tin học, kỹ năng nghề nghiệp để tổng hoà về các lĩnh vực nói trên là hết sức cần thiết nhằm đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp cho sự phát triển ngành Dược Việt Nam và hướng tới hội nhập khu vực, thế giới.

1.2.2. Mục tiêu đào tạo chất lượng cao

Mục tiêu chung:

Đào tạo Dược sỹ chất lượng cao có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, có năng lực chuyên môn để sản xuất, quản lý và cung ứng thuốc tốt, tư vấn về sử dụng thuốc hợp lý - an toàn - hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong nước và hướng tới hội nhập quốc tế; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, sáng tạo, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực dược; thành thạo tiếng Anh trong các lĩnh vực chuyên môn; có năng lực nghiên cứu khoa học và khả năng tự học nâng cao trình độ chuyên môn. Người học có khả năng làm việc trong các doanh nghiệp dược, hệ thống y tế quốc gia và quốc tế.

Mục tiêu cụ thể:

Sinh viên được trang bị đầy đủ kiến thức khoa học cơ bản, y sinh dược học cơ sở và kiến thức chuyên môn về bào chế, sản xuất, đảm bảo chất lượng, cung ứng, quản lý, tối ưu hóa sử dụng thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

Sinh viên được rèn luyện nhằm đạt được các kỹ năng cần thiết để thực hiện và giải quyết các vấn đề chuyên môn sâu; thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Dược.

Sinh viên được đào tạo để làm việc độc lập, theo nhóm, sáng tạo và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi.

Sinh viên được trang bị để sử dụng tiếng Anh thành thạo, ứng dụng tin học hiệu quả trong học tập, nghiên cứu và các hoạt động nghề nghiệp.

Sinh viên được rèn luyện để có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng, có khả năng tự học và phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

1.2.3. Chuẩn đầu ra của CTĐT chất lượng cao

1. Yêu cầu về kiến thức

1.1. Vận dụng được cơ sở lý luận triết học về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

1.2. Đạt trình độ tiếng Anh từ bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

1.3. Ứng dụng kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, Luật Dược và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan trong hoạt động nghề nghiệp.

1.4. Vận dụng được các kiến thức cơ bản của quản lý về lập kế hoạch, tổ chức, điều hành, giám sát và điều chỉnh quy trình để hướng tới tối ưu hóa các hoạt động chuyên môn.

1.5. Vận dụng được kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản trong soạn thảo, trình bày văn bản, tính toán, thống kê và sử dụng hiệu quả một số phần mềm thông dụng trong lĩnh vực Dược.

1.6. Vận dụng được kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học để thực hiện một số nghiên cứu trong lĩnh vực Dược.

1.7. Vận dụng được các kiến thức cơ bản, cốt lõi và công nghệ để xây dựng công thức, quy trình sản xuất các dạng bào chế thông dụng; xây dựng quy trình sản xuất nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

1.8. Vận dụng được các kiến thức cơ bản và cốt lõi để phát triển được liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng và hướng dẫn sử dụng được các sản phẩm có nguồn gốc được liệu.

1.9. Vận dụng được các kiến thức cập nhật liên quan đến sử dụng thuốc để tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý cho nhân viên y tế và người bệnh.

1.10. Vận dụng được một số phương pháp, chức năng quản lý và kinh tế được trong chu trình cung ứng thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng ở quy mô, đơn vị khác nhau.

1.11. Vận dụng được kiến thức cơ bản và quản lý trong đảm bảo chất lượng nguyên liệu làm thuốc, thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

2. Yêu cầu về kỹ năng

2.1. Thực hiện các biện pháp để đảm bảo an toàn cho người lao động, môi trường và cộng đồng trong thực hành và sản xuất.

2.2. Triển khai thực hành tốt (GPs) trong sản xuất, đảm bảo chất lượng, tồn trữ, cung ứng thuốc.

2.3. Tổng hợp, phản biện, phổ biến được các thông tin cơ bản liên quan đến thuốc, sức khỏe cho cộng đồng trong và ngoài nước.

2.4. Tham gia thực hiện được một số đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Dược.

2.5. Có khả năng dẫn dắt nhóm chuyên môn và tư duy khởi nghiệp.

2.6. Sử dụng tiếng Anh thành thạo trong giao tiếp, trao đổi học thuật và nghiên cứu trong lĩnh vực Dược.

2.7. Soạn thảo, trình bày văn bản, tìm kiếm thông tin y học, tính toán thống kê, sử dụng hiệu quả một số phần mềm thông dụng trong lĩnh vực Dược và biện giải được kết quả liên quan.

2.8. Đưa ra được các ý tưởng, giải pháp phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế, đáp ứng linh hoạt, kịp thời với sự thay đổi của môi trường trong nước và quốc tế.

2.9. Có kỹ năng giao tiếp và hợp tác hiệu quả với nhiều đối tượng khác nhau.

2.10. Xây dựng, triển khai được quy trình sản xuất một số nguyên liệu làm thuốc, thuốc thông dụng, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

2.11. Thực hiện được quy trình chế biến, sản xuất, kiểm nghiệm và tư vấn, hướng dẫn sử dụng được một số dược liệu và chế phẩm có nguồn gốc từ dược liệu, thuốc cổ truyền.

2.12. Tham gia được việc xây dựng kế hoạch điều trị cho người bệnh; phát hiện, giải quyết được một số vấn đề liên quan đến thuốc trong tình huống lâm sàng.

2.13. Thực hiện được các phương pháp, chức năng quản lý và kinh tế được trong chu trình cung ứng thuốc ở quy mô, đơn vị khác nhau.

2.14. Thực hiện được các quá trình đảm bảo chất lượng nguyên liệu làm thuốc, thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng trong sản xuất và cung ứng.

3. Yêu cầu về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

3.1. Hoạt động nghề nghiệp theo tiêu chuẩn đạo đức, đúng quy định của pháp luật.

3.2. Lập kế hoạch, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động về dược.

3.3. Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, tự học, tự cập nhật, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3.4. Có khả năng thuyết trình, bảo vệ, phản biện ý kiến chuyên môn liên quan đến lĩnh vực dược và đưa ra những kết luận phù hợp, chịu trách nhiệm về những kết luận đó.

3.5. Có khả năng hướng dẫn, tự giám sát và giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

3.6. Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp làm việc nhóm trong môi trường hội nhập.

4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

4.1. Làm việc ở vị trí nghiên cứu và phát triển trong các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước có hoạt động nghiên cứu, sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

4.2. Làm việc tại bộ phận sản xuất trong các cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng trong và ngoài nước.

4.3. Làm việc tại các bộ phận đảm bảo chất lượng, kiểm tra chất lượng trong các viện kiểm nghiệm, trung tâm kiểm nghiệm, nhà máy sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc, hóa mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

4.4. Làm việc trong các bệnh viện, trung tâm y tế, nhà thuốc, trung tâm thử nghiệm lâm sàng trong nước và quốc tế.

4.5. Đảm nhiệm vị trí kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng trong và ngoài nước.

4.6. Đảm nhiệm vị trí chuyên môn trong các cơ quan quản lý về thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

4.7. Làm việc ở các vị trí chuyên môn, giảng dạy, nghiên cứu trong các cơ sở đào tạo và nghiên cứu phù hợp thuộc lĩnh vực Dược

4.8. Thành lập và điều hành các doanh nghiệp trong lĩnh vực Dược.

4.9. Hợp tác và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Dược với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

4.10. Đảm nhiệm các vị trí công tác tại các cơ quan, đơn vị khác có yêu cầu sử dụng dược sỹ.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

5.1. Có khả năng tự học tập, nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn, duy trì và phát triển các kỹ năng mềm trong môi trường quốc tế.

5.2. Có khả năng tham gia các khóa đào tạo liên tục, bồi dưỡng trong và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

5.3. Có khả năng theo học các chương trình đào tạo sau đại học trong và ngoài nước.

Phần II. ĐIỀU KIỆN VÀ NĂNG LỰC ĐÀO TẠO CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

2.1. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo CLC ngành Dược học của Trường Đại học Dược Hà Nội được xây dựng đáp ứng các yêu cầu của Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 07 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học. Quy trình xây dựng được thực hiện chặt chẽ, bám sát các quy định của Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học. Chiến lược Đào tạo của Trường Đại học Dược Hà Nội giai đoạn 2021-2025 đã xác định đến năm 2025 cần phát triển 01 chương trình đào tạo bồi dưỡng sinh viên tài năng/chất lượng cao vì vậy để bắt đầu cho lộ trình phát triển các CTĐT tiên tiến, CTĐT liên kết cũng như CTĐT Dược sỹ tài năng sau này, Nhà trường xác định một trong các nhiệm vụ trọng tâm năm học 2021 -2022 là tiến hành xây dựng chương trình CLC dự kiến tuyển sinh từ năm 2022. Hội đồng xây dựng mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra cũng như Hội đồng xây dựng CTĐT CLC và Ban tư vấn xây dựng CTCLC ngành Dược học được thành lập với sự tham gia của các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đầu ngành, các nhà khoa học uy tín, nhà quản lý, các giảng viên giàu kinh nghiệm đã từng được đào tạo tại nước ngoài. Quá trình xây dựng mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT được tiến hành khẩn trương, đúng quy định. Căn cứ vào mục tiêu và chuẩn đầu ra đã được xác định cho CTĐT CLC, Hội đồng và Ban tư vấn XDCT đã tổ chức các buổi họp, thảo luận, tìm hiểu và đánh giá các mô hình, CTĐT Dược trên thế giới để lựa chọn chương trình tham khảo đáp ứng yêu cầu của thông tư 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 07 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng không khác biệt quá lớn với CTĐT đang thực hiện tại Trường Đại học Dược Hà Nội, phù hợp khi triển

khai, thuận tiện trong tổ chức, tương thích với hệ thống quản lý văn bằng tại Việt Nam, tạo điều kiện tối đa cho người học trong quá trình chuyển đổi. Đồng thời, Nhà trường cũng phân tích xem xét các ý kiến góp ý, phản hồi từ nhà quản lý, các đơn vị sử dụng lao động, cựu sinh viên và người học về CTĐT đại trà, trên cơ sở đó điều chỉnh, cải tiến CTĐT truyền thống dựa vào CTĐT tham khảo, Ban tư vấn đã đề xuất kết cấu khung CTĐT trong đó có mô tả khái quát nội dung môn học, học phần để trình lên Hội đồng xây dựng. Các Bộ môn chịu trách nhiệm triển khai xây dựng đề cương chi tiết theo đúng kết cấu, mô tả đã được Hội đồng thông qua. Để tránh việc trùng lặp giữa các môn học và rà soát việc đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra CTĐT, Nhà trường tổ chức các buổi nghiệm thu chéo liên Bộ môn với sự góp ý của các chuyên gia. CTĐT được thẩm định bởi Hội đồng là các giáo sư, tiến sĩ là nhà quản lý của các cơ sở giáo dục có kinh nghiệm trong đào tạo Dược tại Việt Nam.

Lựa chọn chương trình đào tạo nước ngoài để tham khảo đối sánh:

Thái Lan là đất nước có khí hậu nhiệt đới gió mùa, do vậy ngành công nghệ dược phẩm, đặc biệt phát triển dược liệu, dược học cổ truyền khá tương đồng với Việt Nam. Chương trình đào tạo Dược của Thái Lan cũng tập trung vào các định hướng xoay quanh “thuốc” và “người bệnh” (công nghiệp dược phẩm, chăm sóc dược, kinh tế dược, dược liệu và thực vật, dược học cổ truyền...).

Chương trình đào tạo dược của Thái Lan đã hài hòa và tiệm cận với chương trình đào tạo dược của Mỹ, Anh và Úc. Dự kiến Đại học Sydney, Úc sẽ là đối tác lựa chọn của Trường Đại học Dược Hà Nội trong triển khai chương trình liên kết bậc đại học ngành dược giai đoạn tới. Trong khi đó, Thái Lan có kinh nghiệm trong phát triển, đổi mới chương trình giáo dục dược. Việc tăng thời lượng của nội dung giảng dạy để đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng liên quan đến khả năng sẵn sàng làm việc của sinh viên và hội nhập chương trình với các nước dẫn đến sự không còn phù hợp giữa lượng nội dung và thời gian giảng dạy. Từ năm 2009, chương trình đào tạo Dược với 6 năm đào tạo chính thức được áp dụng toàn quốc tại Thái Lan.

Chuẩn năng lực dược sỹ, chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo dược của Thái Lan khá tương đồng về phương thức tiếp cận với chương trình đào tạo dược hiện tại của Việt Nam nói chung và Trường Đại học Dược nói riêng cũng như xu hướng đổi mới trong thời gian tới, tập trung chính vào 02 định hướng chăm sóc dược và khoa học dược.

Đại học Mahidol là một trường đại học đa ngành. Trường hiện đang sở hữu 10 khoa, 8 viện, 5 trường cao đẳng và 3 trung tâm. Ngoài ra, trường còn có 3 khu học xá ở xung quanh khu vực đô thị Bangkok. Các cơ sở của Mahidol được kết nối điện tử bởi một mạng máy tính tiên tiến cung cấp các dịch vụ tin học, nghiên cứu và hành chính cho các phòng ban khác nhau của trường nhằm phục vụ cho tất cả nhân viên và sinh viên.

Trường đứng vị trí thứ 61 tại khu vực châu Á, Đại học Mahidol là một trong những cái tên hàng đầu trong những trường nổi tiếng tại Thái Lan.

Chương trình đào tạo Dược sỹ - Khoa Dược - Đại học Mahidol của Thái Lan là chương trình 6 năm, với thời lượng 225 tín chỉ. Cấu trúc của chương trình bao gồm 2 phần: từ năm 1 đến năm 4, chương trình cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản cho thực hành dược chung. Năm 5 và năm 6, chương trình được chia thành 2 định hướng “người bệnh” và “thuốc”, căn cứ trên nguyện vọng, sinh viên có thể đăng ký theo 1 trong 2 định hướng trên. Ở năm 6, sinh viên thực tập theo định hướng lựa chọn, điều này đảm bảo việc tăng cường năng lực thực hành của sinh viên. Sau khi tốt nghiệp sinh viên được nhận bằng “PharmD” và phải tham dự kỳ thi cấp chứng chỉ hành nghề (bao gồm cả hai định hướng). Mặc dù là CTĐT 6 năm nhưng về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo tương đồng với định hướng của Chương trình đào tạo Dược trình độ đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội.

Chương trình đại trà ngành dược học, trình độ đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội là chương trình đào tạo 5 năm với 165 tín chỉ trong đó 25% thời lượng thực hành, thực tế. Ở năm 4, sinh viên được lựa chọn 1 trong 5 định hướng bao gồm: công nghiệp dược, dược lý và dược lâm sàng, quản lý và kinh tế dược, đảm bảo chất lượng thuốc, dược liệu và dược học cổ truyền. Sinh viên sau khi tốt nghiệp được nhận bằng dược sỹ và có thể đăng ký làm việc trong tất cả các lĩnh vực như: sản xuất, phân phối và cung ứng, kiểm nghiệm, bệnh viện, nhà thuốc, viện nghiên cứu, trường đại học, hệ thống cơ quan quản lý hành chính... Việt Nam chưa có kỳ thi cấp chứng chỉ hành nghề.

Chương trình chất lượng cao (CTCLC) của Trường Đại học Dược Hà Nội (HUP) là chương trình đào tạo 5 năm với 171 tín chỉ trong đó 28% thời lượng thực hành, thực tế. Khối lượng các môn cơ sở ngành và định hướng giảng dạy bằng Tiếng Anh chiếm 38 tín chỉ. Chương trình được xây dựng đảm bảo đáp ứng chuẩn năng lực cơ bản dược sỹ Việt Nam và khung trình độ quốc gia. Sinh viên tham gia chương trình phải thỏa mãn đầu vào của chương trình đại trà và có thể chuyển ngang. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên được nhận bằng dược sỹ tương tự chương trình đại trà và có thể đăng ký làm việc trong tất cả các lĩnh vực như chương trình đào tạo đại trà, đồng thời mở rộng cơ hội làm việc trong môi trường quốc tế với trình độ tiếng anh tối thiểu là 4/6 theo khung trình độ ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam. So với chương trình đại trà sinh viên theo chương trình CLC sẽ được tăng thời lượng và đào tạo bài bản hơn trong lĩnh vực chăm sóc dược để đảm bảo đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng tại các lĩnh vực “dược bệnh viện” và “dược cộng đồng”.

Điểm nổi bật của chương trình: (i) Tiếp thu chương trình của Đại học Mahidol Thái Lan và chương trình tiên tiến của các nước phát triển trong tăng cường nội dung

chuyên sâu về chăm sóc dược của “định hướng hướng tới người bệnh”, tăng cường kỹ năng mềm, kỹ năng phân tích dựa trên vấn đề, năng lực tiếng anh và năng lực thực hành nghề nghiệp; (ii) Phương thức tổ chức đào tạo được cải tiến phù hợp với biến động, thay đổi của thế giới (đại dịch Covid) và thách thức hội nhập và tự chủ thông qua việc ứng dụng công nghệ 4.0, các hình thức mô hình mô phỏng trong tổ chức đào tạo; (iii) Chương trình đào tạo từng bước được thiết kế hướng tới module hóa và tăng thời lượng thực hành nghề nghiệp, sinh viên có thể thực tập nội trú tại các cơ sở đào tạo thực hành trong nước và cơ sở giáo dục tại nước ngoài với thời lượng khoảng 4- 6 tháng liên tục. Sinh viên có cơ hội được nhận thực tập tại các cơ sở đào tạo thực hành của Trường có lương; (iv) Sinh viên được học tập và nghiên cứu với các chuyên gia được hàng đầu trong nước & thế giới và các doanh nhân thành đạt; (v) Tăng cường khả năng sẵn sàng làm việc của sinh viên tại các môi trường trong nước và quốc tế sau khi tốt nghiệp.

2.1.1. Tóm tắt chương trình đào tạo

1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra (mục 1.2.2 và mục 1.2.3, phần I)

2. Thời gian đào tạo: 5 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 171 tín chỉ (bao gồm các học phần Giáo dục thể chất 3 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng 8 tín chỉ)

4. Đối tượng và phương thức tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã trúng tuyển vào ngành Dược của Trường Đại học Dược Hà Nội trong kỳ tuyển sinh đại học chính quy tại năm tuyển sinh và đáp ứng các điều kiện tuyển sinh khác trong Đề án tuyển sinh đại học hàng năm của Trường Đại học Dược Hà Nội, bao gồm yêu cầu về năng lực tiếng Anh tối thiểu, đồng thời tự nguyện tham gia học, cam kết đóng học phí theo quy định của Nhà trường.

- Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

- Phương thức tuyển sinh: Được quy định tại Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội trong năm tuyển sinh

- Chỉ tiêu tuyển sinh: dự kiến chỉ tiêu đại học chính quy CLC ngành Dược học trong ba năm đầu là 60 - 80 chỉ tiêu mỗi năm.

- Tổ chức tuyển sinh: xét tuyển theo Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Quy định đào tạo và thang điểm

Đào tạo tín chỉ thực hiện theo Quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định đào tạo Chất lượng cao trình độ đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội.

- Thang điểm:

+ Loại đạt và không đạt phân mức áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, quy định tại bảng sau:

Điểm học phần thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số thang điểm 4 quy đổi từ thang điểm chữ
9,0 - 10	A1	4,00
8,5 - 8,9	A2	3,75
8,0 - 8,4	B1	3,50
7,0 - 7,9	B2	3,00
6,6 - 6,9	C1	2,75
6,2 - 6,5	C2	2,50
5,8 - 6,1	C3	2,25
5,5 - 5,7	C4	2,00
5,1 - 5,4	D1	1,75
4,7 - 5,0	D2	1,50
4,3 - 4,6	D3	1,25
4,0 - 4,2	D4	1,00
2,1 - 3,9	F1	0,50
0 - 2,0	F2	0

Trong đó: Loại đạt ký hiệu từ A1 đến D4, loại không đạt từ F1 đến F2.

+ Loại đạt và không đạt không phân mức: áp dụng cho các học phần không tính vào điểm trung bình học tập như Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh. Trong đó: xếp loại đạt khi điểm Trung bình chung môn học đạt được từ 5,0 trở lên; dưới 5,0 xếp loại không đạt.

6. Cấu trúc chương trình

	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Số giờ	
			Lý thuyết	Thực hành/Seminar
1	Kiến thức giáo dục đại cương (Chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)	32		
	- Các môn chung (Chưa kể các phần nội dung Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)	19	221	64
	- Các môn cơ sở khối ngành	13	141	54

2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	118		
	- Kiến thức cơ sở ngành	37	401	154
	- Kiến thức ngành và chuyên ngành	75		
	+ Kiến thức ngành	53	528	297
	+ Kiến thức định hướng Chăm sóc Dược	22	205	125
	- Tự chọn	6		
3	Khóa luận tốt nghiệp/ Lý thuyết tổng hợp	10		
	Tổng cộng	160		

6.1. Kiến thức giáo dục đại cương

TT	Học phần	Số tín chỉ	Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Seminar	Ngôn ngữ giảng dạy
	Các môn chung						
1	Giáo dục quốc phòng an ninh	8	77	72	0	16	Tiếng Việt
2	Giáo dục thể chất 1	1	0	0	15	0	Tiếng Việt
3	Giáo dục thể chất 2	1	0	0	15	0	Tiếng Việt
4	Giáo dục thể chất 3	1	0	0	15	0	Tiếng Việt
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	0	0	9	Tiếng Việt
6	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	21	0	0	9	Tiếng Việt
7	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	0	0	9	Tiếng Việt
8	Triết học Mác Lênin	3	33	0	0	12	Tiếng Việt
9	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	0	0	9	Tiếng Việt
10	Tiếng Anh 1	2	19	11	0	0	Tiếng Anh
11	Tiếng Anh 2	2	19	11	0	0	Tiếng Anh
12	Nghiên cứu khoa học - Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	22	0	8	0	Tiếng Việt
13	Pháp luật đại cương	2	22	0	0	8	Tiếng Việt
	Tổng	30					

TT	Học phần	Số tín chỉ	Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Seminar	Ngôn ngữ giảng dạy
	Các môn cơ sở khối ngành						
14	Nhập môn dược khoa	2	10	0	20	0	Tiếng Việt
15	Hóa đại cương vô cơ	3	22	9	14	0	Tiếng Việt
16	Dược xã hội học	2	26	0	0	4	Tiếng Việt
17	Thống kê Dược	2	22	8	0	0	Tiếng Việt
18	Tin học ứng dụng	2	14	0	16	0	Tiếng Việt
19	Đại cương SHPT tế bào	2	30	0	0	0	Tiếng Anh
	Tổng	13					

6.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

6.2.1. Kiến thức cơ sở ngành

STT	Học phần	Số tín chỉ	Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Seminar	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Hóa hữu cơ 1	3	31	0	12	2	Tiếng Anh
2	Hóa hữu cơ 2	3	31	0	12	2	Tiếng Anh
3	Hóa phân tích 1	3	31	0	14	0	Tiếng Anh
4	Hóa phân tích 2	3	31	0	14	0	Tiếng Việt
5	Hoá sinh	4	42	2	16	0	Tiếng Anh
6	Thực vật	3	29	0	16	0	Tiếng Việt
7	Hóa lý dược	3	31	0	12	2	Tiếng Việt
8	Vật lý ứng dụng	2	20	0	10	0	Tiếng Việt
9	Vi sinh - Ký sinh trùng	4	48	0	12	0	Tiếng Việt
10	Bệnh học 1	3	35	0	6	4	Tiếng Việt
11	Giải phẫu sinh lý	4	42	0	18	0	Tiếng Việt
12	Sinh lý bệnh miễn dịch	2	26	2	0	2	Tiếng Việt
	Tổng	37					

6.2.2. Kiến thức ngành

STT	Học phần	Số tín chỉ	Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Seminar	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Bào chế và sinh dược học 1	3	31	0	14	0	Tiếng Anh
2	Bào chế và sinh dược học 2	3	31	0	14	0	Tiếng Anh
3	Kỹ thuật sản xuất DP	4	42	0	18	0	Tiếng Việt
4	Thực hành dược khoa	4	0	0	90	0	Tiếng Việt
5	Dược học cổ truyền	2	22	0	0	8	Tiếng Việt
6	Dược lâm sàng đại cương	3	29	0	8	8	Tiếng Việt
7	Dược liệu 1	3	27	0	18	0	Tiếng Việt
8	Dược liệu 2	2	16	0	14	0	Tiếng Việt
9	Dược động học	2	18	6	6	0	Tiếng Việt
10	Dược lý đại cương và Dược lý dẫn truyền	3	33	2	8	2	Tiếng Việt
11	Dược lý ứng dụng trong điều trị	3	37	0	4	4	Tiếng Việt
12	Hoá dược 1	3	31	0	10	4	Tiếng Việt
13	Hoá dược 2	3	31	0	10	4	Tiếng Anh
14	Độc chất	2	24	6	0	0	Tiếng Việt
15	Kiểm nghiệm	2	20	0	10	0	Tiếng Anh
16	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2	21	9	0	0	Tiếng Anh
17	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2	22	8	0	0	Tiếng Anh
18	Pháp chế dược	2	22	0	4	4	Tiếng Việt
19	Quản lý cung ứng thuốc	3	33	0	8	4	Tiếng Việt
20	Quản lý học đại cương	2	22	0	0	8	Tiếng Việt
	Tổng	53					

6.2.3. Kiến thức chuyên ngành định hướng Chăm sóc Dược.

STT	Học phần	Số tín chỉ	Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Se	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Sử dụng thuốc trong điều trị 1	3	45	0	0	0	Tiếng Việt
2	Sử dụng thuốc trong điều trị 2	2	0	0	20	10	Tiếng Việt
3	Thông tin và tư vấn sử dụng thuốc	2	14	0	14	2	Tiếng Anh
4	Thực hành Dược lâm sàng trong bệnh viện	3	0	0	24	21	Tiếng Việt
5	Dược lý lâm sàng	3	41	0	0	4	Tiếng Việt
6	Dịch tễ dược cơ bản	2	22	0	0	8	Tiếng Anh
7	Dược cộng đồng	2	22	0	8	0	Tiếng Anh
8	Kinh tế dược	3	35	0	0	10	Tiếng Việt
9	Bệnh học 2	2	26	0	0	4	Tiếng Việt
	Tổng	22					

6.2.4. Kiến thức bổ trợ:

Chọn 6 tín chỉ trong số các chuyên đề sau

STT	Học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Pha chế thuốc độc tế bào tại bệnh viện	2	Tiếng Anh
2	Kỹ năng giao tiếp trong chăm sóc dược tại nhà thuốc cộng đồng	2	Tiếng Anh
3	Áp dụng phương pháp phân tích chi phí - hiệu quả trong đánh giá phác đồ điều trị	2	Tiếng Anh
4	Công nghệ nano và ứng dụng trong sản xuất thuốc	2	Tiếng Anh
5	Chế biến thuốc cổ truyền	2	Tiếng Anh
6	Hóa sinh lâm sàng	2	Tiếng Anh

7. Hướng dẫn thực hiện chương trình

7.1. Chương trình

Chương trình giáo dục do nhà trường xây dựng gồm 171 tín chỉ, trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 43 tín chỉ (bao gồm cả 11 tín chỉ của học phần

Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

- Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 118 tín chỉ (gồm 37 tín chỉ thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, 53 tín chỉ thuộc khối kiến thức cố định ngành, 28 tín chỉ thuộc khối kiến thức định hướng chuyên ngành và tự chọn).

- Khóa luận tốt nghiệp/ Lý thuyết tổng hợp: 10 tín chỉ.

Quy định về kiểm tra, thi hết học phần, thực tập tại cơ sở thực tế, khóa luận tốt nghiệp CTCLC được áp dụng theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội.

Căn cứ tình hình cụ thể, Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo phù hợp với điều kiện, đảm bảo sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức quy định trong chương trình đào tạo. Quản lý và điều hành đào tạo chất lượng cao là “Ban quản lý đào tạo chất lượng cao” có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thành viên do Hiệu trưởng quyết định

7.2. Kế hoạch sắp xếp nội dung và thời gian

Phòng Đào tạo chủ động bố trí và điều chỉnh các môn học trong các học kỳ, đảm bảo tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo và học phần tiên quyết của các học phần.

7.3. Thực hành, thực tế

- Thực hành: tổ chức tại phòng thí nghiệm ở trường hoặc tại các cơ sở tham gia trong quá trình đào tạo dược sĩ đại học. Để đảm bảo chất lượng đào tạo, trọng số của điểm thực hành được quy định cụ thể trong cách tính điểm trong chương trình chi tiết của từng học phần.

- Thực tế tại cơ sở: được tổ chức vào học kỳ IX (năm thứ 5), sau khi sinh viên đã học xong các môn cơ sở ngành và chuyên ngành.

7.4. Nghiên cứu khoa học

- Hàng năm mỗi giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy lý thuyết học phần ngành và chuyên ngành của chương trình CLC phải có tối thiểu 01 công trình nghiên cứu khoa học được công bố hoặc được nghiệm thu có nội dung liên quan đến ngành đào tạo CLC.

- Trong cả khóa học, mỗi sinh viên chương trình CLC phải được tham gia nghiên cứu khoa học theo nhóm nghiên cứu do các giảng viên hướng dẫn hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học với giảng viên.

- Hàng năm, giảng viên và sinh viên chương trình CLC phải có ít nhất 01 đề tài phối hợp nghiên cứu với các tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất liên quan đến chương trình CLC.

- Phòng Quản lý khoa học có trách nhiệm đề xuất các quy định, chương trình ưu tiên về nghiên cứu khoa học đối với sinh viên, giảng viên tham gia giảng dạy CTCLC.

7.5. Phương pháp dạy - học

Sử dụng triệt để phương pháp giảng dạy mới theo hướng phát huy năng lực cá nhân của sinh viên, tăng cường rèn luyện kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng sử dụng các trang thiết bị hiện đại và các phần mềm chuyên dụng để giải quyết các nội dung chuyên môn.

Tổ chức cho sinh viên tham quan, thực hành, thực tập tại các tổ chức, doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong hoặc ngoài nước theo kế hoạch; mời các giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên là các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân đến từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở trong nước hoặc nước ngoài tham gia giảng dạy, báo cáo chuyên đề, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm, phát triển nghề nghiệp; hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp liên quan để mời tham gia, hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Áp dụng các phương pháp đánh giá hiện đại theo hướng chú trọng phát triển năng lực phân tích, thực hành, sáng tạo, tự cập nhật kiến thức; năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trên nguyên tắc khách quan, minh bạch, linh hoạt, bám sát mục tiêu của mỗi học phần và của CTĐT. Đối với các học phần giảng dạy bằng tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh trong kiểm tra và thi hết học phần.

8. Khóa luận tốt nghiệp/ Lý thuyết tổng hợp:

Có 2 hình thức thi tốt nghiệp: thi học phần lý thuyết tổng hợp và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp.

Khóa luận tốt nghiệp/ Lý thuyết tổng hợp được tổ chức vào học kỳ X, trong khoảng 10-15 tuần.

- Khóa luận tốt nghiệp: Quy định về khóa luận tốt nghiệp CTCLC được áp dụng theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội. Cuối học kỳ IX của khóa học, căn cứ vào điểm trung bình lần 1 của sinh viên trong 8 học kỳ và danh sách đề tài do bộ môn đề xuất, Nhà trường quyết định danh sách sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp.

- Thi lý thuyết tổng hợp: sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp hoặc có nguyện vọng phải đăng ký thi học phần lý thuyết tổng hợp là tổ hợp khối kiến thức từ: Hóa dược, Dược lý, Dược lâm sàng, Bào chế, Pháp chế dược, Quản lý và kinh tế dược, Dược liệu, Dược học cổ truyền với thời lượng tương đương 10 tín chỉ.

9. Xét và công nhận tốt nghiệp:

Áp dụng theo thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo và những quy định cụ thể của Trường Đại học Dược Hà Nội. Sinh viên muốn được xét tốt nghiệp phải đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình CLC theo học. Điều kiện để xét tốt nghiệp và công nhận tốt

ngành CTCLC thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội.

10. Mô tả các học phần

Chi tiết theo Phụ lục II

2.1.2. Phân tích, đối chiếu so sánh mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc, nội dung của CTCLC với CTĐT đại trà và CTĐT nước ngoài

2.1.2.1. So sánh mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT chất lượng cao với CTĐT đại trà và chương trình đào tạo nước ngoài

a) Về mục tiêu:

Bảng 2.1. So sánh mục tiêu của CTĐT chất lượng cao với CTĐT đại trà và CTĐT nước ngoài tham khảo

TT	Mục tiêu của CTĐT đại trà	Mục tiêu của CTĐT chất lượng cao	Mục tiêu của CTĐT của ĐH Mahidol
	Đào tạo Dược sỹ trình độ đại học là đào tạo những người có đạo đức tốt, có kiến thức khoa học cơ bản, y dược học cơ sở, kiến thức và kỹ năng chuyên môn cơ bản để tư vấn về sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả; để sản xuất, quản lý	Đào tạo Dược sỹ chất lượng cao có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, có năng lực chuyên môn để sản xuất, quản lý và cung ứng thuốc tốt, tư vấn về sử dụng thuốc hợp lý - an toàn - hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong nước và hướng tới hội nhập quốc tế; có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, sáng tạo, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong	Cung cấp chương trình đào tạo dược sỹ cơ bản và chuyên ngành, giúp sinh viên có kiến thức và có khả năng thực hiện các công việc của dược sỹ. Sau khi hoàn thành chương trình, người học phải đạt được những tiêu chuẩn sau: 1. Làm chủ kiến thức về các nguyên liệu sử dụng để làm thuốc: nguồn gốc, cấu trúc, đặc điểm lý hóa học và công dụng; giúp cho người học thực hiện được các công việc của dược sỹ đạt tiêu chuẩn trong nước cũng như quốc tế 2. Làm chủ các kỹ năng về bào chế, sản xuất thuốc, thảo dược và các sản phẩm chăm sóc sức khỏe khác, kỹ năng kiểm tra chất lượng, đảm bảo chất lượng các sản phẩm này theo tiêu chuẩn quốc tế. 3. Có khả năng cung cấp dịch vụ chăm sóc dược bao gồm đánh giá cơ bản về người bệnh, xác định và giải quyết các vấn đề liên quan đến thuốc, xác định kế hoạch

TT	Mục tiêu của CTĐT đại trà	Mục tiêu của CTĐT chất lượng cao	Mục tiêu của CTĐT của ĐH Mahidol
	và cung ứng thuốc tốt; có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ chuyên môn, góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.	lĩnh vực dược; thành thạo tiếng Anh trong các lĩnh vực chuyên môn; có năng lực nghiên cứu khoa học và khả năng tự học nâng cao trình độ chuyên môn. Người học có khả năng làm việc trong các doanh nghiệp dược, hệ thống y tế quốc gia và quốc tế.	điều trị về thuốc, tư vấn cho bệnh nhân; và lên kế hoạch cho hệ thống sử dụng thuốc. Tất cả các biện pháp nhằm mục đích thúc đẩy việc sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả. 4. Có khả năng giao tiếp và cung cấp thông tin về thuốc và các sản phẩm chăm sóc sức khỏe đến người bệnh và các nhân viên y tế một cách chính xác, cập nhật và đáng tin cậy. 5. Có khả năng tự học, tìm kiếm thông tin, phân tích, tổng hợp và áp dụng các kiến thức dược cho quá trình học trong tương lai 6. Làm chủ kiến thức và khả năng khuyến khích cộng đồng thực hiện lối sống lành mạnh, ngăn ngừa dịch bệnh. 7. Có đạo đức, tư cách để thực hành nghề dược đúng pháp luật

(i) So với chương trình đại trà, Mục tiêu chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Dược học được nâng cao ở những điểm sau:

- Năng lực chuyên môn tốt hơn
- Tiếng anh sử dụng thành thạo
- Năng lực nghiên cứu khoa học
- Năng lực cá nhân: có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, sáng tạo, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực dược.
- Khả năng làm việc trong các doanh nghiệp dược, hệ thống y tế quốc gia và quốc tế.

(ii) So với chương trình đào tạo ngành Dược của Đại học Mahidol, mục tiêu của chương trình đào tạo CLC có những điểm tương đồng như sau:

- Rèn luyện đạo đức, hành nghề đúng pháp luật
- Tương đồng trong tập trung vào năng lực nghề nghiệp dược gồm “định hướng hướng tới người bệnh” và “định hướng hướng tới thuốc”, đặc biệt lĩnh vực chăm sóc dược trong định hướng hướng tới người bệnh.

- Tập trung tăng cường năng lực tiếng Anh.
- Tăng cường năng lực cá nhân: khả năng làm việc độc lập & nhóm, khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề, khả năng tự học & làm chủ kiến thức, khả năng hội nhập
- Khả năng sẵn sàng làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp thông qua việc tăng cường thời lượng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng mềm.

b) Về chuẩn đầu ra CTĐT đại trà và CTĐT chất lượng cao

(i) Giống nhau:

- Đảm bảo các năng lực cơ bản theo đúng chuẩn năng lực cơ bản dược sỹ Việt Nam theo Quyết định số 4815/QĐ-BYT ngày 15/10/2019 của Bộ Y tế phê duyệt tài liệu "Chuẩn năng lực cơ bản của Dược sỹ Việt Nam".

- Đáp ứng khung trình độ quốc gia theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

(ii) Những điểm khác nhau

So với CTĐT ngành Dược đại trà, Chuẩn đầu ra của CTĐT chất lượng cao được nâng cao ở những điểm sau:

Bảng 2.2. Những điểm khác nhau về chuẩn đầu ra của CTĐT chất lượng cao và CTĐT đại trà

TT	Nội dung	CTĐT chất lượng cao	CTĐT đại trà
1	Ngoại ngữ	Đạt trình độ tiếng Anh từ bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.	Đạt trình độ tiếng Anh từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.
		Sử dụng tiếng Anh thành thạo trong giao tiếp, trao đổi học thuật và nghiên cứu trong lĩnh vực dược	Sử dụng được tiếng Anh trong các tình huống cơ bản của giao tiếp, trao đổi học thuật và nghiên cứu trong lĩnh vực Dược.
2	Tin học	Vận dụng được kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản trong soạn thảo, trình bày văn bản, tính toán, thống kê và sử dụng hiệu quả một số phần mềm thông dụng trong lĩnh vực Dược.	Vận dụng được kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản trong soạn thảo, trình bày văn bản, tính toán, thống kê và sử dụng một số phần mềm thông dụng trong lĩnh vực Dược.

TT	Nội dung	CTĐT chất lượng cao	CTĐT đại trà
		Soạn thảo, trình bày văn bản, tìm kiếm thông tin y học, tính toán thống kê, sử dụng hiệu quả một số phần mềm thông dụng trong lĩnh vực Dược và biện giải được kết quả liên quan.	Soạn thảo, trình bày văn bản, tìm kiếm thông tin y học, tính toán, thống kê, sử dụng được một số phần mềm thông dụng trong lĩnh vực Dược và biện giải kết quả liên quan.
3	Nghiên cứu khoa học	Vận dụng được kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học để thực hiện một số nghiên cứu trong lĩnh vực Dược.	Không có
		Tham gia thực hiện được một số đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Dược	Không có
4	Chuyên môn	Vận dụng được các kiến thức cơ bản, cốt lõi và công nghệ để xây dựng công thức, quy trình sản xuất các dạng bào chế thông dụng; xây dựng quy trình sản xuất nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.	Vận dụng được các kiến thức cơ bản và công nghệ để xây dựng công thức, quy trình sản xuất các dạng bào chế thông dụng; xây dựng quy trình sản xuất một số nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.
		Vận dụng được các kiến thức cơ bản và cốt lõi để phát triển dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng và hướng dẫn sử dụng được các sản phẩm có nguồn gốc dược liệu.	Vận dụng được các kiến thức cơ bản để phát triển dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng và hướng dẫn sử dụng được các sản phẩm có nguồn gốc dược liệu.
		Vận dụng được các kiến thức cập nhật liên quan đến sử dụng thuốc để tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý cho nhân viên y tế và người bệnh.	Vận dụng các kiến thức cơ bản liên quan đến sử dụng thuốc hợp lý nhằm tối ưu hóa sử dụng thuốc trong một số tình huống lâm sàng thường gặp.

TT	Nội dung	CTĐT chất lượng cao	CTĐT đại trà
		Vận dụng được một số phương pháp, chức năng quản lý và kinh tế được trong chu trình cung ứng thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng ở quy mô, đơn vị khác nhau.	Vận dụng được một số phương pháp, chức năng quản lý và kinh tế được trong các hoạt động cung ứng thuốc ở quy mô, đơn vị khác nhau.
		Tham gia được việc xây dựng kế hoạch điều trị cho người bệnh; phát hiện, giải quyết được một số vấn đề liên quan đến thuốc trong tình huống lâm sàng.	Tham gia được một số hoạt động cơ bản trong triển khai, theo dõi, giám sát sử dụng thuốc trên người bệnh và một số hoạt động thúc đẩy việc sử dụng thuốc hợp lý tại cơ sở y tế.
		Thực hiện được các phương pháp , chức năng quản lý và kinh tế được trong chu trình cung ứng thuốc ở quy mô, đơn vị khác nhau.	Thực hiện được một số phương pháp , chức năng quản lý và kinh tế được trong một số hoạt động cung ứng thuốc ở quy mô, đơn vị khác nhau.
		Có khả năng làm việc độc lập và phối hợp làm việc nhóm trong môi trường hội nhập.	Có khả năng làm việc độc lập hoặc phối hợp làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi.
	Vị trí việc làm	Trong nước và môi trường quốc tế	

c) Về chuẩn đầu ra CTĐT chất lượng cao và CTĐT tham khảo của Đại học Mahidol
(i) Những điểm tương đồng

- Hai chương trình cùng tiếp cận ban đầu bằng cung cấp kiến thức cơ bản về các lĩnh vực liên quan đến ngành Dược như hóa học, sinh học, liên quan cấu trúc tác dụng, dược liệu, hóa sinh, vi sinh, dược lý,... (Chuẩn đầu ra 1 của CTĐT Đại học Mahidol tương ứng với các chuẩn đầu ra về kiến thức cơ bản trong mục kiến thức của chương trình đào tạo chất lượng cao).

- Tương đồng trong việc hướng tới hoàn thiện các kỹ năng mềm (tư duy logic, đánh giá tổng hợp thông tin, học tập suốt đời, xử lý vấn đề), kỹ năng giao tiếp, công nghệ thông tin trong lĩnh vực dược, làm việc nhóm, thực hiện các nghiên cứu khoa học

(chuẩn đầu ra 4 và 8 của Mahidol so với chuẩn đầu ra 2.3, 2.5, 2.7, 2.9 của chương trình chất lượng cao (CTCLC)).

- Cùng hướng tới thực hành nghề nghiệp theo các lĩnh vực khác nhau:

+ Lĩnh vực chăm sóc dược: có sự tương đồng về các công việc của dược sỹ với mục tiêu hình thành người dược sỹ có năng lực mức chuyên gia về chăm sóc dược, tham gia dược vào nhóm đa ngành, quản lý về dược (Chuẩn đầu ra 3 và 7 của Đại học Mahidol so với các chuẩn đầu ra 1.8, 1.9, 2.12, 2.13 của chương trình đào tạo chất lượng cao).

+ Lĩnh vực khoa học dược (bào chế, sản xuất thuốc và đảm bảo chất lượng thuốc): Cả 2 chương trình đều tập trung vào cung cấp kiến thức cơ bản và thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực này (chuẩn đầu ra 2 và 6 của Đại học Mahidol so với chuẩn đầu ra 1.7, 1.8, 1.11, 2.10, 2.11, 2.14 của chương trình đào tạo chất lượng cao).

- Bên cạnh cung cấp kiến thức, kỹ năng, mức tự tự chủ, chịu trách nhiệm của dược sỹ sau khi ra trường cũng được 2 chương trình đề cập đến: ví dụ các lĩnh vực về đạo đức trong hành nghề dược, luật dược, tính chuyên nghiệp, khả năng lãnh đạo, dẫn dắt chuyên môn, đổi mới sáng tạo, tự học, tự cập nhật (chuẩn đầu ra 5 của Đại học Mahidol so với các tiêu chuẩn về mức tự chủ và trách nhiệm của chương trình đào tạo chất lượng cao).

- Về vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp: Vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp chương trình đào tạo Dược được ĐH Mahidol công bố rất tương đồng với Trường Đại học Dược Hà Nội ở các vị trí: (i) Dược sỹ bệnh viện, (ii) Dược sỹ cộng đồng

Dược sỹ sản xuất, quản lý chất lượng, đảm bảo chất lượng và nghiên cứu phát triển tại các nhà máy sản xuất dược phẩm, thuốc dược liệu, thực phẩm, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm.

Dược sỹ có công việc liên quan đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng như dược sỹ làm việc tại Phòng Quản lý chất lượng của Cục Y tế, Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm, Bộ Y tế, giám sát quá trình sản xuất dược phẩm, thuốc dược liệu, thực phẩm, TPCN và mỹ phẩm.

Dược sỹ có công việc liên quan đến học thuật như giảng viên, nhà nghiên cứu và nhà khoa học.

Dược sỹ có công việc liên quan đến nghiên cứu lâm sàng các sản phẩm liên quan.

Dược sỹ có công việc liên quan đến tiếp thị các sản phẩm liên quan.

(ii) Những điểm khác nhau

Bảng 2.3. Điểm khác biệt về chuẩn đầu ra của CTĐT chất lượng cao và chương trình nước ngoài tham khảo

TT	CTĐT chất lượng cao được học - Trường Đại học Dược Hà Nội	Chuẩn đầu ra CTĐT được học - Đại học Mahidol
1	Các chuẩn đầu ra của CTCLC được chia ra thành kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, trách nhiệm (31 PLOs) theo khung trình độ quốc gia của Bộ GD&ĐT của Bộ Giáo dục & Đào tạo Việt Nam.	Các chuẩn đầu ra của CTĐT Dược sỹ của ĐH Mahidol được xây dựng theo nhóm (8 PLOs, 32 subPLOs) dựa trên định hướng thực hành nghề nghiệp. Các SubPLOs của ĐH Mahidol khá chi tiết về các năng lực nghề nghiệp của Dược sỹ.
2	CDR của CTCLC chia thành các phần kiến thức và kỹ năng riêng lẻ. Người học sẽ được áp dụng các kiến thức và kỹ năng hướng tới thành các năng lực thực hành nghề nghiệp của dược sỹ.	CDR dựa trên thực hành nghề nghiệp nên được viết theo các công việc thực hiện theo tiêu chuẩn.
3	Vận dụng được cơ sở lý luận triết học về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh	Không có
4	Đạt trình độ tiếng Anh từ bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (tiếng Anh 20%)	Không có

2.1.2.2. Phân tích, đối chiếu so sánh cấu trúc, nội dung của chương trình CLC với CTĐT đại trà và CTĐT nước ngoài

CTĐT CLC được xây dựng với sự điều chỉnh, cải tiến CTĐT đại trà đang được thực hiện tại Trường Đại học Dược Hà Nội có tham khảo CTĐT Dược của ĐH Mahidol. CTĐT của Mahidol được đào tạo trong 6 năm với 225 tín chỉ, CTĐT đại trà của HUP 165 tín chỉ, đào tạo trong 5 năm. CTĐT CLC được xây dựng đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng chuyên môn tuy nhiên lại phải phù hợp, thuận tiện khi triển khai, có thể chuyển đổi linh hoạt với CTĐT đại trà nên tổng thời lượng chương trình không thể quá chênh lệch so với CTĐT nhưng lại phải đảm bảo tính ưu việt hơn. Vì vậy, khi thiết kế CTĐT CLC, Hội đồng xây dựng chương trình đã xác định tăng dung lượng CTĐT ở mức độ hợp lý để không quá tải với người học, chú trọng tăng cường nội dung chuyên

sâu về chăm sóc được của “định hướng hướng tới người bệnh”, tăng cường kỹ năng mềm, kỹ năng phân tích dựa trên vấn đề, năng lực tiếng anh và năng lực thực hành nghề nghiệp; cải tiến phương thức tổ chức đào tạo thông qua việc ứng dụng công nghệ 4.0, các hình thức mô hình mô phỏng trong tổ chức đào tạo, từng bước được thiết kế hướng tới module hóa và tăng thời lượng thực hành nghề nghiệp. Kết quả so sánh cấu trúc giữa CTĐT đại trà và CTĐT CLC được thể hiện trong bảng 2.4.

Bảng 2.4. So sánh cấu trúc khung CTĐT CLC và CTĐT đại trà

	Khối kiến thức	CTĐT CLC			CTĐT Đại trà		
		Số tín chỉ	Số giờ		Số tín chỉ	Số giờ	
			Lý thuyết	Thực hành/ seminar		Lý thuyết	Thực hành/ seminar
1	Kiến thức giáo dục đại cương (Chưa kể các phần nội dung GDTC và GDQP)	32	362	118	36	414	126
	- Các môn chung (Chưa kể các phần nội dung GDTC và GDQP)	19	221	64	22	250	80
	- Các môn cơ sở khối ngành	13	141	54	14	164	46
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	118			108		
	- Kiến thức cơ sở ngành	37	401	154	36	368	172
	- Kiến thức ngành và chuyên ngành	75			72		
	+ Kiến thức ngành	53	528	297	50	468	312
	+ Kiến thức định hướng	22	205	125	17- 22		
	- Tự chọn	6			4-5		
3	Ôn và Thi tốt nghiệp	10			10		
	Tổng cộng	160			154		

Như vậy, tuy thời lượng chương trình đào tạo chỉ tăng 5 tín chỉ nhưng tập trung cho mục tiêu hướng tới tăng cường tính chuyên sâu. Có thể thấy trong CTĐT CLC khối kiến thức giáo dục đại cương giảm đi 4 tín chỉ so với chương trình đại trà tuy nhiên khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp được tăng lên 10 tín chỉ, thời lượng thực hành, seminar

của khối kiến thức này cũng tăng 484 tiết lên 586 tiết. Việc tăng này cho thấy CTĐT chú trọng đến phát triển, tăng cường năng lực thực hành nghề nghiệp cho người học.

Đối chiếu về mặt nội dung có thể nói CTĐT CLC có sự thay đổi về chất khá nhiều so với CTĐT đại trà, số môn học/học phần thay đổi kết cấu tuy không nhiều nhưng có tới 32/61 học phần có sự thay đổi về nội dung, mục tiêu, chuẩn đầu ra môn học. Sự thay đổi rõ rệt trong nhóm giáo dục đại cương có thể kể đến các môn như Toán thống kê y dược được chuyển thành môn Thống kê Dược, giảm tải phần Toán cao cấp mang tính lý thuyết tập trung vào các nội dung thống kê cần thiết cho hoạt động nghiên cứu và hành nghề của Dược sỹ. Môn Hóa Đại cương - Vô cơ giảm 1 tín chỉ phần nội dung đã học trong phổ thông, môn Vật lý, Tin học chuyển thành Vật lý ứng dụng, Tin học ứng dụng. Môn Sinh học đại cương đã được thay bằng môn Đại cương về sinh học phân tử tế bào để tiếp cận với xu thế phát triển của ngành Sinh học. Sự có mặt của môn Nhập môn Dược khoa cũng đem lại bộ mặt mới mẻ cho CTĐT CLC, sinh viên sẽ được truyền cảm hứng nghề nghiệp ngay từ khi mới vào trường, hiểu được vai trò, vị trí của dược sỹ trong xã hội, vòng đời của thuốc, làm quen với các kỹ năng, thao tác cơ bản cần thiết trong phòng thí nghiệm... điều này trong CTĐT chưa có. Một số môn học được tăng thời lượng như Hóa hữu cơ, Hóa dược để cung cấp kiến thức cho các môn học về sau cho thấy sự cải tiến CTĐT sau phản hồi. Môn Tiếng Anh cũng thay đổi cách tiếp cận, chú trọng phần tiếng anh chuyên ngành, đòi hỏi người học phải chủ động học ngoại ngữ như một công cụ của thời đại mới nhưng cũng đồng thời giúp sinh viên CLC có thể tiếp cận với các môn cơ sở và chuyên ngành được giảng bằng Tiếng Anh trong chương trình. Các môn học phục vụ cho định hướng Chăm sóc dược được chọn lọc và tổ hợp từ 2 định hướng Dược lý- Dược lâm sàng và định hướng Quản lý- Kinh tế dược theo hướng tới chăm sóc bệnh nhân từ bệnh viện đến cộng đồng. Môn Bệnh học vì thế cũng được thay đổi theo hướng bổ dung tiếp cận với các bệnh cộng đồng, phục vụ cho môn Dược cộng đồng hướng tới việc tiếp cận từ triệu chứng để đi đến giải pháp cho bệnh nhân trong tư vấn. Môn Sinh lý miễn dịch giảm 1 tín chỉ để chuyển sang Hóa sinh... Điều đáng chú ý là để nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, một trong những yêu cầu của sinh viên CLC, CTĐT CLC đã có mặt môn Nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. Bảng đối sánh CTĐT CLC và CTĐT đại trà được thể hiện trong phụ lục 2.2.

Đối sánh với CTĐT nước ngoài tham khảo “PharmD” của Đại học Mahidol có thể nói là CTĐT CLC của HUP có sự tương đồng rất lớn. Về kết cấu và khung chương trình do thời lượng đào tạo đang chênh nhau 1 năm kèm theo là cơ chế cấp bằng Dược sỹ của hai nước có sự khác biệt nên CTĐT của Mahidol có thời lượng nhiều hơn đáng kể (225 tín chỉ so với 171 tín chỉ) tuy nhiên khi đối chiếu phần mô tả tổng quan nội dung môn học ta có thể thấy sự trùng khớp giữa các môn học. Có thể kể ra sự có mặt của các

môn học chung trong cả 2 chương trình như Sinh học đại cương, Vi sinh, Giải phẫu sinh lý, Vật lý, Hóa hữu cơ, Hóa Đại cương, Hóa phân tích, Hóa sinh, Hóa dược, Thực vật, Dược liệu, Dược học cổ truyền, Bào chế, Dược động học, Dược lý, Dược lâm sàng... Môn Nhập môn Dược khoa trong CTĐT CLC của HUP được thiết kế tham khảo từ môn Giới thiệu ngành Dược có phát triển thêm mang đặc thù với HUP. Các môn tương đồng của hai chương trình khi xây dựng CTĐT CLC cũng đã được các Bộ môn tham khảo chương trình của ĐH Mahidol điều chỉnh, cải tiến. Sự tích hợp các môn học của 2 định hướng cũng được tham khảo từ CTĐT Chăm sóc Dược của Mahidol... Khác nhau trong hai chương trình chủ yếu là phần thực hành nghề nghiệp. CTĐT của Mahidol kéo dài hơn 1 năm vì vậy phần thực hành nghề nghiệp được đề cập đến sâu hơn trong CTĐT của HUP tuy nhiên phần năng lực cốt lõi của sinh viên sau khi ra trường của hai trường giao thoa lớn, chênh nhau không nhiều. Điều đáng chú ý, không những chỉ với CTĐT của ĐH Mahidol mà khi làm đối sánh CTĐT CLC của HUP với một số CTĐT trên thế giới có thể thấy sự tương thích với các CTĐT khác như Đại học Sydney (Úc), Đại Groningen (Hà Lan), Đại học Yonsei (Hàn Quốc)... Điều này cho thấy CTĐT CLC của HUP xây dựng hoàn toàn có thể đáp ứng được yêu cầu theo quy định và đạt được mục tiêu Trường đề ra là từng bước nâng cao trình độ chuyên môn, chất lượng giảng dạy, hướng tới đào tạo được các chủ nhân của thế giới phẳng toàn cầu hóa. Bảng đối sánh CTĐT CLC và CTĐT của Đại học Mahidol được thể hiện trong phụ lục 2.3.

2.1.3. Nhận xét của hai chuyên gia ngoài Trường

- GS. TS. Nguyễn Thanh Hải, Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc gia Hà Nội

- PGS. TS. Nguyễn Quốc Huy, Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

(Bản nhận xét đính kèm phụ lục)

2.2. Đội ngũ giảng viên, trợ giảng, cán bộ quản lý, cố vấn học tập và phục vụ thực hành thí nghiệm

2.2.1. Đội ngũ giảng viên

2.2.1.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu đúng ngành đăng ký đào tạo (giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ, đại học)

Tính đến ngày 01/12/2021 Trường có 21 bộ môn trực thuộc có thể đảm nhiệm nhiệm vụ giảng dạy tất cả các môn học trong chương trình đào tạo ngành Dược CLC dự kiến. Cụ thể, trường hiện có 174 giảng viên cơ hữu, trong đó có 06 giáo sư, 37 phó giáo sư, 98 tiến sĩ (bao gồm cả GS và PGS), 71 thạc sĩ. Đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm 56,3%, đội ngũ giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên chiếm 97,1%. Ngoài ra Trường còn có 214 giảng viên thỉnh giảng tại các bệnh viện, cơ quan quản lý và công ty dược.

Bảng 2.5. Danh sách giảng viên cơ hữu đúng ngành đào tạo chất lượng cao

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm công nhận	Học vị, năm công nhận	Số bài báo công bố trong nước 5 năm gần nhất	Số bài báo công bố ngoài nước 5 năm gần nhất
1	Phạm Bảo Tùng	1982	GV		TS, 2016	6	8
2	Nguyễn Thạch Tùng	1982	GVCC	PGS, 2020	TS, 2012	15	11
3	Trần Thị Hải Yến	1982	GV		TS, 2010	22	6
4	Vũ Ngọc Mai	1988	GV		ThS, 2018	0	8
5	Nguyễn Cảnh Hưng	1991	GV		ThS, 2016	3	5
6	Vũ Thị Thu Giang	1974	Phó Trưởng bộ môn, PTBM	PGS, 2018	TS, 2012	21	7
7	Nguyễn Đình Luyện	1957	GVCC	GS, 2020	TS, 2007	25	7
8	Nguyễn Ngọc Chiến	1972	Viện trưởng	GS, 2020	TS, 2006	34	16
9	Kiều Thị Hồng	1972	GV		ThS, 1999	2	0
10	Trần Ngọc Bảo	1988	GV		ThS, 2016	3	5
11	Nguyễn Thị Thanh Duyên	1977	Phó Trưởng bộ môn	PGS, 2018	TS, 2010	21	1
12	Nguyễn Văn Giang	1987	GVC		TS, 2019	25	5
13	Nguyễn Văn Hải	1982	GVC		TS, 2014	27	7
14	Lê Thị Thu Hòa	1977	GV		ThS, 2004	0	0
15	Đào Nguyệt Sương Huyền	1984	GVC		TS, 2019	25	5
16	Lê Ngọc Khánh	1987	GV		ThS, 2018	5	0
17	Nguyễn Khắc Tiệp	1986	GV		TS, 2020	5	7
18	Trần Trọng Biên	1992	GV		ThS, 2019	20	3
19	Nguyễn Mạnh Tuyền	1973	Trưởng bộ môn	PGS, 2011	TS, 2007	21	6
20	Bùi Hồng Cường	1971	Phó Trưởng bộ môn	PGS, 2018	TS, 2008	27	2
21	Đào Thị Thanh Hiền	1976	GVC		TS, 2010	14	3

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm công nhận	Học vị, năm công nhận	Số bài báo công bố trong nước 5 năm gần nhất	Số bài báo công bố ngoài nước 5 năm gần nhất
22	Hà Văn Oanh	1977	GV		TS, 2013	35	6
23	Chữ Thị Thanh Huyền	1987	GV		TS, 2019	15	3
24	Phạm Thái Hà Văn	1984	GV		ThS, 2013	9	1
25	Phạm Thị Thúy Vân	1973	Phó Trưởng bộ môn, PTBM	PGS, 2018	TS, 2013	28	9
26	Nguyễn Thị Liên Hương	1974	GVCC	PGS, 2016	TS, 2010	35	9
27	Nguyễn Thành Hải	1980	GVCC	PGS, 2018	TS, 2012	33	2
28	Vũ Đình Hòa	1981	Phó Giám đốc Trung tâm DI&ADR Quốc gia		TS, 2013	60	10
29	Nguyễn Tử Sơn	1983	GVC		TS, 2019	8	4
30	Lê Bá Hải	1986	GV		TS, 2021	1	2
31	Đồng Thị Xuân Phương	1988	GV		ThS, 2013	3	2
32	Nguyễn Thị Thảo	1990	GV		ThS, 2015	8	1
33	Nguyễn Thị Thu Thủy	1993	GV		ThS, 2017	23	1
34	Nguyễn Hữu Duy	1994	GV		ThS, 2019	4	0
35	Nguyễn Thu Hằng	1975	Trưởng bộ môn	PGS, 2015	TS, 2005	13	6
36	Nguyễn Quỳnh Chi	1978	Phó Trưởng bộ môn		TS, 2009	10	0
37	Nguyễn Việt Thân	1956	GVCC	PGS, 2007	TS, 1992	15	7
38	Nguyễn Hoàng Tuấn	1977	GVCC	PGS, 2018	TS, 2010	47	43
39	Phạm Tuấn Anh	1981	GV		TS, 2020	10	3

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm công nhận	Học vị, năm công nhận	Số bài báo công bố trong nước 5 năm gần nhất	Số bài báo công bố ngoài nước 5 năm gần nhất
40	Thân Thị Kiều My	1982	GV		TS, 2020	5	1
41	Nguyễn Thái An	1966	Trưởng phòng	PGS, 2010	TS, 2004	5	1
42	Đỗ Quyên	1973	Trưởng phòng	PGS, 2015	TS, 2007	17	5
43	Vũ Xuân Giang	1975	Trưởng phòng		TS, 2015	0	0
44	Đào Thị Vui	1966	Trưởng bộ môn	PGS, 2013	TS, 2008	22	5
45	Nguyễn Thùy Dương	1976	Phó Trưởng bộ môn	PGS, 2018	TS, 2013	29	6
46	Nguyễn Hoàng Anh	1976	Giám đốc trung tâm DI&ADR Quốc gia	PGS, 2015	TS, 2007	170	29
47	Đỗ Thị Nguyệt Quế	1975	GV		TS, 2014	3	2
48	Trần Hồng Linh	1976	GV		ThS, 2010	5	1
49	Nguyễn Thu Hằng	1982	GV		ThS, 2007	10	7
50	Phạm Đức Vịnh	1990	GV		ThS, 2017	8	8
51	Hoàng Thị Tuyết Nhung	1975	GV		TS, 2013	3	0
52	Nguyễn Thị Ngọc Hà	1976	GV		TS, 2016	2	0
53	Lê Đình Quang	1977	Trưởng bộ môn		TS, 2020	5	0
54	Mai Xuân Bách	1983	GV		ThS, 2012	1	0
55	Nguyễn Phương Nhung	1989	GV		ThS, 2014	4	2
56	Nguyễn Hải Nam	1972	Hiệu trưởng	GS, 2015	TS, 2002	12	35
57	Phan Thị Phương Dung	1970	Phụ trách bộ môn	PGS, 2016	TS, 2012	5	9
58	Đào Thị Kim Oanh	1978	GVCC	PGS, 2018	TS, 2013	10	7

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm công nhận	Học vị, năm công nhận	Số bài báo công bố trong nước 5 năm gần nhất	Số bài báo công bố ngoài nước 5 năm gần nhất
59	Nguyễn Thị Thuận	1970	GVCC	PGS, 2021	TS, 2010	19	13
60	Trần Phương Thảo	1985	GVCC	PGS, 2021	TS, 2015	23	20
61	Đỗ Thị Thanh Thủy	1975	GVC		TS, 2020	10	1
62	Phạm Thế Hải	1984	GV		TS, 2014	8	45
63	Nguyễn Tường Vy	1967	Trưởng phòng	PGS, 2013	TS, 2009	4	0
64	Đỗ Thị Mai Dung	1990	GV		TS, 2020	7	10
65	Đinh Thị Thanh Hải	1969	Phó Hiệu trưởng	PGS, 2012	TS, 2004	15	7
66	Văn Thị Mỹ Huệ	1975	Trưởng bộ môn	PGS, 2018	TS, 2008	8	3
67	Vũ Trần Anh	1975	Phó Trưởng bộ môn	PGS, 2016	TS, 2011	4	1
68	Ngô Xuân Hoàng	1987	GV		ThS, 2015	14	1
69	Nguyễn Thị Kiều Anh	1967	GVCC	PGS, 2011	TS, 2006	26	4
70	Vũ Đặng Hoàng	1976	Phó Trưởng bộ môn	PGS, 2015	TS, 2005	12	7
71	Phạm Thị Thanh Hà	1977	GVCC	PGS, 2015	TS, 2006	28	2
72	Nguyễn Lâm Hồng	1974	GVC		TS, 2020	9	1
73	Tổng Thị Thanh Vượng	1980	GVC		TS, 2019	14	4
74	Đặng Thị Ngọc Lan	1984	GVC		TS, 2017	10	0
75	Phạm Lê Minh	1987	GV		TS, 2021	2	6
76	Ngô Minh Thúy	1987	GV		ThS, 2014	3	0
77	Phùng Thanh Hương	1976	Trưởng bộ môn	PGS, 2015	TS, 2010	11	11
78	Nguyễn Thị Lập	1975	GVCC	PGS, 2015	TS, 2007	16	4

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm công nhận	Học vị, năm công nhận	Số bài báo công bố trong nước 5 năm gần nhất	Số bài báo công bố ngoài nước 5 năm gần nhất
79	Đào Thị Mai Anh	1978	GVC		TS, 2011	15	7
80	Nguyễn Xuân Bắc	1983	GV		TS, 2017	6	4
81	Đỗ Hồng Quảng	1976	Phó Trưởng phòng, PT phòng	PGS, 2018	TS, 2008	8	0
82	Nguyễn Văn Rư	1959	GVCC	PGS, 2016	TS, 2002	40	0
83	Phạm Nữ Hạnh Vân	1982	GV		TS, 2020	10	0
84	Nguyễn Thị Thanh Hương	1972	Phó Trưởng bộ môn, PTBM	PGS, 2016	TS, 2010	31	6
85	Trần Thị Lan Anh	1977	GVC		TS, 2017	8	1
86	Kiều Thị Tuyết Mai	1989	GV		TS, 2021	22	3
87	Lê Thu Thủy	1986	GV		ThS, 2012	25	3
88	Nguyễn Thị Song Hà	1965	GVCC	PGS, 2013	TS, 2003	21	05
89	Nguyễn Thị Phương Thúy	1984	GV		TS, 2021	10	2
90	Nguyễn Thanh Bình	1965	Chủ tịch hội đồng Trường	GS, 2013	TS, 2004	120	9
91	Đỗ Xuân Thắng	1975	Trưởng phòng		TS, 2013	38	2
92	Lã Thị Quỳnh Liên	1984	GV		TS, 2018	5	5
93	Trần Văn Ôn	1966	GVCC	PGS, 2013	TS, 2003	19	10
94	Hoàng Quỳnh Hoa	1975	Trưởng bộ môn		TS, 2010	14	3
95	Phạm Hà Thanh Tùng	1983	GV		TS, 2019	2	19
96	Nghiêm Đức Trọng	1986	GV		ThS, 2014	16	15

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm công nhận	Học vị, năm công nhận	Số bài báo công bố trong nước 5 năm gần nhất	Số bài báo công bố ngoài nước 5 năm gần nhất
97	Phạm Thị Linh Giang	1991	GV		ThS, 2019	6	2
98	Võ Quốc Ánh	1976	Phụ trách bộ môn		TS, 2018	6	19
99	Lê Thị Thu Trang	1982	GVC		ThS, 2010	10	0
100	Vũ Thị Hồng Hạnh	1985	GV		TS, 2019	0	2
101	Đào Văn Nam	1987	GV		TS, 2021	0	4
102	Lương Thị Thanh Huyền	1989	GV		TS, 2017	0	3
103	Trần Trịnh Công	1961	GVC		TS, 2015	21	1
104	Tạ Thu Lan	1987	GV		ThS, 2015	2	2
105	Võ Thị Thu Thủy	1967	GVC		ThS, 2009	11	0

2.2.1.2. Đội ngũ giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần của ngành đào tạo CLC

Bảng 2.6. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần của ngành đào tạo CLC

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh KH, năm công nhận	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Phạm Bảo Tùng	1982	GV		TS, Hà Lan, 2016	Dược học	Bào chế và sinh dược học 1
2	Nguyễn Thạch Tùng	1982	GVCC	PGS, 2020	TS, Hàn Quốc, 2012	Dược học	Bào chế và sinh dược học 2
3	Vũ Ngọc Mai	1988	GV		ThS, Úc, 2018	Dược học	Bào chế và sinh dược học 2

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh KH, năm công nhận	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
4	Nguyễn Cảnh Hưng	1991	GV		ThS, CH Pháp, 2016	Công nghệ được phẩm-Sinh được học	Bào chế và sinh được học 1
5	Vũ Thị Thu Giang	1974	GVCC	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2012	Dược học	Bào chế và sinh được học 2
6	Nguyễn Đình Luyện	1957	GVCC	GS, 2020	TS, Việt Nam, 2007	Dược học	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
7	Đàm Thanh Xuân	1965	GVCC	PGS, 2018	TS, Liên bang Nga, 1994	Hóa học	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
8	Nguyễn Ngọc Chiến	1972	Viện trưởng	GS, 2020	TS, Hoa Kỳ, 2006	Dược học	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
9	Trần Ngọc Bảo	1988	GV		ThS, CH Ireland, 2016	Dược học	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
10	Nguyễn Thị Thanh Duyên	1977	Phó Trưởng bộ môn	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2010	Dược học	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
11	Nguyễn Văn Giang	1987	GVC		TS, Việt Nam, 2019	Dược học	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
12	Nguyễn Văn Hải	1982	GVC		TS, Liên bang Nga, 2014	Dược học	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
13	Đào Nguyệt Sương Huyền	1984	GVC		TS, Việt Nam, 2019	Dược học	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
14	Lê Ngọc Khánh	1987	GV		ThS, Vương quốc Bỉ, 2018	Sinh học phân tử	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
15	Nguyễn Khắc Tiệp	1986	GV		TS, Vương quốc Bỉ, 2020	Khoa học Y sinh và Dược học	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
16	Bùi Thị Thúy Luyện	1987	GV		TS, Hàn Quốc, 2015	Hóa dược	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
17	Nguyễn Mạnh Tuyển	1973	Trưởng bộ môn	PGS, 2011	TS, Trung Quốc, 2007	Dược học	Dược học cổ truyền
18	Bùi Hồng Cường	1971	Phó Trưởng bộ môn	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2008	Dược học	Dược học cổ truyền

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh KH, năm công nhận	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
19	Đào Thị Thanh Hiền	1976	GVC		TS, Hà Lan, 2010	Công nghệ tế bào thực vật	Dược học cổ truyền
20	Hà Vân Oanh	1977	GV		TS, Việt Nam, 2013	Dược học	Dược học cổ truyền
21	Chữ Thị Thanh Huyền	1987	GV		TS, Trung Quốc, 2019	Dược học	Dược học cổ truyền
22	Phạm Thị Thúy Vân	1973	Phó Trưởng bộ môn, PTBM	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2013	Dược học	Sử dụng thuốc trong điều trị 1; Sử dụng thuốc trong điều trị 2
23	Nguyễn Thị Liên Hương	1974	GVCC	PGS, 2016	TS, Việt Nam, 2010	Dược học	Dược lâm sàng đại cương; Thực hành dược lâm sàng trong bệnh viện
24	Nguyễn Thành Hải	1980	GVCC	PGS, 2018	TS, CH Pháp, 2012	Dược học	Dược lâm sàng đại cương; Thực hành dược lâm sàng trong bệnh viện
25	Vũ Đình Hòa	1981	Phó Giám đốc Trung tâm DI&AD R Quốc gia		TS, Hà Lan, 2013	Dược học	Dược lâm sàng đại cương; Thông tin và tư vấn sử dụng thuốc
26	Nguyễn Tứ Sơn	1983	GVC		TS, Úc, 2019	Dược học	Thực hành dược lâm sàng trong bệnh viện; Thông tin và tư vấn sử dụng thuốc

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh KH, năm công nhận	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
27	Lê Bá Hải	1986	GV		TS, CH Pháp, 2021	Y sinh học sức khỏe - Dược động học lâm sàng	Sử dụng thuốc trong điều trị 1; Dược động học
28	Nguyễn Thu Hằng	1975	Trưởng bộ môn	PGS, 2015	TS, Việt Nam, 2005	Dược học	Dược liệu 1, Dược liệu 2
29	Nguyễn Quỳnh Chi	1978	Phó Trưởng bộ môn		TS, CH Pháp, 2009	Hóa học và Hóa lý các hợp chất có hoạt tính sinh học	Dược liệu 1; Dược liệu 2
30	Nguyễn Viết Thân	1956	GVCC	PGS, 2007	TS, Liên bang Nga, 1992	Dược học	Dược liệu 1; Dược liệu 2
31	Nguyễn Hoàng Tuấn	1977	GVCC	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2010	Dược học	Dược liệu 1; Dược liệu 2
32	Phạm Tuấn Anh	1981	GV		TS, Việt Nam, 2020	Dược học	Dược liệu 1; Dược liệu 2
33	Thân Thị Kiều My	1982	GV		TS, Việt Nam, 2020	Dược học	Dược liệu 1; Dược liệu 2
34	Nguyễn Thái An	1966	Trưởng phòng	PGS, 2010	TS, Việt Nam, 2004	Dược học	Dược liệu 1; Dược liệu 2
35	Đỗ Quyên	1973	Trưởng phòng	PGS, 2015	TS, CH Pháp, 2007; (2004)	Hóa học và Hóa lý các hợp chất có hoạt tính sinh học; (Dược học)	Dược liệu 1; Dược liệu 2
36	Vũ Xuân Giang	1975	Trưởng phòng		TS, Việt Nam, 2015	Dược học	Dược liệu 1; Dược liệu 2

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh KH, năm công nhận	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
37	Đào Thị Vui	1966	Trưởng bộ môn	PGS, 2013	TS, Việt Nam, 2008	Dược học	Dược lý đại cương và dược lý dẫn truyền; Bệnh học 2
38	Nguyễn Thùy Dương	1976	Phó Trưởng bộ môn	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2013	Dược học	Dược lý ứng dụng trong điều trị
39	Nguyễn Hoàng Anh	1976	Giám đốc trung tâm DI&AD R Quốc gia	PGS, 2015	TS, CH Pháp, 2007	Khoa học Dược	Dược lý lâm sàng; Quản lý cung ứng thuốc
40	Đỗ Thị Nguyệt Quế	1975	GV		TS, Việt Nam, 2014	Dược học	Dược động học
41	Nguyễn Thu Hằng	1982	GV		ThS, Hàn Quốc, 2007	Dược học	Dược lý ứng dụng trong điều trị; Dược lý lâm sàng
42	Trần Quang Long	1966	Trưởng bộ môn		ThS, Việt Nam, 2018	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất
43	Hoàng Thị Tuyết Nhung	1975	GV		TS, Việt Nam, 2013	Dược học	Hóa Đại cương-Vô cơ
44	Nguyễn Thị Ngọc Hà	1976	GV		TS, Việt Nam, 2016	Dược học	Hóa Đại cương-Vô cơ
45	Lê Đình Quang	1977	Trưởng bộ môn		TS, Việt Nam, 2020	Dược học	Hóa Đại cương-Vô cơ
46	Mai Xuân Bách	1983	GV		ThS, Đức, 2012	Dược học	Hóa Đại cương-Vô cơ
47	Nguyễn Phương Nhung	1989	GV		ThS, Việt Nam, 2014	Công nghệ sinh học và Dược học	Hóa Đại cương-Vô cơ
48	Trần Đình Nghĩa	1980	GV		ThS, Việt Nam, 2008	Hóa học	Hóa Đại cương-Vô cơ

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh KH, năm công nhận	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
49	Nguyễn Hải Nam	1972	Hiệu trưởng	GS, 2015	TS, Hàn Quốc, 2002	Dược học	Hóa dược 1; Hóa dược 2
50	Phan Thị Phương Dung	1970	Phụ trách bộ môn	PGS, 2016	TS, Việt Nam, 2012	Dược học	Hóa dược 1
51	Đào Thị Kim Oanh	1978	GVCC	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2013	Dược học	Hóa dược 1
52	Nguyễn Thị Thuận	1970	GVCC	PGS, 2021	TS, CH Pháp, 2010	Dược học	Hóa dược 1; Hóa dược 2
53	Trần Phương Thảo	1985	GVCC	PGS, 2021	TS, Hàn Quốc, 2015	Dược học	Hóa dược 1; Hóa dược 2
54	Đỗ Thị Thanh Thủy	1975	GVC		TS, Việt Nam, 2020	Dược học	Hóa dược 1
55	Phạm Thế Hải	1984	GV		TS, Cu-Ba, 2014	Dược học	Hóa dược 1; Hóa dược 2
56	Nguyễn Tường Vy	1967	Trưởng phòng	PGS, 2013	TS, Việt Nam, 2009	Dược học	Hóa dược 1
57	Đỗ Thị Mai Dung	1990	GV		TS, Việt Nam, 2020	Dược học	Hóa dược 1
58	Đinh Thị Thanh Hải	1969	Phó Hiệu trưởng	PGS, 2012	TS, Việt Nam, 2004	Dược học	Hóa hữu cơ 1; Hóa hữu cơ 2
59	Văn Thị Mỹ Huệ	1975	Trưởng bộ môn	PGS, 2018	TS, Hàn Quốc, 2008	Dược học	Hóa hữu cơ 1; Hóa hữu cơ 2
60	Vũ Trần Anh	1975	Phó Trưởng bộ môn	PGS, 2016	TS, Việt Nam, 2011	Dược học	Hóa hữu cơ 1; Hóa hữu cơ 2
61	Nguyễn Thị Kiều Anh	1967	GVCC	PGS, 2011	TS, Việt Nam, 2006	Dược học	Hóa Phân tích 2
62	Vũ Đặng Hoàng	1976	Phó Trưởng bộ môn	PGS, 2015	TS, Vương quốc Anh, 2005	Dược học	Hóa Phân tích 1; Kiểm nghiệm
63	Phạm Thị Thanh Hà	1977	GVCC	PGS, 2015	TS, Vương quốc Bỉ, 2006	Dược học	Kiểm nghiệm
64	Nguyễn Lâm Hồng	1974	GVC		TS, Việt Nam, 2020	Dược học	Kiểm nghiệm

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh KH, năm công nhận	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
65	Tổng Thị Thanh Vượng	1980	GVC		TS, Việt Nam, 2019	Dược học	Độc chất
66	Đặng Thị Ngọc Lan	1984	GVC		TS, Việt Nam, 2017	Dược học	Hóa Phân tích 2
67	Phạm Lê Minh	1987	GV		TS, Hàn Quốc, 2021	Dược học	Hóa Phân tích 1; Kiểm nghiệm
68	Phùng Thanh Hương	1976	Trưởng bộ môn	PGS, 2015	TS, Việt Nam, 2010	Dược học	Hóa sinh; Đại cương sinh học phân tử tế bào
69	Nguyễn Thị Lập	1975	GVCC	PGS, 2015	TS, Nhật Bản, 2007	Khoa học đời sống được	Hóa sinh; Đại cương sinh học phân tử tế bào
70	Đào Thị Mai Anh	1978	GVC		TS, CH Pháp, 2011	Khoa học đời sống và sức khỏe	Hóa sinh; Đại cương sinh học phân tử tế bào
71	Nguyễn Xuân Bắc	1983	GV		TS, Vương quốc Bỉ, 2017	Dược	Hóa sinh; Đại cương sinh học phân tử tế bào
72	Đỗ Hồng Quảng	1976	Phó Trưởng phòng, PT phòng	PGS, 2018	TS, CH Pháp, 2008	Sinh học phân tử được	Hóa sinh; Đại cương sinh học phân tử tế bào
73	Trần Thị Giang Thanh	1973	Phụ trách bộ môn		ThS, Việt Nam, 2000	Kinh tế	Kinh tế chính trị; Tư tưởng Hồ Chí Minh
74	Vũ Thị Thảo	1990	GV		ThS, Việt Nam, 2015	Triết học	Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh
75	Lê Thị Thảo	1973	GVC		ThS, Việt Nam, 2005	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
76	Lê Thị Lan Anh	1974	GVC		ThS, Việt Nam, 2000	Triết học	Triết học Mác Lênin; Lịch sử

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh KH, năm công nhận	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
							Đảng Cộng sản Việt Nam
77	Nguyễn Ngân Hà	1990	GV		ThS, Việt Nam, 2017	Triết học	Triết học Mác Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học
78	Nguyễn Thị Thanh Vân	1976	Trưởng bộ môn		ThS, Việt Nam, 2009	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh chuyên ngành 1,2
79	Nguyễn Văn Anh	1976	GV		ThS, Việt Nam, 2016	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh chuyên ngành 1,2
80	Trịnh Thị Thanh Xuân	1983	GV		ThS, Việt Nam, 2010	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1,2
81	Vũ Thị Nhung	1973	GV		ThS, Việt Nam, 2019	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1,2
82	Lê Tố Hương	1975	GV		ThS, Việt Nam, 2019	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1,2
83	Nguyễn Thị Thanh Hương	1972	Phó Trưởng bộ môn, PTBM	PGS, 2016	TS, Việt Nam, 2010	Dược học	Quản lý cung ứng thuốc; Nghiên cứu khoa học- Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp
84	Nguyễn Thanh Bình	1965	Chủ tịch Hội đồng trường	GS, 2013	TS, Việt Nam, 2004	Dược học	Quản lý học đại cương; Pháp luật đại cương
85	Nguyễn Thị Song Hà	1965	GVCC	PGS, 2013	TS, Việt Nam, 2003	Dược học	Quản lý học đại cương; Dược xã hội học
86	Dương Viết Tuấn	1985	GV		ThS, Vương Quốc Anh, 2013	Quản trị kinh doanh	Quản lý học đại cương; Pháp chế dược
87	Kiều Thị Tuyết Mai	1989	GV		TS, Việt Nam, 2021	Dược học	Pháp luật đại cương; Kinh tế dược

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh KH, năm công nhận	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
88	Nguyễn Thị Phương Thuý	1984	GV		TS, Việt Nam, 2021	Dược học	Pháp luật đại cương; Pháp chế dược
89	Vũ Thuý Dương	1979	GV		ThS, CH Pháp, 2004	Quản trị kinh doanh	Kinh tế dược
90	Trần Thị Lan Anh	1977	GVC		TS, Việt Nam, 2017	Dược học	Pháp chế dược; Dược xã hội học
91	Lã Thị Quỳnh Liên	1984	GV		TS, Thụy Điển, 2018	Khoa học Y học	Dịch tễ dược cơ bản; Dược cộng đồng
92	Đỗ Xuân Thắng	1975	GVC		TS, Vương Quốc Anh, 2013	Dược học	Dịch tễ dược cơ bản; Dược cộng đồng
93	Phạm Nữ Hạnh Vân	1982	GV		TS, Việt Nam, 2020	Dược học	Quản lý cung ứng thuốc; Dịch tễ dược cơ bản
94	Trần Văn Ôn	1966	GVCC	PGS, 2013	TS, Việt Nam, 2003	Dược học	Thực vật; Nghiên cứu khoa học- Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp
95	Hoàng Quỳnh Hoa	1975	Trưởng bộ môn		TS, Việt Nam, 2010	Dược học	Thực vật
96	Phạm Hà Thanh Tùng	1983	GV		TS, Hàn Quốc, 2019	Dược học	Thực vật
97	Nghiêm Đức Trọng	1986	GV		ThS, Việt Nam, 2014	Dược học	Thực vật
98	Phạm Thị Linh Giang	1991	GV		ThS, Việt Nam, 2019	Dược học	Thực vật
99	Quách Thị Sen	1982	Trưởng bộ môn		TS, Việt Nam, 2020	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn toán	Thống kê Dược
100	Phạm Thị Hồng Cẩm	1970	GV		ThS, Việt Nam, 2005	Toán giải tích	Thống kê Dược

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh KH, năm công nhận	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
101	Đỗ Thành Long	1976	GV		ThS, Việt Nam, 2017	Công nghệ thông tin	Tin học Ứng dụng
102	Hoàng Nguyên Phong	1976	GV		ThS, Việt Nam, 2017	Công nghệ thông tin	Tin học Ứng dụng
103	Phạm Đình Thắng	1970	GV		TS, Việt Nam, 2021	Quản lý Giáo dục	Tin học Ứng dụng
104	Trần Quang Tuyền	1969	GV		ThS, Việt Nam, 2011	Công nghệ thông tin	Tin học Ứng dụng
105	Võ Quốc Ánh	1976	Phụ trách bộ môn		TS, Hoa Kỳ, 2018	Dược học	Hóa lý Dược
106	Trần Thị Huyền	1971	GV		ThS, Việt Nam, 1999	Vật lý học	Vật lý ứng dụng
107	Nguyễn Đức Thiện	1974	GV		TS, Việt Nam, 2015	Vật lý kỹ thuật	Vật lý ứng dụng
108	Nguyễn Anh Vũ	1971	GV		ThS, Việt Nam, 2010	Vật lý học	Vật lý ứng dụng
109	Lê Thị Thu Trang	1982	GVC		ThS, Việt Nam, 2010	Dược học	Hóa lý Dược
110	Lý Công Thành	1984	GV		ThS, Việt Nam, 2009	Vật lý học	Vật lý ứng dụng
111	Vũ Thị Hồng Hạnh	1985	GV		TS, New Zealand, 2019	Dược học	Hóa lý Dược
112	Đào Văn Nam	1987	GV		TS, Úc, 2021	Dược học	Hóa lý Dược
113	Nguyễn Thị Hồng Đức	1989	GV		ThS, Việt Nam, 2014	Vật lý học	Vật lý ứng dụng
114	Lương Thị Thanh Huyền	1989	GV		TS, CH Pháp, 2017	Hóa dược	Hóa lý Dược
115	Đỗ Ngọc Quang	1979	GV		TS, Singapore, 2012	Sinh học	Đại cương sinh học phân tử tế bào; Vi sinh- Ký sinh trùng
116	Trần Trịnh Công	1961	GVC		TS, Việt Nam, 2015	Dược học	Vi sinh- Ký sinh trùng
117	Lê Thị Thu Hương	1967	GVC		ThS, Việt Nam, 2002	Ký sinh trùng	Vi sinh- Ký sinh trùng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh KH, năm công nhận	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
118	Nguyễn Liên Hương	1971	GV		ThS, Việt Nam, 2005	Vi sinh Y học	Vi sinh- Ký sinh trùng
119	Tạ Thu Lan	1987	GV		ThS, Việt Nam, 2014	Dược học	Vi sinh- Ký sinh trùng
120	Võ Thị Thu Thủy	1967	GVC		ThS, Việt Nam, 1999	Dược học	Vi sinh- Ký sinh trùng
121	Nguyễn Quỳnh Lê	1983	Phụ trách bộ môn		TS, Nhật Bản, 2014	Sinh học phân tử	Đại cương sinh học phân tử tế bào; Vi sinh- Ký sinh trùng
122	Trần Thị Thanh Huyền	1977	Phụ trách bộ môn		ThS, Việt Nam, 2012	Y học	Bệnh học 1
123	Phan Thị Tổ Như	1983	GV		ThS, Việt Nam, 2013	Y học	Bệnh học 1
124	Nguyễn Thị Hương Giang	1972	Trưởng trạm		TS, Việt Nam, 2020	Y học	Bệnh học 1; Bệnh học 2
125	Phan Thu Hằng	1987	GV		ThS, Việt Nam, 2018	Y học	Giải phẫu sinh lý; Sinh lý bệnh miễn dịch
126	Nguyễn Nữ Hải Yến	1984	GV		ThS, Việt Nam, 2015	Y học	Giải phẫu sinh lý; Sinh lý bệnh miễn dịch

2.2.1.3. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần của ngành đào tạo CLC

Bảng 2.7. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần của ngành đào tạo CLC

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ hiện tại	Chức danh KH, năm công nhận	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm	Cơ quan công tác hiện tại
1	Cao Minh Đức	1979	Trưởng phòng Học máy và Mô hình hoá		TS, Úc, 2010	Tin sinh học	Khóa luận tốt nghiệp	Công ty Sinh dược học Gritstone Bio

2	Đỗ Minh Sĩ	1979	Phó Tổng giám đốc		TS, Đức, 2007	Sinh học tế bào	Khóa luận tốt nghiệp	Công ty Cổ phần công nghệ sinh học Dược Nanogen
3	Nguyễn Đức Trung	1974	Trưởng khoa Dược		TS, Việt Nam, 2019	Dược học	Quản lý cung ứng thuốc	Bệnh viện Trung ương Quân đội 108

2.2.2. Đội ngũ trợ giảng

Bảng 2.8. Danh sách trợ giảng tham gia trợ giảng các học phần của CTCLC

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ hiện tại	Đơn vị công tác hiện tại	Học vị, nước, năm công nhận	Ngành, chuyên ngành	Học phần/số tín chỉ dự kiến đảm nhiệm
1.	Dương Tiến Anh	1994	Nghiên cứu sinh	Trường ĐH Dược Hà Nội (NCS)	Dược sĩ, Việt Nam, 2017; NCS	Dược học	Hóa dược 1; Hóa dược 2
2.	Phạm Trần Thu Hà	1987	Nghiên cứu sinh	Trường ĐH Dược Hà Nội (NCS)	ThS, Việt Nam, 2017; NCS	Dược học	Hóa sinh
3.	Lưu Nguyễn Nguyệt Trâm	1985	Giảng viên	Trường ĐH Y- Dược, ĐH Huế	ThS, Việt Nam, 2014; NCS	Dược học	Kinh tế dược
4.	Trần Thị Hải Yến	1982	GV	Trường ĐH Dược Hà Nội	TS, Liên bang Nga, 2010	Dược học	Bào chế và sinh dược học 1
5.	Phạm Thái Hà Văn	1984	GV	Trường ĐH Dược Hà Nội	ThS, Việt Nam, 2013	Dược học	Dược học cổ truyền
6.	Kiều Thị Hồng	1972	Phó Trưởng phòng	Trường ĐH Dược Hà Nội	ThS, Việt Nam, 1999	Dược học	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
7.	Lê Thị Thu Hòa	1977	GV	Trường ĐH Dược Hà Nội	ThS, Việt Nam, 2004	Dược học	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
8.	Trần Trọng Biên	1992	GV	Trường ĐH Dược Hà Nội	ThS, Việt Nam, 2019	Dược học	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
9.	Đồng Thị Xuân Phương	1988	GV	Trường ĐH Dược Hà Nội	ThS, Việt Nam, 2013	Dược học	Dược lâm sàng đại cương;

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ hiện tại	Đơn vị công tác hiện tại	Học vị, nước, năm công nhận	Ngành, chuyên ngành	Học phần/số tín chỉ dự kiến đảm nhiệm
							Sử dụng thuốc trong điều trị 2
10.	Nguyễn Thị Thảo	1990	GV	Trường ĐH Dược Hà Nội	ThS, Việt Nam, 2015	Dược học	Sử dụng thuốc trong điều trị 1; Thông tin và tư vấn sử dụng thuốc
11.	Nguyễn Thị Thu Thủy	1993	GV	Trường ĐH Dược Hà Nội	ThS, Việt Nam, 2017	Dược học	<i>Sử dụng thuốc trong điều trị 2; Thực hành dược lâm sàng trong bệnh viện</i>
12.	Nguyễn Hữu Duy	1994	GV	Trường ĐH Dược Hà Nội	ThS, Việt Nam, 2019	Dược học	<i>Dược lâm sàng đại cương; Sử dụng thuốc trong điều trị 2</i>
13.	Trần Hồng Linh	1976	GV	Trường ĐH Dược Hà Nội	ThS, Việt Nam, 2010	Dược học	Dược động học, Dược lý đại cương và dược lý dẫn truyền
14.	Phạm Đức Vịnh	1990	GV	Trường ĐH Dược Hà Nội	ThS, Việt Nam, 2017	Dược học	Dược động học, Dược lý ứng dụng trong điều trị
15.	Vũ Tiến Thành	1980	GV	Trường ĐH Dược Hà Nội	Đại học, Việt Nam, 2002	Sư phạm Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất
16.	Đỗ Mạnh Dũng	1991	GV	Trường ĐH Dược Hà Nội	Đại học, Việt Nam, 2013	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất
17.	Hoàng Thu Trang	1982	GVC	Trường ĐH Dược Hà Nội	ThS, Việt Nam, 2007	Hóa học	Hóa hữu cơ 1; Hóa hữu cơ 2
18.	Bùi Thị Thanh Hà	1986	GV	Trường ĐH Dược Hà Nội	ThS, Việt Nam, 2012	Hóa học	Hóa hữu cơ 1; Hóa hữu cơ 2

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ hiện tại	Đơn vị công tác hiện tại	Học vị, nước, năm công nhận	Ngành, chuyên ngành	Học phần/số tín chỉ dự kiến đảm nhiệm
19.	Ngô Xuân Hoàng	1987	GV	Trường ĐH Dược Hà Nội	ThS, Việt Nam, 2015	Dược học	Hóa hữu cơ 1; Hóa hữu cơ 2
20.	Mai Văn Hiên	1987	GV	Trường ĐH Dược Hà Nội	ThS, Việt Nam, 2020	Dược học	Hóa sinh
21.	Lê Thu Thủy	1986	GV	Trường ĐH Dược Hà Nội	ThS, Việt Nam, 2012	Dược học	Pháp chế dược; Dược cộng đồng

2.2.3. Đội ngũ cán bộ quản lý, cố vấn học tập

2.2.3.1. Đội ngũ cán bộ quản lý

Bảng 2.9. Đội ngũ cán bộ quản lý chương trình chất lượng cao

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Học vị	Ngành, chuyên ngành	Vị trí công tác
1	Nguyễn Hải Nam	Giáo sư	Tiến sĩ	Hóa dược	Hiệu trưởng
2	Đinh Thị Thanh Hải	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Phó Hiệu trưởng
3	Phạm Văn Quyến		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Phó Hiệu trưởng
4	Vũ Xuân Giang		Tiến sĩ	Dược học	Trưởng phòng Đào tạo
5	Đỗ Hồng Quảng	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Phó Trưởng phòng; Phụ trách phòng Sau đại học
6	Đinh Thị Hiền Vân		Thạc sĩ	Quan hệ quốc tế	Trưởng phòng Hợp tác quốc tế
7	Nguyễn Tường Vy	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí
8	Đỗ Quyên	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Trưởng phòng Quản lý khoa học
9	Nguyễn Thái An	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Trưởng phòng Quản lý sinh viên
10	Lê Phan Tuấn		Thạc sĩ	Dược học	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính
11	Tổng Thùy Linh		Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Trưởng phòng Tài chính kế toán

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Học vị	Ngành, chuyên ngành	Vị trí công tác
12	Nguyễn Hữu Hoàng			Quản trị kinh doanh	Phó Trưởng phòng, Phụ trách Phòng Quản lý cơ sở vật chất
13	Nghiêm Thị Hoài Phương			Thư mục học và Thư viện học	Trưởng Thư viện
14	Nguyễn Thu Thảo			Kinh tế	Phó Trưởng phòng Vật tư và Trang thiết bị
15	Trần Thị Lan Hương		Thạc sĩ	Dược học	Phòng Đào tạo
16	Nguyễn Thành Hải	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Phòng Hợp tác quốc tế
17	Đào Nguyệt Sương Huyền		Tiến sĩ	Dược học	Bộ môn Công nghiệp dược
18	Hoàng Thị Liên		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Phòng Tài chính kế toán
19	Nguyễn Thị Hà Dương		Thạc sĩ	Dược học	Phòng Đào tạo
20	Đoàn Minh Sang		Thạc sĩ	Dược học	Phòng Quản lý sinh viên
21	Đào Thị Vui	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Trưởng bộ môn Dược lực
22	Phạm Thị Thúy Vân	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Phó Trưởng bộ môn, Phụ trách bộ môn Dược lâm sàng
23	Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học	Phó Trưởng bộ môn, Phụ trách bộ môn Quản lý và Kinh tế dược

2.2.3.2. Đội ngũ cố vấn học tập

Bảng 2.10. Đội ngũ cố vấn học tập chương trình chất lượng cao

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Học vị	Ngành, chuyên ngành	Vị trí công tác	Ghi chú
1	Trần Thị Lan Hương		Thạc sĩ	Dược học	Giảng viên, Phòng Đào tạo	Giảng viên BM Hóa dược

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Học vị	Ngành, chuyên ngành	Vị trí công tác	Ghi chú
2	Lê Ngọc Khánh		Thạc sĩ	Sinh học phân tử	Giảng viên, Bộ môn Công nghiệp dược	
3	Phạm Bảo Tùng		Tiến sĩ	Dược học	Giảng viên Bộ môn Bào chế	
4	Đào Nguyệt Sương Huyền		Tiến sĩ	Dược học	Giảng viên chính, Bộ môn Công nghiệp dược	Kiểm nhiệm 30% tại phòng ĐBCL&KT
5	Phạm Thế Hải		Tiến sĩ	Dược học	Giảng viên Bộ môn Hóa dược	
6	Đỗ Thị Mai Dung		Tiến sĩ	Dược học	Giảng viên Bộ môn Hóa dược	

2.2.4. Đội ngũ cán bộ cơ hữu phục vụ thực hành, thí nghiệm

Bảng 2.11. Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu phục vụ ngành đăng ký đào tạo

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hiện nay, năm tốt nghiệp	Phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành	Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ học phần nào trong CTĐT
1	Bùi Văn Thuận	1983	Đại học, Dược học, 2018	Bào chế & sinh dược học	Bào chế & sinh dược học 1, 2
2	Nguyễn Thị Yên	1984	Đại học, Dược học, 2015	Bào chế & sinh dược học	Bào chế & sinh dược học 1, 2
3	Nguyễn Tiến Đạt	1989	Đại học, Dược học, 2020	Bào chế & sinh dược học	Bào chế & sinh dược học 1, 2
4	Bùi Thị Thoa	1989	Đại học, Dược học, 2016	Bào chế & sinh dược học	Bào chế & sinh dược học 1, 2
5	Bùi Thị Thắng	1984	Đại học, Dược học, 2016	Kỹ thuật chiết xuất dược liệu, Bào chế công nghiệp	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
6	Phạm Thị Thanh Huyền	1985	Đại học, Dược học, 2020	Công nghệ vi sinh	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
7	Từ Thị Thu Trang	1988	Đại học, Dược học, 2020	Kỹ thuật hóa dược	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hiện nay, năm tốt nghiệp	Phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành	Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ học phần nào trong CTĐT
8	Nguyễn Thị Kim Chi	1988	Cao đẳng, Dược học, 2014	Bào chế công nghiệp	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
9	Doãn Thị Thu Thủy	1981	Đại học, Dược học, 2012	Phòng Thí nghiệm số 1	Dược liệu 1, Dược liệu 2
10	Nguyễn Văn Hòa	1982	Đại học, Dược học, 2018	Phòng Thí nghiệm số 2	Dược liệu 1, Dược liệu 2
11	Lê Trọng Hoàng	1984	Đại học, Dược học, 2016	Phòng Thí nghiệm số 1	Dược liệu 1, Dược liệu 2
12	Nguyễn Đức Hạnh	1985	Đại học, Dược học, 2019	Phòng Thí nghiệm số 2	Dược liệu 1, Dược liệu 2
13	Đinh Đại Độ	1977	Đại học, Dược học, 2015	Dược lý	Dược động học, Dược lý đại cương và dược lý dẫn truyền, Dược lý ứng dụng trong điều trị
14	Nguyễn Thị Thủy	1984	Đại học, Dược học, 2020	Dược lý	Dược động học, Dược lý đại cương và dược lý dẫn truyền, Dược lý ứng dụng trong điều trị
15	Đinh Thị Kiều Giang	1985	Đại học, Dược học, 2016	Dược lý	Dược động học, Dược lý đại cương và dược lý dẫn truyền, Dược lý ứng dụng trong điều trị
16	Nguyễn Nhật Tân	1980	Đại học, Hóa học, 2013	Hóa Đại Cương- Vô Cơ	Hóa Đại Cương- Vô Cơ
17	Nguyễn Đức Lượng	1981	Đại học, Dược học, 2016	Hóa Đại Cương- Vô Cơ	Hóa Đại Cương- Vô Cơ
18	Vũ Thị Huệ	1983	Đại học, Dược học, 2020	Hóa Đại Cương- Vô Cơ	Hóa Đại Cương- Vô Cơ
19	Phạm Thị Hoa	1972	Đại học, Dược học, 2010	Hóa dược	Hóa dược 1, Hóa dược 2
20	Đỗ Thị Mai Hương	1982	Đại học, Dược học, 2019	Hóa dược	Hóa dược 1, Hóa dược 2

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hiện nay, năm tốt nghiệp	Phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành	Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ học phần nào trong CTĐT
21	Trần Quốc Trung	1983	Đại học, Dược học, 2020	Hóa dược	Hóa dược 1, Hóa dược 2
22	Nguyễn Thị Ngọc Hồi	1983	Đại học, Dược học, 2016	Hóa dược	Hóa dược 1, Hóa dược 2
23	Nguyễn Thị Thanh	1984	Đại học, Dược học, 2018	Hóa Hữu cơ	Hóa hữu cơ 1, 2
24	Nguyễn Thị Thanh Hường	1985	Đại học, Dược học, 2018	Hóa Hữu cơ	Hóa hữu cơ 1, 2
25	Trịnh Minh Cương	1982	Đại học, Hóa học, 2011	Hóa Phân tích và Độc chất	Kiểm nghiệm
26	Vũ Thị Minh Huệ	1984	Đại học, Dược học, 2017	Hóa Phân tích và Độc chất	Hóa Phân tích 2
27	Ngô Thị Phương Thúy	1983	Đại học, Dược học, 2015	Hóa Phân tích và Độc chất	Kiểm nghiệm
28	Nguyễn Thị Nhung	1984	Đại học, Dược học, 2020	Hóa Phân tích và Độc chất	Độc chất
29	Nguyễn Quang Thắng	1983	Đại học, Dược học, 2019	Hóa Phân tích và Độc chất	Hóa Phân tích 1
30	Phạm Đình Triều	1990	Trung cấp, Dược học, 2011	Hóa Phân tích và Độc chất	Hóa Phân tích 1
31	Phạm Thị Bích Du	1973	Đại học, Dược học, 2020	Hóa sinh	Hóa sinh
32	Phạm Thị Kim Thoa	1984	Đại học, Hóa học, 2011	Hóa sinh	Hóa sinh
33	Vũ Thị Ánh	1984	Đại học, Dược học, 2020	Phòng thực hành	Pháp chế Dược
34	Chu Thị Thoa	1984	Đại học, Dược học, 2014	Thực tập thực vật	Thực vật
35	Vũ Thị Châm	1981	Đại học, Dược học, 2012	Vật lý-Hóa lý	Hóa lý dược, Vật lý ứng dụng
36	Đặng Thúy Hồng	1984	Đại học, Dược học, 2019	Vật lý-Hóa lý	Hóa lý dược, Vật lý ứng dụng
37	Vương Đức Tâm	1984	Đại học, Dược học, 2020	Vật lý-Hóa lý	Hóa lý dược, Vật lý ứng dụng
38	Nguyễn Thị Thanh Tâm	1985	Đại học, Dược học, 2020	Vật lý-Hóa lý	Hóa lý dược, Vật lý ứng dụng
39	Nguyễn Thị Toán	1985	Đại học, Dược học, 2019	Sinh học; Vi sinh- Ký sinh trùng	Vi sinh- Ký sinh trùng

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hiện nay, năm tốt nghiệp	Phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành	Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ học phần nào trong CTĐT
40	Bùi Thị Bích Thủy	1973	Đại học, Dược học, 2011	Sinh học; Vi sinh- Ký sinh trùng	Vi sinh- Ký sinh trùng
41	Cao Thị Cẩm Vân	1985	Đại học, Dược học, 2016	Phòng máy; Phòng thí nghiệm	Giải phẫu-sinh lý; Sinh lý bệnh; Miễn dịch
42	Cao Thị Quyên	1988	Cao đẳng, Dược học, 2014	Phòng máy; Phòng thí nghiệm	Giải phẫu-sinh lý; Sinh lý bệnh; Miễn dịch
43	Đào Thanh Tùng	1991	Cao đẳng, Điều dưỡng, 2012	Phòng máy; Phòng thí nghiệm	Giải phẫu-sinh lý; Sinh lý bệnh; Miễn dịch

2.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo chương trình đào tạo chất lượng cao ngành dược, trình độ đại học được trang bị đầy đủ, đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường. Với hệ thống giảng đường lớn, nhỏ, phòng seminar, phòng máy tính hiện đại, kết nối wifi, phòng học ngoại ngữ và phòng thí nghiệm với rất nhiều trang thiết bị để phục vụ cho đào tạo dược sỹ theo chương trình đào tạo chất lượng cao.

Hàng năm được sự quan tâm của Bộ Y tế, nhà trường được mua sắm bổ sung 10-15 tỷ tiền từ vốn NSNN, ngoài ra còn được bổ sung từ các dự án... để nâng cấp trang thiết bị phục vụ đào tạo.

2.3.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, trang thiết bị

Trường hiện có:

- 20 phòng học với tổng diện tích là 3.099 m² (04 giảng đường lớn trên 200 chỗ ngồi, 13 giảng đường từ 50 - 200 chỗ ngồi, 1 giảng đường 50 chỗ, 02 giảng đường 30 chỗ, 01 phòng học ngoại ngữ (có 45 chỗ), 01 phòng tin học (có 53 chỗ).

- 04 phòng hội thảo (diện tích 108 m²/1HT): phòng Hội thảo I, phòng Hội đồng, phòng Giáo sư, phòng họp tại T2 nhà C1A.

- 01 Hội trường lớn (diện tích: 470 m²) (đồng thời là giảng đường lớn)

- 02 phòng học đa phương tiện (diện tích 209 m²)

- 01 thư viện (320 m²)

- 01 sân tập (diện tích: 726 m²)

- 01 vườn thực vật (diện tích 882m²)

- 14 cụm Phòng thí nghiệm đặt tại 14 bộ môn với 43 phòng thí nghiệm thực hành (diện tích 2734 m²)

- 31 phòng nghiên cứu (diện tích 1.476 m²)

- 01 hiệu thuốc thực hành (diện tích 13m²)

Các giảng đường, phòng thí nghiệm có đủ các trang thiết bị cần thiết phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu. Nhà trường đã đầu tư khá lớn để cải thiện các giảng đường và phòng thí nghiệm. Để đáp ứng yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học, Trường bố trí sử dụng các phòng thí nghiệm, phòng thực hành với tần suất có thể đảm nhiệm 4 ca/ngày, phòng học ngoại ngữ và phòng máy được trang bị đủ mỗi SV một máy tính, có điều hoà và wifi phủ khắp các giảng đường, phòng máy.

Khi mở ngành đào tạo để chuẩn bị đào tạo CTCLC nhà trường đã đầu tư:

So với phòng máy tính phục vụ cho CTĐT đại trà thì phòng học thông minh đa phương tiện của CTĐT CLC được trang bị thêm nhiều thiết bị hiện đại như: Máy chiếu, camera, hệ thống âm thanh, phần mềm dạy học và màn hình tương tác... sẽ tạo ra môi trường học hiện đại, thoải mái, tăng khả năng tương tác, giúp người học cũng như giảng viên truyền tải và trao đổi thông tin một cách dễ dàng. Giảng viên dễ dàng trong việc quản lý và điều khiển lớp học, nâng cao hiệu quả học tập và giảng dạy, nâng cao các kỹ năng ngoại ngữ cho sinh viên chất lượng cao.

Bên cạnh các trang thiết bị cho các học phần của chương trình đào tạo chất lượng cao, nhà trường còn tạo điều kiện để sinh viên được nghiên cứu khoa học, thực hành thêm và làm khoá luận trên một danh mục bao gồm rất nhiều trang thiết bị hiện đại: máy sấy tầng sôi, máy sắc ký khí, hệ thống chụp ảnh và phân tích hình ảnh gen, máy phân tích sinh hóa, máy sắc ký khối phổ, máy quang phổ hồng ngoại... Việc bố trí sĩ số cho các tổ, buổi thực tập theo nhóm nhỏ cũng tạo điều kiện cho sinh viên chất lượng cao được thực hành nghề nghiệp nhiều và chất lượng hơn.

Sinh viên đào tạo theo chương trình chất lượng cao được học tập, làm chủ công nghệ, khoa học kỹ thuật, trang thiết bị tiên tiến, hiện đại và phát huy sáng tạo, chủ động trong vận hành, sử dụng và quản lý trang thiết bị.

Bảng 2.12. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học chuyên dụng)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng học thông minh đa phương tiện (02 phòng: 01 phòng máy và 01	2	209	Máy tính để bàn	98	- Tin học
				Máy chiếu, màn chiếu	1	- Thống kê sinh học
				Camera giám sát	1	- Dược lý 1

TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học chuyên dụng) phòng học ngoại ngữ)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
				Phần mềm quản lý lớp học và bài giảng	1	- Thi, kiểm tra, đánh giá - Tra cứu - Luyện nghe tiếng anh.
				Hệ thống mạng không dây	1	
				Màn hình tương tác thông minh	1	
2	Phòng học chuyên dụng bộ môn Dược lâm sàng	3	43	Máy tính để bàn	18	- Dược lâm sàng - Thông tin và tư vấn sử dụng thuốc - Thực hành dược lâm sàng bệnh viện - Sử dụng thuốc trong điều trị 1 - Sử dụng thuốc trong điều trị 2
				Máy chiếu, màn chiếu	1	
				Hệ thống mạng dây	1	
				Ti vi	1	
				Phần mềm:		
				+ Bệnh án nội trú mô phỏng	1	
				+ Đơn ngoại trú mô phỏng	1	
				+ PM tra cứu tương tác thuốc	1	
				+ PM tra cứu thông tin thuốc	1	
				Điều hoà	3	
3	Phòng thực tập 1,2,3 bộ môn Kinh tế dược	3	43	Ti vi	2	- Dược cộng đồng - Đánh giá kinh tế y tế - Quản lý dược bệnh viện - Nghiên cứu marketing dược - Y học dựa trên bằng chứng
				Máy chiếu, màn chiếu	1	
				Camera	2	
				Điều hoà	3	
4	Giảng đường	20	3359,7			Giảng lý thuyết
4.1	Hội trường lớn, Giảng đường lớn >200 chỗ	4	1880 (TB 470 m ² /1 HT)	Điều hòa	16	
				Máy chiếu, màn chiếu	4	
				Camera	8	
				Ti vi	7	

TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học chuyên dụng)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
				Hệ thống âm thanh (Loa âm trần, mic, amply)	59	
4.2	Giảng đường 50-200 chỗ	13	1569 (TB 120m2/1 GD)	Điều hòa	34	
				Máy chiếu, màn chiếu	13	
				Camera	13	
				Hệ thống âm thanh (Loa âm trần, mic, amply)	58	
4.3	Giảng đường khoảng 50 chỗ	3	120 m2 (40m2/1 GD)	Điều hòa	3	
				Máy chiếu, màn chiếu	3	
				Camera	3	
				Hệ thống âm thanh (Loa âm trần, mic, amply)	14	
5	Phòng hội thảo	4	432 (TB 108 m2/1 HT)	Máy chiếu, màn chiếu	2	Phòng họp, hội thảo
				Ti vi	2	
				Camera	2	
				Hệ thống âm thanh (Loa âm trần, mic, amply)	5	
				Hệ thống âm thanh hội thảo	1	
6	Phòng Sermina hóa hữu cơ	1	30	Tủ hút khí độc	1	Sử dụng chung
				Tủ thép cánh kính mở	2	
				Tủ tài liệu cánh gỗ, kính khóa 5 ly	1	
				Tủ đứng 2 buồng	1	
				Tủ thép cánh kính mở	3	
				Bàn làm việc	11	
				Điều hòa nhiệt độ	4	

TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học chuyên dụng)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
				Máy in LaserJet MFP M227-M231	1	
7	Phòng Seminar Hóa sinh	1	55	Bàn làm việc màu vàng	8	Hóa sinh và Hóa sinh lâm sàng
				Ghế sắt mạ Hòa Phát	8	
				Ghế xoay nhân viên	6	
				Bàn họp	1	
				Bàn làm việc	1	
				Tủ tài liệu sắt cánh kính 09K3A	2	
				Máy in Laser HP Jet 1160	1	
				Máy in laser HP 2035	1	
				Bàn vi tính	1	
				Máy tính FPT Elead (2010)	1	
				Ghế quay 550H	2	
8	Phòng seminar Dược liệu	1	50	Máy in	3	Dược liệu 1, dược liệu 2
				Máy tính xách tay	2	
				Máy tính bàn	1	
				Bàn làm việc	5	
				Ghế gấp mạ	2	
				Ghế trưởng phòng	1	
				Hộc di động	5	
				Quạt cây chống nóng	2	
				Tủ nhôm	2	
				Tủ sắt 4 cánh	4	
				Tủ sắt 6 cánh	1	
				Tủ sắt cánh kính	2	
				Tủ sắt cánh lùa kính	1	
				Tivi Led 65inch 4K Ultra HD Samsung	1	

TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học chuyên dụng)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
				Giá treo tivi 65 inch (treo tường)	1	
				Điều hòa	3	

Bảng 2.13. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng thí nghiệm Hóa hữu cơ	146			
1.1			Máy khuấy từ đun nóng	14	Hóa hữu cơ 1, Hóa hữu cơ 2
1.2			Nồi đun bảo ôn	4	
1.3			Tủ sấy để bàn	3	
1.4			Tủ lạnh bảo quản mẫu Alaska IF21	1	
1.5			Tủ hút LFS Hood1200	3	
1.6			Cân kỹ thuật điện tử TE 412 (2008)	3	
1.7			Bàn thí nghiệm	15	
1.8			Bàn máy chân sắt mặt gỗ công nghiệp	3	
1.9			Giá sắt 5 tầng (tách mã 1985-2C)	2	
1.10			Ghế tròn xoay Inox (tách mã 1984-45 C)	45	
1.11			Quạt trần C1m4	6	
1.12			Quạt cây ĐCTN MS	1	
1.13			Bàn làm việc	1	
1.14			Xe đẩy chuyển hóa chất XD.03 (2013)	1	
1.15			Kính hiển vi 2 mắt và phụ kiện MBL-2000S	4	Hóa hữu cơ 1

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1.16			Bơm chân không tuần hoàn nước Herlab, SHB-III	3	Hóa hữu cơ 2
1.17			Lò vi sóng Sharp R-20A1(S) VN	3	
1.18			Máy đo nhiệt độ nóng chảy tự động và phụ kiện MPA-120EZ-Melt	2	Phục vụ NCKH, Khóa luận tốt nghiệp, Thực hành thêm cho SV ĐT CLC
1.19			Bơm chân không tuần hoàn nước Herlab, SHB-III	2	
1.20			Bơm chân không màng	3	
1.21			Đèn UV soi sắc ký Prolabo 3 bước sóng	2	
1.22			Bơm chân không dầu	3	
1.23			Bơm hút và đẩy DOA 604P	1	
1.24			Tủ sấy Heraeus T5050	1	
1.25			Tủ sấy chân không Shelab 1430	1	
1.26			Tủ lạnh SHARP SJ-280E-SL	1	
1.27			Tủ đựng hóa chất có bộ phận lọc khí Erlab	1	
1.28			Bể điều nhiệt tuần hoàn lạnh	1	
1.29			Máy cắt quay chân không	2	
1.30			Bể siêu âm để rửa dụng cụ LC 60/H Elma	1	
1.31			Bộ điều khiển CK cho máy cắt quay CK V800 Butchi	1	
1.32			Bàn máy chân sắt mặt Inox	2	Sử dụng chung
1.33			Bàn máy chân sắt mặt gỗ công nghiệp	1	
1.34			Quạt trần C1m4	2	
1.35			Ghế sắt mạ	6	
1.36			Quạt sàn CN 450	1	
1.37			Tủ hút	2	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1.38			Tivi Led 65 inch 4K-Ultra HD Samsung	1	
1.39			Giá treo tivi 65 inch (giá treo đẩy di động)	1	
1.40			Máy in laser HP 2035 (2010)	1	
1.41			Tủ đựng dụng cụ, HC khung Inox có hệ thống xử lý khí	1	
2	Phòng thí nghiệm Dược lý	137			
2.1	Phòng 1	60m2	Tivi	2	Dược động học, Dược lý đại cương và Dược lý dẫn truyền, Dược lý ứng dụng trong điều trị
2.2			Cân kỹ thuật	4	
2.3			Cân phân tích	2	
2.4			Bể ổn nhiệt	2	
2.5			Bể rửa siêu âm	1	
2.6			Tủ sấy	1	
2.7			Tủ lạnh sâu	1	
2.8			Máy ly tâm	3	
2.9			Máy đo pH để bàn	1	Dược động học
2.10			Hệ thống gây mê hô hấp dùng cho động vật thí nghiệm	1	Dược động học, Dược lý ứng dụng trong điều trị
2.11			Máy phân tích đông máu	1	Dược lý ứng dụng trong điều trị
2.12			Bộ chuyển đổi co thắt phế quản 7020 Panlab letica	1	Phục vụ NCKH, Khóa luận tốt nghiệp, Thực hành thêm cho SV ĐT CLC
2.13			Buồng nuôi cơ quan cô lập Ugo Basile 4000	1	
2.14			Kính hiển vi 2 mắt YS 100 Nikon	1	
2.15			Máy đo độ phù chân chuột LE 7500 Panlab	1	
2.16			Máy đo HA gián tiếp LE5002 Ugobasil	1	
2.17			Máy ghi 1 kênh Ugo Basile	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
2.18			Máy kích thích điện 1 kênh LI-12006	1	
2.19			Máy kích thích điện 4 kênh LE 12406-TC	1	
2.20			Máy ủ ẩm dùng cho HA chuột LP 5610	1	
2.21			Quang phổ UV-1240 Shimadzu	1	
2.22			Trụ quay Rota-Rod 7650 Ugo basile	1	
2.23			Điện di trên gel mini-Protean 3	1	
2.24			Thiết bị ghi điện 1 kênh	1	
2.25			Máy đo phản xạ bằng bản nhiệt	1	
2.26			Bộ đo giảm đau trên bản chân chuột	1	
2.27			Bếp ủ ổn nhiệt WEB-8	1	
2.28			Tủ ẩm điều nhiệt và phụ kiện (bao.gồm máy nghiền đồng thể)	1	
2.29			Hốt nuôi cấy vô trùng và phụ kiện BIO AIR	1	
2.30			Máy cất nước 2 lần Hamilton	1	
2.31			Nồi hấp tiệt trùng và phụ kiện ALP	1	
2.32			Hệ thống chụp ảnh và phân tích hình ảnh gen và phụ kiện UVP	1	
2.33			Tủ lạnh sâu MDF SANYO và hệ thống cung cấp nguồn điện	1	
2.34			Tủ ẩm nuôi tế bào có gắn bình CO2 MCO-15AC, SANYO	1	
2.35			Máy điện di đứng BIORAD	1	
2.36			Máy khuấy từ gia nhiệt IKA	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
2.37			Máy ly tâm dùng trong sinh học phân tử để tách AND 5415R	1	
2.38			Máy ly tâm lạnh 5702R	1	
2.39			Hệ thống Elisa	1	
2.40			Micropipette 8 kênh điều chỉnh thể tích	1	
2.41			Kính hiển vi soi ngược CKX 41-Olympus	1	
2.42			Hệ thống PCR Eppendorf	1	
2.43			Hệ thống máy Real-time PCR	1	
2.44			Máy điện di AND, HU10	1	
2.45			Máy lắc ngang Multi Bio 3D	1	
2.46			Máy ly tâm thường Hettich, EBA20	1	
2.47			Micropipet 8 kênh 0.5-10ml	1	
2.48			Cân kỹ thuật điện tử 0,01 Sartorius, TE412	1	
2.49			Cân phân tích điện tử 0,00001 Sartorius, CPA225D	1	
2.50			Bàn chống rung cho cân phân tích điện tử 0,00001	1	
2.51			Bể ổn nhiệt Biobase, SY-1L4H	1	
2.52			Máy đo sinh hóa máu Teco, TC3300 Plus	1	
2.53			Máy ủ có lắc TSC Biometra GmbH (520-526NSADBTW)	1	
2.54			Bể rửa siêu âm khoảng 6 lít Daihan WUC-A06H	1	
2.55			Bộ khuếch đại tín hiệu kiểu lực cơ cơ (520-526NSADBTW)	1	
2.56			Máy đo hoạt tính vận động (520-526NSADBTW)	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
2.57			Máy (lồng) ghi chuyển hóa (520-526NSADBTW)	1	
2.58			Máy (lồng) ghi phản xạ có điều kiện (520-526NSADBTW)	1	
2.59			Máy hút chân không (520-526NSADBTW)	1	
2.60			Bơm tiêm thẩm tích CMA 402 (520-526 ADBNS)	1	
2.61			Máy cố định động vật & theo dõi TD được lý (520-526 ADBNS)	1	
2.62			Máy phân tích huyết học của động vật 20 thông số Urit-3000	1	
2.63			Bơm tiêm điện tự động Terumo TE-SS700(520-526NSADBTW)	2	
2.64			Máy tính để bàn Acer Veriton X2630G (490-502ADBNS)	1	
2.65			Kính hiển vi soi nổi StereoBlue (SB.1902)	1	
2.66			Máy nghiền đồng thể bằng lưới cắt DLAB D160	1	
2.67			Máy phá mẫu bằng siêu âm UP50H	1	
2.68			Cân kỹ thuật 10-2A&D, EK410i	4	
2.69			Cân phân tích 10-4 A&D, GR200	2	
2.70			Máy đo lưu lượng tuần hoàn máu não động vật TransonicT402-PB	1	
2.71			Bể điều nhiệt 14 lít, Memmert WNB14	1	
2.72			Máy ly tâm để bàn Hermle, Z207A	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
2.73			Máy phân tích đông máu Urit -610	1	
2.74			Tủ hood LFS Hood 1200	1	
2.75			Máy đo phản xạ bằng bản nhiệt Orchid Scientific (HC-01)	1	
2.77			Bảng từ	1	
2.78			Ghế xoay inox 4 chân	25	
2.79			Máy hút ẩm công suất 25 lít/ngày Chkawai DH - 252B (2014)	3	
2.80			Quạt trần ĐCTN	7	
2.81			Tủ đông Funiki HCF220S	1	
2.82			Tủ lạnh	3	
2.83			Tủ nhôm kính	1	
2.84			Tủ sắt 6 buồng	1	
2.85			Tủ sắt 8 cánh	1	
2.86			Tủ sắt cánh kính mở	2	
2.87			Xe đẩy hàng có lưới bảo vệ 970x615x950 (2014)	1	
	Phòng chăm nuôi động vật thí nghiệm		Điều hòa không khí	4	Sử dụng chung
2.88			Bàn thí nghiệm	6	
2.89			Giá thép 5 tầng	7	
2.90			Kệ thép 6 đợt (1,0x0,4x2,0 m)	10	
2.91			Quạt thông gió	2	
2.92			Quạt trần ĐCTN	2	
2.93			Tủ lạnh	1	
2.94			Tủ sắt 8 cánh	1	
2.95			Xe đẩy hàng có lưới bảo vệ 970x615x950 (2014)	1	
2.96			Lồng nuôi thỏ	30	
2.97			Lồng nuôi chuột	60	
2.98			Lồng nuôi chó	5	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
3	Phòng thí nghiệm hóa phân tích và độc chất	191			
3.1			Tủ sấy để bàn	1	Hoá Phân tích 1, hóa phân tích 2; Độc chất; Kiểm nghiệm
3.2			Cân phân tích hiện số TE 214S	1	
3.3			Máy khuấy từ gia nhiệt DAIHAN MSH- 20A	4	
3.4			Cân kỹ thuật điện tử Satorius TE412	2	
3.5			Cân phân tích điện tử Satorius TE214S	1	
3.6			Cân kỹ thuật điện tử 0,01 Sartorius, TE412	4	
3.7			Cân phân tích điện tử 0,0001 Sartorius, TE214S	4	
3.8			Máy khuấy từ gia nhiệt Daihan Scientific, MSH-20A	5	
3.9			Máy đo PH Metler Toledo FE 20 Kit	4	
3.10			Máy đo pH, Thermo Scientific Eutech, pH700	3	
3.11			Cân phân tích 10-4 g A&D (GF 224A)	3	
3.12			Máy đo PH để bàn PH700	3	
3.13			Lò nung ThermConcept	1	Phân tích 1
3.14			Lò nung nhiệt độ Linn LM 312-10	1	
3.15			Sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC	1	Phân tích 2
3.16			Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao Model 1200	1	
3.17			Máy quang phổ UV	1	Phân tích 2; Độc chất; Kiểm nghiệm
3.18			Máy quang phổ UV-VIS Hitachi U5100	1	
3.19			Đèn Cathode rỗng + dd chuẩn 4 loại	1	Độc chất

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
3.20			Bơm mẫu tự động cho AAS ASC -6100 Nhật	1	
3.21			Bộ hydrat hóa HVG- 1 Shimadzu	1	
3.22			Hệ thống quang phổ hấp thụ nguyên tử AA-6800	1	
3.23			Lò Graphite GFA - EX7 Shimadzu	1	
3.24			Máy đo độ rã của thuốc Labindia, DT1000+	1	Kiểm nghiệm
3.25			Máy thử độ hòa tan Erweka DT626	1	
3.26			Hệ thống điện di mao quản 3D CE Agilent technologies	1	Phục vụ NCKH, Khóa luận tốt nghiệp, Thực hành thêm cho SV ĐT CLC
3.27			Máy ly tâm để bàn Jouan B3.11	1	
3.28			Máy ly tâm PLT 012 Germany	1	
3.29			Quang phổ UV-VIS Unicam UV 300	1	
3.30			Máy nén khí MDR-211	1	
3.31			Bơm rửa cột HPLC đẳng dòng	1	
3.32			Máy cực phổ 797VA	1	
3.33			Máy khuấy từ IKA	1	
3.34			Máy đo quang kết nối máy tính Shimadzu UV 1800	1	
3.35			Máy phân tích nhiệt TGA Metler Toledo TGA/DSC 1	1	
3.36			Máy quang phổ huỳnh quang Agilent/ CaryEclipse 490-502ADBNS	1	
3.37			Bộ lọc mẫu phân tích Isolab (490-502ABDNS)	1	
3.38			Máy ly tâm lạnh tốc độ cao Kubota 6500 (520-526NSABDTW)	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
3.39			Tủ lạnh âm -86 độ C(500l) MDF-594-PB Panasonic 520-526NSADBTW	1	
3.40			Máy đo lưu biến (520-526NSADBTW)	1	
3.41			Hệ thống phân tích khối phổ LCMSMS/ESI/APCI(520-526NSADBTW)	1	
3.42			Máy lọc nước siêu sạch Elga Purelab Classic UV	1	
3.43			Máy điện di mao quản	1	
3.44			Bộ chiết pha rắn SPE-24	1	
3.45			Máy cô mẫu bằng N2 Hanon HN200	1	
3.46			Máy chuẩn độ điện thế Metrohm, 888 Titrande	1	
3.47			Cân phân tích 10-4, GR200	1	
3.48			Hệ thống UHPLC Agilent 1260 Infinity II	1	
3.49			Máy quang phổ UV-VIS, U-5100	1	
3.50			Máy quang phổ UV-VIS Hitachi (U-5100)	1	
3.51			Máy quang phổ UV - VIS 2 chùm tia có bộ ổn nhiệt kiểu Peltie	1	
3.52			Cân phân tích 10-4g Shimadzu (AP224Y)	1	
3.53			Cân phân tích bán vi lượng A&D (GH-202)	1	
3.54			Bể điều nhiệt Memmert (WTB15)	1	
3.55			Khuấy từ thường Heidolph	1	
3.56			Máy lắc IKA VIBROFIX (1991)	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
3.57			Micropipet 10-100ml (2012)	1	
3.58			Pipet tự động (2012)	1	
3.59			Bếp đun cách thủy 4 vị trí HH-S4	1	
3.60			Bếp đun cách thủy 2 vị trí HH-S2	1	
3.61			Micropipet 100-1000ml (2012)	1	
3.62			Máy lắc Labinco L-46	1	
3.63			Bàn thí nghiệm có quầy	6	Sử dụng chung
3.64			Bàn thí nghiệm	9	
3.65			Khung tủ hút	1	
3.66			Quạt trần	7	
3.67			Ghế tròn xoay Inox	49	
3.68			Máy hút ẩm AKYO Nhật Bản (2010)	1	
3.69			Máy in laser HP 2035 (2010)	1	
3.70			Máy hút ẩm công suất 25 lít/ngày Chkawai DH - 252B	1	
3.71			Máy hút bụi Electrolux Z2100	1	
3.72			Máy nén khí không dầu giảm âm TM-OF5	1	
3.73			Tủ lạnh SHARP SJ-280E-SL	1	
3.74			Tủ lạnh AQUA	1	
3.75			Giá treo tivi 65 inch (giá treo đẩy di động)	1	
3.76			Máy điều hòa TRANE 2cục/1 chiều	1	
3.77			Máy chiếu đa năng	1	
3.78			Tủ hood LFS Hood 1200	4	
3.79			Hệ thống lọc khí phòng máy (520-526NSADBTW)	1	
3.80			Điều hòa nhiệt độ Panasonic 18000	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
4	Phòng thí nghiệm Hóa Đại cương – Vô cơ	146			
4.1			Cân kỹ thuật	5	Hóa Đại cương – Vô cơ
4.2			Cân phân tích	4	
4.3			Máy khuấy từ gia nhiệt	14	
4.4			Máy ly tâm	3	
4.5			Lò nung	2	
4.6			Tủ sấy	3	
4.7			Máy đo pH	5	
4.8			Tủ hút	3	
4.9			Bàn thí nghiệm	12	
4.10			Giá sắt 5 tầng	1	
4.11			Tủ lạnh	1	
4.12			Tivi Led 65inch 4K Ultra HD Samsung	1	
4.13			Giá treo tivi 65 inch (treo tường)	1	
4.14			Bơm chân không.	3	Phục vụ NCKH, Khóa luận tốt nghiệp, Thực hành thêm cho SV ĐT CLC
4.15			Đèn UV	1	
4.16			Quang phổ UV-VIS	2	
4.17			Bể siêu âm để rửa dụng cụ LC60/H Elma	1	
4.18			Kính hiển vi 2 mắt	3	
4.19			Máy chiếu Panasonic LB 75NT	1	Sử dụng chung
4.20			Máy tính để bàn CMS X Media	1	
4.21			Mô-y-tính để bàn DELL	3	
4.22			Điều hòa không khí.	3	
4.23			Máy in	2	
4.24			Bàn vi tính màu vàng	2	
4.25			Ghế tròn xoay inox	58	
4.26			Ghế văn phòng	16	
4.27			Bàn làm việc	10	
4.28			Quạt cồng	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
4.29	Phòng thí nghiệm Vật lý- Hóa lý	139	Quạt treo tường	3	
4.30			Tủ sắt	12	
5					
5.1			Khúc xạ kế cơ để bàn	2	Vật lý ứng dụng
5.2			Khúc xạ kế điện tử	2	
5.3			Phân cực kế	6	
5.4			Quang sắc kế	3	
5.5			Kính hiển vi quang học	4	
5.6			Cân kỹ thuật	3	
5.7			Bể điều nhiệt dung tích 20 lít	1	Hóa lý dược
5.8			Bể điều nhiệt tuần hoàn	2	
5.9			Cân kỹ thuật điện tử	2	
5.10			Cân phân tích	2	
5.11			Kính hiển vi 2 mắt	2	
5.12			Máy đo pH	3	
5.13			Máy đo áp suất thẩm thấu	1	
5.14			Máy đo quang phổ UV-VIS	3	
5.15			Máy siêu âm	1	
5.16			Máy khuấy từ	4	
5.17			Máy lắc có điều nhiệt	1	
5.18			Máy ly tâm	1	
5.19			Tủ sấy	1	
5.20			Bộ pipet tự động	1	
5.21			Bộ dụng cụ xác định tỷ trọng	2	Phục vụ NCKH, Khóa luận tốt nghiệp, Thực hành thêm cho SV ĐT CLC
5.22			Cầu Wheatstone	2	
5.23			Máy đo nhiệt độ nóng chảy	6	
5.24			Máy đo sức căng bề mặt	1	
5.25			Máy đo hằng số điện môi	1	
5.26			Tủ sấy	3	
5.27			Máy đo độ nhớt	2	
5.28			Cân phù nhiệt Morh	3	
5.29			Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
5.30			Bơm rửa cột HPLC	1	
5.31			Máy cắt quay chân không và phụ kiện	1	
5.32			Máy lắc Vortex	2	
5.33			Máy đồng nhất hóa bằng siêu âm	1	
5.34			Bộ vi chiết pha rắn	1	
5.35			Máy xay keo	1	
5.36			Máy đồng nhất hóa áp suất cao	1	
5.37			Tủ sắt kính mở	2	Sử dụng chung
5.38			Ghế tựa lưng cao	1	
5.39			Bàn thí nghiệm	10	
5.40			Bàn mặt gỗ vàng chân sắt	4	
5.41			Tủ gỗ vàng kê dưới gầm bàn	14	
5.42			Quạt trần điện cơ	1	
5.43			Ghế xoay	27	
5.44			Tủ sắt 2 buồng	1	
5.45			Máy hút ẩm	1	
5.46			Tủ hút khí độc	1	
5.47			Tủ lạnh bảo quản mẫu	2	
5.48			Tủ sắt cánh kính	1	
5.49			Tủ gỗ 2 cánh màu vàng	1	
5.50			Quạt cây	1	
5.51			Máy chiếu	1	
5.52			Máy tính	2	
5.53			Máy in	2	
6	Phòng thí nghiệm hóa dược	144			
6.1			Máy khuấy từ gia nhiệt	31	Hóa Dược 1 và Hóa Dược 2
6.2			Cân kỹ thuật	12	
6.3			Bể điều nhiệt	3	
6.4			Đèn soi sắc ký	6	
6.5			Bể siêu âm	2	
6.6			Cân phân tích	8	
6.7			Máy quang phổ UV-VIS	4	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
6.8			Tủ sấy	4	
6.9			Máy đo năng suất quay cực	5	
6.10			Máy phân cực kế tự động	1	
6.11			Tủ hood	5	
6.12			Tủ lạnh	2	
6.13			Ổn áp Stada	1	Phục vụ NCKH, Khóa luận tốt nghiệp, Thực hành thêm cho SV ĐT CLC
6.14			Nồi đun bình cầu có áo	3	
6.15			pH met	3	
6.16			Pipet tự động	4	
6.17			Cân xác định hàm ẩm	1	
6.18			Máy ly tâm	1	
6.19			Máy đo nhiệt độ nóng chảy	1	
6.20			Bơm rửa cột HPLC	1	
6.21			Bơm hút chân không	5	
6.22			Máy sinh khí Hydro	1	
6.23			Thiết bị hydrogen hóa PAR	1	
6.24			Máy cắt quay chân không	3	
6.25			Máy làm bay hơi mẫu	1	
6.26			Tủ lạnh âm sâu	1	
6.27			Thiết bị làm lạnh bình phản ứng	1	
6.28			Thiết bị phản ứng áp lực	1	
6.29			Máy lắc xoay	2	
6.30			Hệ bình phản ứng	1	
6.31			Thiết bị phản ứng lạnh - 80°C	1	
6.32			Máy quang phổ hồng ngoại	1	
6.33			Tủ bảo quản mẫu	1	
6.34			Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao	1	
6.35			Máy khuấy cơ	1	
6.36			Máy hút ẩm	4	
6.37			Bàn làm việc	3	Phục vụ chung
6.38			Ghế tròn xoay	1	
6.39			Giá sắt 5 tầng	2	
6.40			Bàn máy	5	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
6.41			Ghế xoay cán bộ	7	
6.42			Ghế sắt mạ	6	
6.43			Bàn làm việc 1,5m	7	
6.44			Tủ sắt	10	
6.45			Bàn máy tính	1	
6.46			Ghế xoay 704	1	
6.47			Ghế ngồi nhân viên	9	
6.48			Ghế tròn xoay inox	45	
6.49			Quạt trần	8	
6.50			Giá tài liệu	3	
6.51			Điều hòa	3	
7	Phòng thí nghiệm Bào chế	197			
	Phòng thực tập số 1				
7.1			Máy đo độ mài mòn viên PTF20E-Pharmatest	1	BC và SDH 1, BC và SDH 2
7.2			Máy đo dung tích biểu kiến Erweka SVM 10	1	
7.3			Bảng trượt dọc 1 lớp	1	
7.4			Máy đo độ cứng viên nén	1	
7.5			Cân xác định độ ẩm	1	
7.6			Máy đóng thuốc phun mù và phụ kiện BS-8005 Bestone	1	
7.7			Điều hòa LG 18500 BTU	1	
7.8			Bộ sàng rây phân tích kích thước hạt	1	
7.9			Cân kỹ thuật điện tử Satorious 0,01	5	
7.10			Máy đo PH Metler Toledo FE20 Kit	2	
7.11			Bàn thí nghiệm trung tâm có chậu rửa 3670x1530x800	1	
7.12			Bàn thí nghiệm áp tường chịu hóa chất 2100x760x800	2	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
7.13			Tủ sấy Binder (FD-S115)	1	
7.14			Tivi Led 65 inch 4K-Ultra HD Samsung	1	
	Phòng thực tập số 2				
7.15			Máy đóng túi thuốc bột (520-526NSADBTW)	1	
7.16			Máy dập viên tâm sai	1	
7.17			Korsch		
7.18			Tủ sấy để bàn Memmert	1	
7.19			Tủ sấy UM 500 Memmert - Đức	1	
7.20			Bể siêu âm WUC-A10H	1	
7.21			Máy đo PH Metler Toledo FE20 Kit	1	
7.22			Máy khuấy từ gia nhiệt Daihan Scientific MSH-20A	2	
7.23			Bàn thí nghiệm trung tâm 3000x1200x830 (gồm 2 modul)	3	
7.24			Bàn thí nghiệm đơn sát tường có giá kệ 4500x750x830(2modul)	1	
7.25			Bàn thí nghiệm đơn sát tường 2 bồn rửa 6800x750x830 (3modul)	2	
7.26			Bộ lọc nén Satorius 16249	1	
7.27			Micropipet 100-1000ml (2012)	1	
7.28			Cân kỹ thuật 10-2, EK410i	6	
7.29			Nồi cách thủy Daihan Scientific WB-22	1	
7.30			Tủ sấy Heraeus T5050	1	
7.31			Điều hòa không khí TOSHIBA	1	
7.32			Máy soi thuốc tiêm	1	
7.33			Bộ đóng viên nắp nhôm		

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
7.34			Quạt trần	4	
7.35			Máy hút bụi chân không (2009)	2	
7.36			Giá inox	1	
7.37			Giá inox mặt kính	1	
7.38			Tủ thuốc Y tế nhôm kính	1	
7.39			Bàn Inox 800x2000x750mm	2	
7.40			Bảng từ xanh khung nhôm 1,2 x 2,4m	1	
7.41			Ghế quay 550H	3	
7.42			Ghế tròn xoay Inox (tách mã 1590-20C)	19	
7.43			Máy hàn miệng túi bằng tay	1	
7.44			Máy bơm Hanil PH 255A	1	Phục vụ NCKH, Khóa luận tốt nghiệp, Thực hành thêm cho SV ĐT CLC
7.45			Thiết bị tăng sủi mini Uniglatt	1	
7.46			Bơm nhu động PA-SF IKA Đức	1	
7.47			Máy phun sấy LABPLANT SD05	1	
7.48			Phụ kiện cho máy sấy phun Labplant Anh	1	
7.49			Máy bao phim cỡ nhỏ	1	
7.50			Máy thử độ hoà tan thuốc Erweka TYDT/USP-G	1	
7.51			Máy tạo nang mềm ộp khuôn (520-526NSADBTW)	1	
7.52			Thiết bị phun bao phim Vangaurd	1	
7.53			Máy nộn khô khụng dầu Swan SDU-310	1	
7.54			Máy bao bột khô	1	
7.55			Máy khử ẩm FR-015AP	1	
7.56			Điều hòa TOSHIBA	1	
7.57			Máy tạo nang mềm ép khuôn (520-	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
7.58			526NSADBTW)		
7.59			Các phụ kiện cho máy dập viên xoay tròn	1	
7.60			Quạt trần	2	
7.61			Tủ thuốc Y tế nhôm kính	1	
7.62			Giá treo tivi 65 inch (treo tường)	1	
	Phòng phân tích				
7.63			Máy đo và đếm kích thước tiểu phân Zetasizer Nano ZS 90	1	
7.64			Hệ thống sắc ký lỏng Agilent	1	
7.65			Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao Shimadzu, LC-10ADxr	1	
7.66			Máy phân tích cỡ hạt Mastersizer 3000	1	
7.67			Máy đo áp suất thẩm thấu dùng màng bán thấm Gonotec Osmomat	1	
7.68			Máy quang phổ UV-VIS Hitachi U5100	2	
7.69			Bàn thí nghiệm trung tâm 3000x1200x830 (gồm 2 modul)	1	
7.70			Máy đo micro pH Mettler Toledo (S220)	1	
7.71			Bộ đo độ dẻo mỹ phẩm TA-LC	1	
7.72			Máy ly tâm lạnh tốc độ cao Hanil, Supra R22	1	
7.73			Máy đông khô	1	
7.74			Thiết bị đo độ rã thuốc đạn Pharmatest PTS 3E	1	
7.75			Máy đo độ bền Gel CT3	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
7.76			Buồng pha chế vô khuẩn Class 2 (490-502ADBNS)	1	
7.77			Tủ pha chế vô khuẩn Biobase, BSC-1500IIX	1	
7.78			Máy ly tâm lạnh tốc độ cao Hanil, Supra R22	1	
7.79			Máy chuẩn độ Karl Fischer (520-526NSADBTW)	1	
7.80			Thiết bị nghiền cứu da Cortex	1	
7.81			Điều hòa Daikin âm trần 18000 BTU	1	
7.82			Bàn thí nghiệm đơn sát tường 1800x700x830 (gồm 1 modul)	2	
7.83			Bàn thí nghiệm sát tường chữ L (2000+1500)x700x830 (2modul)	2	
7.84			Cân phân tích hiện số Satorius	1	
7.85			Cân phân tích XB 220A Precisa- Thụy sĩ	1	
7.86			Bộ chia chất lỏng vào bình đông khô	1	
7.87			Bộ lọc chuyên dụng dùng cho máy đông khô	1	
7.88			Quạt trần	2	
7.89			Ghế xoay inox 4 chân	10	
	Phòng máy Bảo chế 1				
7.90			Hệ thống đo độ hoà tan viên thuốc tự động VK 7010 kèm QP UV-	1	
7.91			Máy nghiền siêu mịn MM200 RETCH	1	
7.92			Máy thử độ hoà tan thuốc Erweka TYDT/USP-G	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
7.93			Máy xác định độ rỏ thuốc viண் ZT4-1	1	
7.94			Thiết bị đo độ nhớt LVDVE Book fiend Mỹ	1	
7.95			Thiết bị đo độ thấm của được chất qua da HANSON RESEARCH	1	
7.96			Máy đo độ hoà tan 6 cốc	1	
7.97			Máy đo hấp thụ chất rắn (520-526NSADBTW)	1	
7.98			Máy đồng hóa bằng siêu âm UP 200Ht	1	
7.99			Máy đồng nhất mẫu bằng siêu âm Qsonica Q500 (520-526NSADBTW)	1	
7.100			Thiết bị đồng nhất hóa	1	
7.101			Tủ vi khí hậu Binder, KBF P 240	1	
7.102			Máy dập viên (520-526NSADBTW)	1	
7.103			Tủ sấy chân không LVO 2040 Daihan Labtech (520-526NSADBTW)	1	
7.104			Máy đun dùng NCSX thuốc ETRoDER 65 Lab ản Độ	1	
7.105			Máy lọc nước siêu sạch Elga, PurelabClassic UV(490-502ADBNS)	1	
7.106			Mỏy cắt quay chõn khụng	1	
7.107			Tủ sấy Memmert ULM-500	1	
7.108			Tủ sấy ED 115 Binder Đức	1	
7.109			Bộ đĩa tạo hạt	1	
7.110			Bộ giỏ quay Valkel (08 bộ)	1	
7.111			Bộ lọc chân không Inox Satorius	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
7.112			Máy đùn viên hạt cải Spheroidizen 250 ần Độ	1	
7.113			Bàn có 2 chậu rửa	2	
7.114			Tủ treo bằng Inox	4	
7.115			Quạt trần	2	
7.116			Máy hút âm (2009)	2	
7.117			Ghế sắt mạ gấp G04	8	
7.118			Máy điều hòa JXOR (2010)	1	
7.119			Bàn thí nghiệm inox (0.6x1.3x0.9)	4	
7.120			Ghế xoay inox 4 chân	10	
7.121			Bộ pipet tự động 1000-5000 ML (2014)	1	
7.122			Bộ pipet tự động 100-1000 ML (2014)	1	
7.123			Bộ pipet tự động 10-100 ML (2014)	1	
7.124			Máy chiếu Projector Panasonic	1	Sử dụng chung
7.125			Tivi Led 65 inch 4K-Ultra HD Samsung	1	
7.126			Máy tính để bàn CMS X-Media (490-502ADBNS)	2	
7.127			Máy tính để bàn CMS X-Media, Intel Core i3 (490-502ADBNS)	1	
7.128			Máy tính FPT Elead (2010)	1	
7.129			Máy in HP Laser 2035, nạp giấy tự động 250 tờ (490-502ADBNS)	1	
7.130			Điều hòa Daikin 22.000 BTU	1	
7.131			Quạt trần điện cơ	3	
7.132			Tủ lạnh Deawoo VR 140 lít	1	
7.133			Bàn làm việc	9	
7.134			Bàn làm việc 1,5	2	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
7.135			Tủ sắt 2 buồng 2 khóa	1	
7.136			Ghế họp tựa bọc vải	10	
7.137			Giá treo tivi 65 inch (giá treo dây di động)	1	
8	Phòng thí nghiệm Dược học cổ truyền	113			
8.1			Máy xay dược liệu	1	(1) - Dược học cổ truyền, (2) - Chế biến thuốc cổ truyền cơ bản
8.2			Tủ sấy	3	
8.3			Cân kỹ thuật	3	
8.4			Bể chiết siêu âm	2	
8.5			Máy sắc ký lớp mỏng hiệu năng cao CAMAG	1	
8.6			Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao Shimadzu	1	
8.7			Tủ hút	2	
8.8			Bể điều nhiệt	3	
8.9			Bộ cất quay chân không	3	Phục vụ NCKH, Khóa luận tốt nghiệp, Thực hành thêm cho SV ĐT CLC
8.10			Máy ly tâm	2	
8.11			Bơm chân không	4	
8.12			Cân phân tích	2	
8.13			Tủ sấy chân không	1	
8.14			Máy soi tử ngoại	2	
8.15			Quang phổ UV- VIS U1800 Hitachi	1	
8.16			Bếp bảo ôn bình cầu 1000ml DAIHAN WHM 12014	4	
8.17			Bếp bảo ôn bình cầu 2000ml DAIHAN WHM 12015	2	
8.18			Máy dán túi nilon	1	
8.19			Tủ lạnh bảo quản mẫu Alaska IF21	1	
8.20			Cân xác định hàm ẩm MB25 Ohaus	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
8.21			Bếp đun bình cầu 5 lít Daihan Scientific WHM1207	3	
8.22			Bộ định lượng tinh dầu trong dược liệu Lenz	2	
8.23			Bộ chiết xuất hồi lưu Lenz - Code 5360070	2	
8.24			Bộ cất dung môi Lenz	2	
8.25			Máy tính để bàn Acer Veriton X2640G	1	
8.26			Kính hiển vi 2 mắt	2	
8.27			Máy hút ẩm	1	
8.28			Máy khuấy từ	2	
8.29			Máy đo PH để bàn	1	
8.30			Thuyền tán thuốc	2	
8.35			Máy nhân gen (PCR) C1000 Touch Bio-rad (520-526NSADBTW)	1	
8.31			Máy chiếu Panasonic LB 75NT	1	Sử dụng chung
8.32			Máy tính xách tay Lenovo	1	
8.33			Tivi Led 65 inch 4K-Ultra HD Samsung	1	
8.34			Ghế tròn xoay Inox	45	
8.35			Quạt cây chống nóng	2	
8.36			Máy in	2	
8.37			Tủ lạnh	2	
8.38			Điều hòa	2	
9	Phòng thí nghiệm hóa sinh	111			
9.1			Bể rửa siêu âm	1	- Hóa sinh
9.2			Bếp bảo ôn đun bình cầu 1 lít	1	
9.3			Máy sinh hóa nước tiểu	2	
9.4			Tủ lạnh thường	1	
9.5			Máy ly tâm thường	4	
9.6			Máy phân tích sinh hóa máu	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
9.7			Tủ âm	2	
9.8			Tủ sấy để bàn	4	
9.9			Bộ giá trữ lạnh ống EPPENDORF	1	
9.10			Cân kỹ thuật điện tử	2	
9.11			Cân phân tích điện tử	2	
9.12			Máy điện di AGAROSE	2	
9.13			Máy điện di mini Scien-plas	1	
9.14			Máy đo pH	2	
9.15			Máy khuấy từ gia nhiệt	4	
9.16			Máy lắc Vortex	1	
9.17			Máy ly tâm lạnh tốc độ cao	2	
9.18			Máy quang phổ UV-VIS	4	
9.19			Bể rửa siêu âm	1	- Hóa sinh lâm sàng
9.20			Nồi hấp tiệt trùng	1	
9.21			Tủ lạnh thường	1	
9.22			Máy ly tâm thường	4	
9.23			Máy phân tích sinh hóa máu	1	
9.24			Tủ âm	2	
9.25			Tủ sấy để bàn	4	
9.26			Bộ giá trữ lạnh ống EPPENDORF	1	
9.27			Cân kỹ thuật điện tử	2	
9.28			Cân phân tích điện tử	2	
9.29			Máy đo pH	2	
9.30			Máy khuấy từ gia nhiệt	4	
9.31			Máy lắc Vortex	1	
9.32			Máy quang phổ UV-VIS	4	
9.33			Bể ổn nhiệt	3	
9.34			Máy ly tâm Spin down	1	
9.36			Hệ thống chụp và phân tích Gel InfinityVX2 (520-526NSADBTW)	1	
9.37			Hệ thống Elisa (Bio-Rad Laboratories) (520-526NSADBTW)	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
9.38			Kính hiển vi nổi camera,máy tính (Eclipse Ci-L)520-526ADBWT	1	
9.39			Tủ nuôi cấy vô trùng SC2-4A1 (Esco-Singapore) 520-526NSADBWT	1	
9.40			Tủ ẩm CO2 (MCO-18AC-PE) Panasonic (520-526NSADBWT)	1	
9.41			Tủ hút chất độc phòng thí nghiệm 8HH01.XL	2	
9.42			Máy hút dung dịch bằng chân không Accuris V0020	1	
9.43			Pipet máy Nichiryo -Pipet mate Neo	2	
9.44			Bộ bảo quản mẫu bằng N2 lỏng Haier YDS-20	1	
9.45			Tivi Led 65 inch 4K-Ultra HD Samsung	2	
9.46			Máy đồng hóa siêu âm Sonics (VCX500)	1	
9.47			Máy lắc ủ nhiệt khô Esco (ESC/PVC-1)	1	
9.48			Tủ lạnh âm sâu -80°C Antech (MDF-86U340T)	1	
9.49			Tủ lạnh âm sâu -40°C Antech (MDF-40U450)	1	
9.50			Bể điều nhiệt 10L HERLAB HH-S4 (2012)	1	
9.51			Máy chiếu Panasonic LB 75NT	1	Sử dụng chung
9.52			Máy tính xách tay Acer Travelmate P243-M (490-502ADBNS)	1	
9.53			Điều hòa Panasonic	3	
9.54			Máy tính để bàn Acer Veriton X2640G	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
9.55			Tủ lạnh Deawoo 250 lít	1	
9.56			Tủ lạnh bảo quản mẫu 300L (2012)	1	
9.57			Tủ lạnh Aqua Inverter AQR-T219		
9.58			Bàn thí nghiệm composite	4	
9.59			Bàn thí nghiệm mặt gỗ	4	
9.60			Bếp bảo ôn bình cầu 500ml DAIHAN WHM 12013 (2012)	2	
9.61			Tủ thí nghiệm khung thép cửa nhôm kính (1,02x0,78x0,6)	5	
9.62			Tủ thí nghiệm khung thép ốp tôn (1,0x0,89x0,6)	2	
9.63			Tủ thí nghiệm khung thép cửa nhôm kính (1,02x0,78x0,6)	2	
9.64			Máy hút ẩm AIKYO AD-12B (2012)	1	
9.65			Micropipet 10-100ml (2012)	2	
9.66			Micropipet 100-1000ml (2012)	1	
9.67			Pipet tự động 0.5-10ml (2012)	1	
9.68			Bàn tủ thí nghiệm khung thép cửa nhôm kính 0.6x1.25x0.77m	4	
9.69			Tủ nhôm kính để đồ thí nghiệm 1,15 x 2,14 x 0,35	1	
9.70			Pipet tự động 100-1000ul Nichiryo	3	
9.71			Giá treo tivi 65 inch (treo tường)	2	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
9.72			Tủ y tế 2x 121.000	1	
10	Phòng thí nghiệm phục vụ thực tập YHCS	183			
10.1			Kính hiển vi	26	Học phần Sinh lý bệnh – Miễn dịch
10.2			Kính hiển vi truyền hình + Tivi + Máy ảnh	1	
10.3			Cân phân tích Saturius	1	Học phần Giải phẫu Sinh lý
10.4			Máy Kimograph PANLAB	2	
10.5			Máy phân tích huyết học TECO	1	
10.6			Máy đo sinh hóa máu TECO, TC3300Plus	1	
10.7			Kính hiển vi	26	
10.8			Kính hiển vi truyền hình + Tivi + Máy ảnh	1	
10.9			Cân phân tích Saturius	1	
10.10			Hệ thống đa phương tiện mô phỏng giảng dạy SL(520-526NSADBTW)	1	
10.11			Máy đo dung tích sống Dalco&Bird Wet Spirometer	2	Phục vụ NCKH, Khóa luận tốt nghiệp, Thực hành thêm cho SV ĐT CLC
10.12			Máy ly tâm thường Hettich, EBA20	1	
10.13			Máy ly tâm để bàn Hermle, Z207A	2	
10.14			Mô hình người	1	
10.15			Bếp ủ ổn nhiệt WEB-8	1	
10.16			Chuồng Mê lộ	1	
10.17			Máy phân tích xét nghiệm nước tiểu TECO, TC101	1	
10.18			Buồng cấy cho PCR Airtech (HVS-1000-U)	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
10.19			Bộ pipet tự động (2-20μl; 0.5-10 μl; 10-100 μl; 100-1000 μl)	4	
10.20			Bộ pipet tự động 8 kênh 50-300 μL	1	
10.21			Hệ thống Elisa (Bio-Rad Laboratories) (520-526NSADBTW)	1	
10.22			Thiết bị đo rối loạn hô hấp của động vật	2	
10.23			Nồi hấp diệt trùng ALP, KTR-3045A	1	
10.24			Bàn mổ thú y	2	
10.25			Máy đo độ PH 510-Eutech (2010)	1	
10.26			Bàn rửa dụng cụ thí nghiệm Wbench_LFS4.3 (4320x680x830)	1	Sử dụng chung
10.27			Bàn Thí nghiệm để máy chống ăn mòn hóa chất Wbench_LFS4.9	1	
10.28			Bàn thực tập Wbench_LFS4.3	2	
10.29			(4280x880x940)		
10.30			Ghế xoay 4 chân	90	
10.31			Tủ lạnh SHARP SJ-280E-SL	1	
10.32			Tủ lạnh (2010)	1	
10.33			Tủ đông Sanaky 285L	1	
10.34			Tủ đông dung tích khoảng 100 lít Funiki FCF-100 (2014)	1	
10.35			Máy điều hòa 12000 BTU	2	
10.36			Quạt treo tường DCTN	9	
10.37			Tủ sấy để bàn WOF- 105 Daihan	1	
10.38			Máy chiếu NEC NP-510G	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
10.39			Máy chiếu đa năng Optoma EW 556 loa 2W (490-502ADBNS)	1	
10.40			Máy hút ẩm CHKAWAI (DH-252B)	2	
10.41			Máy hút ẩm Edison ED-16B (2011)	1	
11	Phòng thí nghiệm được liệt	119			
11.1			Bể siêu âm	2	Dược liệu 1; dược liệu 2;
11.2			Bếp bảo ôn đun bình cầu 1 lit	4	
11.3			Bếp bảo ôn đun bình cầu 2 lit	2	
11.4			Bếp cách thủy	1	
11.5			Bộ định lượng tinh dầu Dược điển Mỹ	10	
11.6			Cân kỹ thuật	3	
11.7			Đèn soi UV	3	
11.8			Khúc xạ kế	3	
11.9			Kính hiển vi	66	
11.10			Kính hiển vi soi nổi	1	
11.11			Lò nung	1	
11.12			Máy chiết siêu âm	1	
11.13			Máy li tâm	1	
11.14			Máy quang phổ UV-VIS	1	
11.15			Phân cực kế	2	
11.16			Quạt hút	6	
11.17			Bếp bảo ôn bình cầu 500	5	
11.18			Bếp cách thủy 3 lỗ	2	
11.19			Khuấy từ gia nhiệt	1	
11.20			Tủ lạnh	1	
11.21			Tủ mẫu	4	
11.22			Bàn chậu inox có vòi	1	
11.23			Ghế tròn xoay inox	36	
11.24			Quạt cây công nghiệp	2	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
11.25			Hệ thống SKLM Cagmag	1	Phục vụ NCKH, Khóa luận tốt nghiệp, Thực hành thêm cho SV ĐT CLC
11.26			Bộ định lượng tinh dầu theo ĐĐVN V	1	
11.27			Bơm chân không tuần hoàn	2	
11.28			Cân phân tích	3	
11.29			Cân xác định hàm ẩm	2	
11.30			Hệ thống sắc ký khí khối phổ	1	
11.31			Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao	1	
11.32			Tủ bảo quản mẫu	1	
11.33			Tủ sấy	4	
11.34			Máy hút ẩm	1	
12	Phòng thí nghiệm Thực vật (2 phòng, phục vụ 3 tổ thực tập đồng thời)	146			
12.1	Phòng thí nghiệm tại bộ môn		Kính hiển vi 1 mắt	57	Thực vật dược
12.2			Kính hiển vi soi nổi	22	
12.3			Tủ sấy	3	Trồng và phát triển cây thuốc
12.4			Máy cắt tiêu bản HM 325 Microm Carl Zeiss	1	Phục vụ NCKH, Khóa luận tốt nghiệp, Thực hành thêm cho SV ĐT CLC
12.5			Máy làm tiêu bản AP 280 Microm Carl Zeiss	1	
12.6			Máy cắt quay chân không	1	
12.7			Kính hiển vi truyền hình Camera DMLS Leica	1	
12.8			Bộ kính hiển vi soi nổi, camera truyền hình LCD, Olympus SZ6	1	
12.9			Kính hiển vi soi nổi camera, máy tính	1	
12.10			Kính hiển vi soi nổi kết nối camera, máy tính	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
12.11	Phòng thí nghiệm nhà T		Hệ thống sắc ký bản mỏng hiệu năng cao Camag+ phụ kiện	1	Trồng và phát triển cây thuốc
12.12			Bộ kiểm soát độ ẩm CAMAG	1	
12.13			Bộ phun thuốc thử dẫn xuất hóa chạy điện TLC/HPTLC Sprayer	1	
12.14			Cân xác định hàm ẩm A&D (MF-50)	1	
12.15			Máy xay dược liệu CFS	1	
12.16			Cân kỹ thuật	5	
12.17			Cân phân tích	2	
12.18			Bếp bảo ôn đun bình cầu 0,5 lít	1	
12.19			Bếp bảo ôn đun bình cầu 1 lít	1	
12.20			Máy điện di AND và phụ kiện	2	Phục vụ NCKH, Khóa luận tốt nghiệp, Thực hành thêm cho SV ĐT CLC
12.21			Máy nhân gen và phụ kiện	1	
12.22			Hệ thống soi và chụp ảnh gen và phụ kiện	1	
12.23			Bộ pipet 1 kênh	1	
12.24			Máy ly tâm lạnh và phụ kiện	1	
12.25			Khay đựng mẫu	2	
12.26			Máy khử trùng chống mốc (520-526NSADBTW)	1	
12.27			Buồng pha chế vô khuẩn LHC -4AX ESCO	1	
12.28			Tủ sấy 05-80 TS Vietronic	1	
12.29			Nồi hấp tiệt trùng	2	
12.30			Tủ lạnh -30°C MDF-U333 SANYO	1	
12.31			Tủ lạnh sâu MDF C8V	1	
12.32			Tủ ẩm	4	
12.33			Máy lắc ổn nhiệt	1	
12.34			Bể ổn nhiệt	2	
12.35			Máy đo độ ẩm và nhiệt độ	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
12.36			Máy đo cường độ ánh sáng	1	
12.37			Máy lắc Vortex	2	
12.38			Máy khuấy từ gia nhiệt	2	
12.39			Máy đo pH để bàn	4	
12.40			Nhiệt kế Mil Aukee TH-500 số 03	1	
12.41			Máy Ly tâm	3	
12.42			Bể rửa siêu âm	2	
12.43			Ghế xoay inox	50	Sử dụng chung
12.44			Ghế ngồi (ghế xoay, ghế mạ sắt)	14	
12.45			Điều hòa	7	
12.46			Máy chiếu Projector Panasonic	1	
12.47			Máy tính để bàn CMS X-Media (490-502ADBNS)	1	
12.48			Máy tính FPT Elead (2010)	1	
12.49			Máy in	3	
12.50			Bàn họp	2	
12.51			Bàn làm việc	13	
12.52			Bàn vi tính màu ghi	1	
12.53			Bàn tủ sắt 4 cánh	2	
12.54			Bàn thí nghiệm mặt gỗ	2	
12.55			Bàn thí nghiệm sát tường 2 vị trí bồn	2	
12.56			Mặt bàn composite 1,83	6	
12.57			Tủ thông tin nhôm kính	2	
12.58			Quạt trần ĐCTN	3	
12.59			Tủ sắt	3	
12.60			Tủ lạnh	2	
12.61			Tủ đựng tài liệu	2	
12.62			Tủ tài liệu 2 cánh 7 khoang	1	
12.63			Giá treo tivi 65 inch	1	
12.64			Tivi Led 65 inch 4K-Ultra HD Samsung	1	
12.65			Giá sắt 5 tầng	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
12.66			Giá inox treo tường 0.2x1.0 m	2	
12.67			Lò vi sóng	1	
12.68			Máy hút ẩm	5	
12.69			Tủ hút	2	
12.70			Bơm hút chân không dầu	1	
12.71			Bơm hút chân không tuần hoàn nước	1	
13	Phòng thí nghiệm Vi sinh sinh học	100			
13.1			Tủ an toàn sinh học cấp 2	2	Vi sinh Ký sinh
13.2			Tủ sấy	2	
13.3			Tủ ẩm	3	
13.4			Máy ly tâm lạnh siêu tốc Hermle Z325K	2	
13.5			Kính hiển vi quang học	40	
13.6			Cân kỹ thuật điện tử	2	
13.7			Nồi hấp tiệt trùng	3	
13.8			Bể điều nhiệt Memmert	1	
13.9			Máy đo pH	1	
13.10			Tủ hút chất độc phòng thí nghiệm HH01.XL	1	
13.11			Cân phân tích	2	
13.12			Kính hiển vi có máy ảnh	1	
13.13			Kính hiển vi soi nổi	2	
13.14			Lò vi sóng	1	
13.15			Bàn TN chuyên dụng đơn sát trùng 1 học & 2 bồn 4800x750x850	2	
13.16			Bàn thí nghiệm	42	
13.17			Ghế xoay inox 4 chân	35	
13.18			Quạt trần	2	
13.2			Quạt treo tường	4	
13.20			Quạt thông gió	2	
13.21			Quạt cây	2	
13.22			Máy tính xách tay	2	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
13.23			Máy tính để bàn	3	
13.24			Máy chiếu	2	
13.25			Tủ sắt có cánh	4	
13.26			Máy in	2	
13.27			Tủ lạnh	3	
14	Phòng thí nghiệm công nghiệp được	603			
14.1	Phòng thí nghiệm bảo chế công nghiệp	100	Bộ thùng pha chế -02 bộ (08cái)	1	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
14.2			Ly tâm ống để bàn Rotofix 32 Hettich	1	
14.3			Máy đùn cốm và tạo hạt cầu QZY-350	1	
14.4			Máy đo độ rắn viên nén ZT41 Erweka	1	
14.5			Máy sấy tầng sôi Diosna Minilab	1	
14.6			Máy trộn cốm khô mini CH 50	1	
14.7			Máy xay CW 180 Thượng Hải	1	
14.8			Tủ sấy để bàn ULM 500 Memmert	1	
14.9			Tủ sấy dt lớn ULM 800 Memmert	1	
14.10			Cân phân tích điện tử	2	
14.11			Máy quang phổ UV-VIS	1	
14.12			Máy đo độ hoà tan thuốc viên	1	
14.13			Máy đo độ cứng viên nén PTB 511E	1	
14.14			Máy ly tâm EBA 20	1	
14.15			Tủ sấy dung tích 1000l	1	
14.16			Cân phân tích Saturius	1	
14.17			Cân xác định hàm ẩm MB25 Ohaus	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
14.18			Bơm nhu động Longer BT100-2J	1	
14.19			Máy dập viên quay tròn	1	
14.20			Máy quang phổ UV-VIS Hitachi (U-5100)	1	
14.21			Máy trộn chữ V Shakti (SVMD-AC & SVB-10)	1	
14.22			Thiết bị thử độ kín của vỉ, ống tiêm Labindia (LT1001)	1	
14.23			Máy đo độ trơn chảy của bột, hạt Erweka (GTL)	1	
14.24			Máy ly tâm thường Hermle (Z207A)	1	
14.25			Tủ sấy Binder (FD-S115)	1	
14.26			Máy hút ẩm	1	
14.27			Giá sắt 5 tầng	1	
14.28			Bàn thí nghiệm	13	
14.29			Bàn không có chậu rửa (2004)	1	
14.30			Bàn Inox	2	
14.31			Ghế quay	1	
14.32			Ghế xoay inox	1	
14.33			Ghế mạ sắt	4	
14.34			Quạt trần	2	
14.35			Máy hút ẩm công suất 25 lít/ngày Chkawai DH - 252B (2014)	1	
14.36			Cân kỹ thuật JKI JK-EB-B30001T (2014)	1	
14.37			Quạt trần ĐCTN	1	
14.38			Quạt cây công nghiệp Komatsu cánh 600 KM 600S	1	
14.39			Ghế xoay Inox 4 chân	15	
14.40			Tủ lạnh AQUA	1	
14.41			Bếp hồng ngoại cơ Sunhouse SHD6011	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
14.42	Phòng thí nghiệm vi sinh công nghiệp	20	Máy đông khô phòng thí nghiệm	1	
14.43			Máy lắc dàn có bảo ôn Bio Shaker BR300 LF	1	
14.44			Tủ sấy hiện số Shelaf 1390 FX	1	
14.45			Tủ sấy Mammert UM-500	1	
14.46			Tủ vô trùng (dự án 05)	1	
14.47			Nồi cách thủy 4 lỗ GFL	1	
14.48			Máy lắc IKA KS-125	1	
14.49			Bể rửa siêu âm Bransonic 3510E - MTH	1	
14.50			Tủ âm CO2 MCO15AC Sanyo	1	
14.51			Bàn có 2 chậu rửa	1	
14.52			Nồi hấp tiết trùng	1	
14.53			Buồng cấy vi sinh class II	1	
14.54			Tủ âm WIC 50	1	
14.55			Tủ sấy để bàn	1	
14.56			Nồi hấp tiết trùng KT 2346	1	
14.57			Máy lắc	1	
14.58			Tủ nuôi cấy vi sinh (520-526NSADBTW)	1	
14.59			Cân kỹ thuật 10-2A&D, EK410i	1	
14.60			Nồi hấp tiết trùng ALP, KT3045 (A)	1	
14.61			Bể điều nhiệt Memmert (WN B14)	1	
14.62			Bể rung siêu âm Elma (S100 H)	1	
14.63			Kính hiển vi 1 mắt MML 1500 (1999)	1	
14.64			Kính hiển vi 2 mắt (2007)	1	
14.65			Ghế	2	
14.66			Máy lắc rung (2009)	1	
14.67			Quạt trần	1	
14.68			Tủ lạnh (2010)	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
14.69			Ghế tròn xoay Inox (tách mã 1685 -40C)	16	
14.70			Bộ pipet tự động 1000-5000 ML (2014)	1	
14.71			Bộ pipet tự động 100-1000 ML (2014)	1	
14.72			Quạt cây công nghiệp Komatsu cánh 600 KM 600S	1	
14.73	Phòng thí nghiệm công nghiệp hóa dược	20	Tủ sấy để bàn Shelab hiện số 1350 GX	1	
14.74			Hệ thống phòng cháy chữa cháy	1	
14.75			Máy lạnh đông sâu đa dụng	1	
14.76			Cân kỹ thuật điện tử	1	
14.77			Bơm hút chân không dầu	1	
14.78			Máy đo điểm nóng chảy	1	
14.79			Máy khuấy từ gia nhiệt IKA	1	
14.80			Máy vẩy ly tâm SS300	1	
14.81			Tủ hút khí độc OPEP 009A (1200x800x2200)	1	
14.82			Tủ hút chất độc phòng thí nghiệm HH01.XL	1	
14.83			Modun bàn thí nghiệm không có giá kệ Wbench_LFS1200	11	
14.84			Tủ chuyên dụng đựng hóa chất Chemstore_LFS1200	1	
14.85			Cân kỹ thuật 10-2, EK410i	1	
14.86			Máy khuấy từ gia nhiệt Daihan (MSH-20A)	3	
14.87			Quạt trần	1	
14.88			Tủ lạnh (2010)	1	
14.89			Ghế tròn xoay Inox (tách mã 1685 -40C)	8	
14.90			Quạt cây công nghiệp Komatsu cánh 600 KM 600S	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
14.91	Phòng thí nghiệm chiết xuất công nghiệp	20	Ghế xoay 4 chân Inox	5	
14.92			Bơm chân không tuần hoàn nước	1	
14.93			Giá inox 1.2 x2x0.5	1	
14.94			Tủ sấy Memmert UM 400	1	
14.95			Máy xay dược liệu DF-35	1	
14.96			Máy thái dược liệu ZQ 300	1	
14.97			Tủ sấy 100L DAIHAN Scientific WOF-105	1	
14.98			Bơm hút chân không tuần hoàn nước Herlab SHB-III A	1	
14.99			Bộ chiết dược liệu nóng bình	1	
14.100			Máy nghiền dạng cắt DQF-200	1	
14.101			Cân kỹ thuật 10-2A&D, EK410i	1	
14.102			Nồi đun cách thủy 4 lít HH-S4	2	
14.103			Modun bàn thí nghiệm không có giá kệ Wbench LFS1500	1	
14.104			Modun bàn thí nghiệm không có giá kệ Wbench LFS1500	1	
14.105			Modun bàn thí nghiệm không có giá kệ Wbench LFS1200	13	
14.106			Chụp hút khí thải cho máy LFS_Hood600	3	
14.107			Cân kỹ thuật 10-2 g A&D (EK410i)	1	
14.108			Bơm chân không dầu Wiggins (R8D)	1	
14.109			Giá sắt 5 tầng	1	
14.110			Bàn thí nghiệm có chậu rửa	1	
14.111			Quạt trần	1	

TT	Tên phòng thí nghiệm	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
14.112			Ghế tròn xoay Inox (tách mã 1685 -40C)	15	
14.113			Quạt cây công nghiệp Komatsu cánh 600 KM 600S	1	
14.114			Quạt gió	1	
14.115			Dao cầu thái dược liệu	4	
14.116			Bàn đặt dao bằng gỗ	4	
14.117			Giá inox 1.2 x2x0.5	1	

Bảng 2.14. Danh mục các cơ sở thực tế của Chương trình đào tạo chất lượng cao

TT	Tên cơ sở thực tế	Địa chỉ
1	Công ty TNHH IMC	55 Ngõ Chùa Hưng Ký, Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội
2	Công ty CP Dược TW Mediplantex	358 Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
3	Công ty CP CNC Traphaco	Xã, Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên
4	Công ty CP Traphaco	Ngõ 15 Ngọc Hồi, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
5	Công ty CP Dược phẩm TU CPC1	87 Phố Nguyễn Văn Trỗi, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
6	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	10A, Phố Quang Trung, Phường Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội,
7	Công ty CP Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Cụm Công Nghiệp Hà Bình Phương, Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội
8	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên
9	Công ty CTCP Dược khoa	Số 9 Nguyễn Công Trứ, Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội
10	Công ty CTCP DP Thái Minh	Ngõ 2 Phố Thọ Tháp, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
11	Công ty CN 5 - Hapharco	02 Phố Hàng Bài, Trảng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
12	Công ty Viện Dược liệu	3 P. Quang Trung, Trảng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
13	Viện Kiểm nghiệm thuốc TU	Số 48 Hai Bà Trưng, Trảng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
14	Bệnh viện Hữu nghị	Số 1 Trần Khánh Dư, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội
15	Bệnh viện 108	1B Trần Hưng Đạo, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội
16	Bệnh viện Nhi TU	879 Đ. La Thành, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội
17	Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn	12 Chu Văn An, Điện Bàn, Ba Đình, Hà Nội

TT	Tên cơ sở thực tế	Địa chỉ
18	Bệnh viện Đại học Y HN	1 P. Tôn Thất Tùng, Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội
19	Bệnh viện E	89 Trần Cung, Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
20	Bệnh viện Tim Hà Nội	92 Trần Hưng Đạo, Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội
21	Bệnh viện Thanh Nhàn	42 Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội
22	Bệnh viện Bạch Mai	78 Đường Giải Phóng, Phương Đình, Đống Đa, Hà Nội

Nhà trường hiện có 2.549 tài sản với tổng giá trị khoảng 1.296 tỷ đồng phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học (trong đó, có nhiều thiết bị phục vụ thí nghiệm và nghiên cứu khoa học chuyên ngành như: hệ thống phân tích khối phổ LCM/ESI/APCI, hệ thống sắc ký bản mỏng hiệu năng cao HPTLC, hệ thống sắc ký khối phổ GC-MS, hệ thống chiết xuất siêu tới hạn và tạo hạt, máy phân tích nhiệt vi sai, máy đo độ hoà tan, máy đo độ trơn chảy, máy đo kích thước tiểu phân, máy đông khô, máy chiết dược liệu, tủ sấy chân không, máy khuấy chân không). Cơ sở vật chất và nguồn lực hiện tại của Trường đã đáp ứng tốt cho đào tạo hiện nay và hoàn toàn có thể mở rộng quy mô. Danh sách các trang thiết bị chính phục vụ cho thực hành, thí nghiệm được trình bày trong bảng 2.13 trên.

Để nhanh chóng đạt mục tiêu “ngang tầm khu vực vào năm 2020 và ngang tầm thế giới vào năm 2030”, Nhà trường đang đẩy mạnh tiến độ dự án “Xây dựng Trường Đại học Dược Hà Nội thành trường chuyên ngành trọng điểm quốc gia ngang tầm khu vực vào năm 2020” với diện tích 21 ha bằng nguồn vốn vay ưu đãi của Chính phủ Hàn Quốc 45 triệu USD và vốn đối ứng 12 triệu USD.

2.3.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

Thư viện được định hướng là trung tâm thông tin tư liệu của Trường phù hợp với xu hướng hiện đại và yêu cầu của người sử dụng nhằm đào tạo, hướng dẫn người dùng tin và cung cấp sách, báo, tạp chí, thông tin tư liệu cho giảng viên và sinh viên trong học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Vì vậy, hàng năm Nhà trường luôn quan tâm đầu tư bổ sung nguồn học liệu đầy đủ và kịp thời để đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên trong Trường.

So với nguồn học liệu cho hệ đại trà hiện nay thì nguồn học liệu dành cho chương trình ĐTCLC được bổ sung thêm rất nhiều tài liệu chuyên ngành sâu với 574 ebook từ các nhà xuất bản Mc-Hill, Elsevier, Taylor Francis, Springer, P&P...), 10 đầu tạp chí từ cơ sở dữ liệu ScienceDirect,.... Ngoài ra Thư viện đã được Tổ chức Y tế Thế giới cấp tài khoản truy cập miễn phí vào cơ sở dữ liệu sách, báo, tạp chí ngoại văn qua cổng thông tin HINARI, liên kết chia sẻ thông tin với các thư viện trong và ngoài ngành để tăng cường các nguồn lực thông tin đáp ứng các nhu cầu sử dụng thông tin của bạn đọc.

Sinh viên đào tạo theo chương trình chất lượng cao được tiếp cận thông tin đầy đủ, toàn diện, phong phú và đa dạng nhất.

2.3.2.1. Thư viện

- Tổng diện tích thư viện: 320m² trong đó diện tích phòng đọc: 160 m²
- Số chỗ ngồi: 100; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 10
- Phần mềm quản lý thư viện: Libol 6.0 và LibolDigital 6.5
- Thư viện điện tử : có; kết nối với HINARI;
- Số lượng sách, giáo trình điện tử: 574 (sách ngoại văn)
- Tạp chí Ngoại Văn: 10 đầu
- Tạp chí tiếng Việt: 4 đầu
- Tài liệu giấy: 15749 cuốn
- Tài liệu số: 19510 files

2.3.2.2. Danh mục giáo trình, sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

Bảng 2.15. Danh mục giáo trình của ngành đào tạo

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
1.	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	BDG	Chính trị Quốc gia	2021	1	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2.	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Hội đồng Trung ương	Chính trị Quốc gia	2008	1	Chủ nghĩa xã hội khoa học
3.	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin	BGD	Chính trị Quốc gia	2021	1	Kinh tế chính trị Mác – Lênin
4.	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Hội đồng Trung ương	Chính trị Quốc gia	2004	1	Kinh tế chính trị Mác – Lênin
5.	Giáo trình những nguyên bản của chủ nghĩa Mác-Lênin		Chính trị Quốc gia	2009	1	Kinh tế chính trị Mác – Lênin
6.	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia HCM	2021	1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam
7.	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Hội đồng TW	Chính trị Quốc gia	2006 2010	1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam
8.	Văn kiện Đảng toàn tập 1-65	Đảng cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia	1995- 2008	92	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam
9.	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2021	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
10.	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Hội đồng TW			1	Tư tưởng Hồ Chí Minh
11.	Hồ Chí Minh toàn tập	Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	Chính trị Quốc gia	2000	1	Tư tưởng Hồ Chí Minh
12.	Giáo trình Triết học Mác - Lê nin	BGD	Chính trị Quốc gia	2021	5	Triết học Mác - Lênin
13.	Giáo trình Triết học Mác - Lê nin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia	2006	1	Triết học Mác - Lênin
14.	Outcomes – Intermediate (Student's book & Workbook)	Hugh Dellar and Andrew Walkley	NATIO NAL GEOGR APHIC learning	2019	1	Tiếng Anh 1
15.	English grammar in use- fifth edition	Raymond Murphy	Cambrid ge Universit y Press	2019	1	Tiếng Anh 1
16.	Oxford learner's grammar	John Eastwood	Oxford Universit y Press	2006	1	Tiếng Anh 1
17.	English grammar and Vocabulary, , 3rd Edition	Micheal Vince	Macmill an	2010	1	Tiếng Anh 1
18.	Outcomes – Intermediate (Student's book & Workbook)	Hugh Dellar and Andrew Walkley	NATIO NAL GEOGR APHIC learning	2019	1	Tiếng Anh 2
19.	English grammar in use- fifth edition	Raymond Murphy	Cambrid ge Universit y Press	2019	1	Tiếng Anh 2
20.	Oxford learner's grammar	John Eastwood	Oxford Universit y Press	2006	1	Tiếng Anh 2
21.	English grammar and Vocabulary, , 3rd Edition	Micheal Vince	Macmill an	2010	1	Tiếng Anh 2

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
22.	A text-based ESP course for Pharmacists- (Student's book)	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH Dược HN	ĐH Dược HN	2016	1	Tiếng Anh chuyên ngành 1
23.	English for the Pharmaceutical Industry	Michaela Bucheler, Gloria Matzig	Oxford	2017	1	Tiếng Anh chuyên ngành 1
24.	Effective presentations	Jeremy Comfort	Oxford University press	2009	1	Tiếng Anh chuyên ngành 1
25.	United State Pharmacopeia 38 NF33 VOL4			2015	1	Tiếng Anh chuyên ngành 1
26.	Thuật ngữ Dược học Anh – Việt	Khoa học kỹ thuật	Le Van Truyen	2021	1	Tiếng Anh chuyên ngành 1
27.	A text-based ESP course for Pharmacists- (Student's book)	Bộ môn Ngoại ngữ - Trường ĐH Dược HN	ĐH Dược HN	2016	1	Tiếng Anh chuyên ngành 2
28.	Writing skills	Sam McCarter, Norman Whitby	Macmillan	2013	1	Tiếng Anh chuyên ngành 2
29.	Effective presentations	Jeremy Comfort	Oxford University press	2009	1	Tiếng Anh chuyên ngành 2
30.	United State Pharmacopeia 38 NF33 VOL4			2015	1	Tiếng Anh chuyên ngành 2
31.	Thuật ngữ Dược học Anh – Việt	Khoa học kỹ thuật	Le Van Truyen	2021		Tiếng Anh chuyên ngành 2
32.	Cambridge English IELTS		Cambridge University press	2007	1	Tiếng Anh chuyên ngành 2
33.	Tin học văn phòng Microsoft Word 2013	Phạm Quang Huy, Trần Tường Thụy	NXB Thanh niên	2016	1	Tin học
34.	Một số câu hỏi trắc nghiệm tin học	Tổ môn Tin học – Trường	ĐH ĐHN	2012	10	Tin học

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
		ĐHĐHN. Thái Nguyễn Hùng Thu (cb.)				
35.	Giáo trình thực hành Microsoft Word: dùng cho các phiên bản	Phạm Quang Hiến, Phạm Phương Hoa	Thanh Niên	2016	1	Tin học
36.	Bóng chuyền - bóng rổ		Thể dục Thể thao	1996	1	Giáo dục thể chất
37.	Luật bóng chuyền và luật bóng chuyền bãi biển		Thể dục Thể thao	2015	1	Giáo dục thể chất
38.	Luật thi đấu bóng rổ		Thể dục Thể thao	2015	1	Giáo dục thể chất
39.	Giáo trình cầu lông		Thể dục Thể thao	2015	1	Giáo dục thể chất
40.	Luật thi đấu cầu lông		Thể dục Thể thao	2015	1	Giáo dục thể chất
41.	Giáo trình Giáo dục quốc phòng an ninh (dùng cho sinh viên các trường ĐH, CĐ), Tập 1	Đào Huy Hiệp và CS	Giáo dục	2013	1	Giáo dục quốc phòng-an ninh
42.	Giáo trình Giáo dục quốc phòng an ninh (dùng cho sinh viên các trường ĐH, CĐ), Tập 2	Nguyễn Đức Đăng và CS	Giáo dục	2013	1	Giáo dục quốc phòng- an ninh
43.	Giáo án Huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, Tập 1	Bộ tổng tham mưu - Cục quân huấn	Quân đội nhân dân	2012	1	Giáo dục quốc phòng- an ninh
44.	Giáo án Huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, Tập 2	Bộ tổng tham mưu - Cục quân huấn	Quân đội nhân dân	2012	1	Giáo dục quốc phòng- an ninh
45.	Tài liệu huấn luyện súng B41	Bộ tổng tham mưu - Cục quân huấn	Quân đội nhân dân	2015	1	Giáo dục quốc phòng- an ninh
46.	Giáo trình giáo dục QP ĐH, CĐ (sách giáo viên)		NXB GD	2005	1	Giáo dục quốc phòng- an ninh

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
47.	Tài liệu tập huấn Vụ GDQP AN	BGĐT		2020	1	Giáo dục quốc phòng- an ninh
48.	Điều lệnh đội ngũ Quân đội nhân dân Việt Nam	Cục Quân huấn- Bộ tổng tham mưu	Quân đội nhân dân	2008	1	Giáo dục quốc phòng- an ninh
49.	Sách dạy sử dụng súng tiểu liên AK	Cục Quân huấn- Bộ tổng tham mưu	Quân đội nhân dân	2003	1	Giáo dục quốc phòng- an ninh
50.	Toán học cao cấp	Nguyễn Đình Thành...	Y học	2008	1	Thống kê Dược
51.	Xác suất và thống kê	Bộ môn Toán – Tin – Trường ĐHDHN, Nguyễn Phan Dũng (cb.)	Y học	2018	1	Thống kê Dược
52.	Bài tập thống kê	Đặng Hùng Thắng	Giáo dục	2008	1	Thống kê Dược
53.	Toán học cao cấp: Phép tính giải tích một biến số, Tập 2	Nguyễn Đình Trí (cb.)	Giáo dục	2005	1	Thống kê Dược
54.	Toán học cao cấp: Phép tính giải tích nhiều biến số, Tập 3	Nguyễn Đình Trí (cb.)	Giáo dục	2001	1	Thống kê Dược
55.	Mathematical Statistics with Applications, 7th Edition.	Dennis D. Wackerly, William		2008	1	Thống kê Dược
56.	The Statistical Sleuth A course in Methods of Data Analysis, 3th Edition,	Fred L. Ramsey,	The United States of America	2013	1	Thống kê Dược
57.	Xác suất thống kê	Đào Hữu Hồ	Đại học Quốc gia Hà Nội	2006	1	Thống kê Dược
58.	Giáo trình thống kê sinh học	Chu văn Mẫn, Đào Hữu Hồ	NXB KHKT	2001	1	Thống kê Dược

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
59.	Hóa đại cương vô cơ, Tập 1	Lê Thành Phước (cb.)	Y học	2015	1	Hóa đại cương-vô cơ
60.	Hóa đại cương vô cơ, Tập 2	Lê Thành Phước (cb.)	Y học	2015	1	Hóa đại cương-vô cơ
61.	Thực tập hóa đại cương – vô cơ	Lê Thành Phước (cb.)	ĐHĐHN	2016	1	Hóa đại cương-vô cơ
62.	Chemistry & Chemical Reactivity, 8 th edition	John C. Kotz	Mary Finch	2012	1	Hóa đại cương-vô cơ
63.	Chemical Principles, 6 th edition	Steven S.Zumdahl	Houghton Mifflin Company	2009	ebook	Hóa đại cương-vô cơ
64.	Chemical Principles	Steven S.zumdahl	University of Illinois	2009	ebook	Hóa đại cương-vô cơ
65.	Pharmacoepidemiology principles and practice,	Brenda Waning	McGraw Hill.	2001	1	Basic in Pharmcoepidemiology
66.	Textbook of Pharmacoepidemiology, 6nd Edition,	Brian L.Strom	John Wiley & Sons, Inc.	2020	1	Basic in Pharmcoepidemiology
67.	Dịch tễ dược học	Nguyễn Thanh Bình	NXB Y học	2014	1	Basic in Pharmcoepidemiology
68.	Pharmacoepidemiology principles and practice,	Brenda Waning	McGraw Hill.	2001	1	Dịch tễ dược cơ bản
69.	Textbook of Pharmacoepidemiology, 6nd Edition,	Brian L.Strom	John Wiley & Sons, Inc.	2020	1	Dịch tễ dược cơ bản
70.	Dịch tễ dược học	Nguyễn Thanh Bình	NXB Y học	2014	1	Dịch tễ dược cơ bản
71.	Community Pharmacy Handbook,	Jon Waterfied	Pharmaceutical Press.	2008	1	Community pharmacy
72.	Community Pharmacy,	Nguyen Thanh Binh,	Medicine	2020	1	Community pharmacy

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
		Do Xuan Thang	Publishing House			
73.	Handbook of good pharmacy practice.	Ministry of Health	Medical Publishing House	2010	1	Community pharmacy
74.	Ministry of Health (2018). Circular 02/2018/TT-BYT on regulations on good practice of drug retail establishments			2018	1	Community pharmacy
75.	Good communication skills and practice at pharmacy. Vietnam Education Publishing House	Nguyen Thanh Binh, Le Viet Hung		2011	1	Community pharmacy
76.	Healthcare communication.	Bruce Hughman	Pharmaceutical Press	2009	1	Community pharmacy
77.	Community pharmacy - Symptoms, diagnosis and treatment - Fourth Edition.	Paul Rutter	Elsevier	2017	1	Community pharmacy
78.	Handbook for practice in community pharmacy (Decision 696/QĐ-QLD, 01/12/2021).	Dug Administration of Vietnam		2021	1	Community pharmacy
79.	Community Pharmacy Handbook,.	Jon Waterfied	Pharmaceutical Press	2008	1	Dược cộng đồng
80.	Community pharmacy - Symptoms, diagnosis and treatment - Fourth Edition.	Paul Rutter	Elsevier	2017	1	Dược cộng đồng

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
81.	Dược cộng đồng,	Nguyễn Thanh Bình, Đỗ Xuân Thắng	Nhà xuất bản Y học	2020	10	Dược cộng đồng
82.	Cẩm nang thực hành tốt nhà thuốc.	Bộ Y tế	Nhà xuất bản Y học	2010	1	Dược cộng đồng
83.	Kỹ năng giao tiếp và thực hành tốt tại nhà thuốc.	Nguyễn Thanh Bình, Lê Viết Hùng	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	2011	10	Dược cộng đồng
84.	Sổ tay thực hành tại cơ sở bán lẻ thuốc ban hành (Quyết định 696/QĐ-QLD ngày 1/12/2012)	Cục Quản lý Dược		2021	1	Dược cộng đồng
85.	Healthcare communication.	Bruce Hugman	Pharmaceutical Press	2009	1	Dược cộng đồng
86.	Kinh tế Dược	Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thị Thanh Hương	Nhà xuất bản Y học	2019	10	Kinh tế dược
87.	Những nguyên lý của kinh tế học (Phần I- Kinh tế vĩ mô)	N.Gregory Mankiw	NXB ĐHKT Quốc dân	2012	1	Kinh tế dược
88.	Những nguyên lý của kinh tế học (Phần II- Kinh tế vi mô),	N.Gregory Mankiw	NXB ĐHKT Quốc dân	2012	1	Kinh tế dược
89.	Methods for the economic evaluation of health care programmes	Mark Sculpher et al Michael Drummond	Oxford University Press	2005	1	Kinh tế dược
90.	Applied Methods of Cost-benefit Analysis in Health Care	Emma McIntosh	Oxford University Press	2009	1	Kinh tế dược

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
	(Handbooks in Health Economic Evaluation					
91.	Decision Modelling for health economic evaluation,	Gray et al	Oxford University Press	2010	1	Kinh tế dược
92.	Pharmacoeconomics from Theory to Practice	Renee.J.G.Arnold	CRC press	2010	1	Kinh tế dược
93.	Luật số 105/2016/QH13 ngày 6/4/2016, Luật dược	Quốc Hội		2016		Pháp chế dược
94.	Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 8 tháng 5 năm 2017 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật dược	Chính phủ		2017		Pháp chế dược
95.	Nghị định số 131/2020/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2020 Quy định về tổ chức, hoạt động dược lâm sàng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Chính phủ		2020		Pháp chế dược
96.	Thông tư số 01/2018/TT-BYT ngày 18/1/2018 Quy định ghi nhãn thuốc, nguyên liệu làm thuốc và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc	Bộ Y tế		2018		Pháp chế dược
97.	Thông tư số 07/2018/TT-BYT ngày 12/4/2018 quy Quy định chi tiết một số điều về kinh doanh dược của Luật Dược và nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày	Bộ Y tế		2018		Pháp chế dược

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
	08 tháng 5 năm 2017 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Dược					
98.	Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 4/5/2018 Quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc	Bộ Y tế		2018		Pháp chế dược
99.	Thông tư số 20/2017/TT-BYT ngày 10/6/2017 Quy định chi tiết một số điều của Luật Dược và nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	Bộ Y tế		2017		Pháp chế dược
100.	Thông tư số 52/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 Quy định về đơn thuốc và việc kê đơn thuốc hóa dược, sinh phẩm trong điều trị ngoại trú	Bộ Y tế		2017		Pháp chế dược
101.	Thông tư số 18/2018/TT-BYT ngày 22/8/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 52/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 Quy định về đơn thuốc và việc kê đơn thuốc hóa	Bộ y tế		2018		Pháp chế dược

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
	được, sinh phẩm trong điều trị ngoại trú					
102.	Thông tư số 44/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 Quy định về đơn thuốc và việc kê đơn thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu và kê đơn kết hợp thuốc cổ truyền, thuốc dược liệu với thuốc hóa dược	Bộ Y tế		2018		Pháp chế dược
103.	Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 Quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc	Bộ Y tế		2018		Pháp chế dược
104.	Thông tư số 21/2013/TT-BYT ngày 8/8/2013 Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị trong bệnh viện	Bộ Y tế		2013		Pháp chế dược
105.	Thông tư số 29/2018/TT-BYT ngày 29/10/2018 Quy định về thử thuốc trên lâm sàng	Bộ Y tế		2018		Pháp chế dược
106.	Thông tư số 23/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 Hướng dẫn sử dụng thuốc trong các cơ sở y tế có giường bệnh	Bộ y tế		2011		Pháp chế dược

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
107.	Thông tư hợp nhất 05/2013/TTHN-BYT ngày 4/10/2013 Hướng dẫn hoạt động Thông tin quảng cáo thuốc	Bộ y tế		2013		Pháp chế dược
108.	Thông tư số 22/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 Quy định tổ chức và hoạt động khoa dược bệnh viện	Bộ y tế		2011		Pháp chế dược
109.	https://www.whooc.no/atc_ddd_index/					Pháp chế dược
110.	Giáo trình Pháp luật đại cương	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Đại học sư phạm	2018	1	Pháp luật đại cương
111.	Luật số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012, Bộ Luật Lao động	Quốc Hội		2012		Pháp luật đại cương
112.	Luật số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012, Luật xử lý vi phạm hành chính	Quốc Hội		2012		Pháp luật đại cương
113.	Luật số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015, Bộ Luật Dân sự	Quốc Hội		2015		Pháp luật đại cương
114.	Luật số 100/2015/QH13 ngày 27/11/2015, Bộ Luật Hình sự	Quốc Hội		2015		Pháp luật đại cương
115.	Luật số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Luật Doanh nghiệp	Quốc Hội		2020		Pháp luật đại cương
116.	http://hethongphapluat.com					Pháp luật đại cương
117.	Managing Access to Medicines and Other Health Technologies, Part II	Martha Embrey et al	Kumaria n Press	2011	1	Quản lý cung ứng thuốc

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
	Pharmaceutical Management					
118.	Guidelines for dispensing medicines of	Pharmaceutical Society of Australia		2017	1	Quản lý cung ứng thuốc
119.	Pharmaceutical Society of British, Guidelines for good dispensing practice				1	Quản lý cung ứng thuốc
120.	Drug Utilization Research: Methods and Applications	Monique Elseviers, et al.	Wiley-Blackwell	2016	1	Quản lý cung ứng thuốc
121.	Nghị định 63/2014/ND-CP ngày 16/06/2014, Ban hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thuốc	Chính phủ		2014		Quản lý cung ứng thuốc
122.	Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/07/2019, Quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập	Bộ Y tế		2019		Quản lý cung ứng thuốc
123.	Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/08/2020, Ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá	Bộ Y tế		2020		Quản lý cung ứng thuốc
124.	Thông tư 22/2011/TT-BYT, Ban hành hướng dẫn sử dụng thuốc tại cơ sở y tế có giường bệnh	Bộ Y tế		2011		Quản lý cung ứng thuốc

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
125.	Hướng dẫn Quốc gia về Cảnh giác dược, Quyết định số 122/QĐ-BYT ngày 11/01/2021	Bộ Y tế		2021		Quản lý cung ứng thuốc
126.	Giáo trình Quản lý học	Trường ĐH Kinh tế quốc dân	NXB Kinh tế Quốc dân	2018	1	Quản lý học đại cương
127.	Management, Global Edition, 15th Edition, UK.	Stephen P.Robbins, Mary Coulter		2018	1	Quản lý học đại cương
128.	MDS-3: Managing Access to Medicines and Health Technologies, Arlington, VA: Manaement Sciences for Health	Management Sciences for Health		2012	1	Quản lý học đại cương
129.	Nghị quyết của Bộ chính trị số 6- NQ/ TU' ngày 29 tháng 10 năm 2017 về công tác bảo vệ , chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.	Bộ chính trị		2017		Dược xã hội học
130.	Quyết định số: 68/QĐ-TTg ngày 10 tháng 1 năm 2014 về việc phê duyệt chiến lược quốc gia phát triển ngành dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030	Chính phủ		2014		Dược xã hội học
131.	Nghị định số: 75/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 quy định chức năng, nhiệm vụ,	Chính phủ		2017		Dược xã hội học

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
	quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ y tế					
132.	Tâm lý học y học,	Nguyễn Văn Nhận	NXB Y học	2006	1	Dược xã hội học
133.	Tâm lý học y học - y đức	Nguyễn Huỳnh Ngọc	, NXB Giáo dục Việt Nam	2010	1	Dược xã hội học
134.	Các kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe.	Trung tâm truyền thông giáo dục sức khỏe trung ương		2007	1	Dược xã hội học
135.	Health behavior and Health education: Theory, Research and Practice	Karen Glanz	Wiley	2008	1	Dược xã hội học
136.	http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/noidungchuongtrinhmuctieuquocgia					Dược xã hội học
137.	Quyết định số 1230/QĐ-BGDDT ngày 30 tháng 3 năm 2018 Ban hành kế hoạch triển khai đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025” của ngành giáo dục.	Bộ Giáo dục và đào tạo		2018		NCKH-Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp
138.	Quyết định số 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 về việc phê duyệt đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”.	Thủ tướng		2017		NCKH-Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
139.	How to read a paper: The basic of Evidence-based Medicine	Thrisha Greenhalgh	BMJ	2010	1	NCKH-Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp
140.	Research Methodology in the Medical and Biological Sciences	Petter Laake	Elsevier	2007	1	NCKH-Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp
141.	Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.	2020	1	NCKH-Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp
142.	Cơ sở Hóa học hữu cơ, T1	Thái Doãn Tĩnh	KHKT	2009	2	Hóa hữu cơ 1
143.	Cơ sở Hóa học hữu cơ, T2	Thái Doãn Tĩnh	KHKT	2006	2	Hóa hữu cơ 1
144.	Cơ sở Hóa học hữu cơ, T3	Thái Doãn Tĩnh	KHKT	2008	2	Hóa hữu cơ 1
145.	Hóa học hữu cơ, T1	Nguyễn Hữu Đĩnh (cb.)	Giáo dục	2014	1	Hóa hữu cơ 1
146.	Hóa học hữu cơ, T2	Đỗ Đình Răng (cb.)	Giáo dục	2015	1	Hóa hữu cơ 1
147.	Organic chemistry, 10th edition	F. Carey, R. Giuliano	McGraw-Hill	2017	ebook	Hóa hữu cơ 1
148.	Organic chemistry, 9th edition	John McMurry	Cengage Learning	2016	ebook	Hóa hữu cơ 1
149.	Laboratory experiments for introduction to general, organic and biochemistry, 7 th edition	F.A. Bettelheim	Cengage Learning	2010	ebook	Hóa hữu cơ 1
150.	Hóa học hữu cơ, tập 1	Trần Mạnh Bình, Nguyễn Quang Đạt (cb.)	Y học	2017	1	Hóa hữu cơ 1
151.	Hóa học hữu cơ, tập 2	Trần Mạnh Bình, Nguyễn	Y học	2015	1	Hóa hữu cơ 1

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
		Quang Đạt (cb.)				
152.	Thực tập Hóa hữu cơ	Bộ môn Hóa hữu cơ – Trường ĐHDHN	ĐHDHN	2016	10	Hóa hữu cơ 1
153.	Câu hỏi trắc nghiệm hóa hữu cơ	Nguyễn Quang Đạt, Đinh Thị Thanh Hải (cb.)	Y học	2018	1	Hóa hữu cơ 1
154.	Cơ sở Hóa học hữu cơ, Tập 1	Đặng Như Tại, Ngô Thị Thuận	Giáo dục	2016	1	Hóa hữu cơ 1
155.	Cơ sở Hóa học hữu cơ, Tập 2	Đặng Như Tại, Ngô Thị Thuận	Giáo dục	2016	1	Hóa hữu cơ 1
156.	Vogel's Textbook of practical organic chemistry, 5th edition	Arthur Israel Vogel	Longman	1989	ebook	Hóa hữu cơ 1
157.	Cơ sở Hóa học hữu cơ, T1	Thái Doãn Tĩnh	KHKT	2009	2	Hóa hữu cơ 2
158.	Cơ sở Hóa học hữu cơ, T2	Thái Doãn Tĩnh	KHKT	2006	2	Hóa hữu cơ 2
159.	Cơ sở Hóa học hữu cơ, T3	Thái Doãn Tĩnh	KHKT	2008	2	Hóa hữu cơ 2
160.	Hóa học hữu cơ, T1	Nguyễn Hữu Đĩnh (cb.)	Giáo dục	2014	1	Hóa hữu cơ 2
161.	Hóa học hữu cơ, T2	Đỗ Đình Rạng (cb.)	Giáo dục	2015	1	Hóa hữu cơ 2
162.	Organic chemistry, 10th edition	F. Carey, R. Giuliano	McGraw-Hill	2017	ebook	Hóa hữu cơ 2
163.	Organic chemistry, 9th edition	John McMurry	Cengage Learning	2016	ebook	Hóa hữu cơ 2
164.	Laboratory experiments for introduction to general, organic and biochemistry, 7 th edition	F.A. Bettelheim	Cengage Learning	2010	ebook	Hóa hữu cơ 2

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
165.	Hóa học hữu cơ, tập 1	Trần Mạnh Bình, Nguyễn Quang Đạt (cb.)	Y học	2017	1	Hóa hữu cơ 2
166.	Hóa học hữu cơ, tập 2	Trần Mạnh Bình, Nguyễn Quang Đạt (cb.)	Y học	2015	1	Hóa hữu cơ 2
167.	Thực tập Hóa hữu cơ	Bộ môn Hóa hữu cơ – Trường ĐHDHN	ĐHDHN	2016	10	Hóa hữu cơ 2
168.	Câu hỏi trắc nghiệm hóa hữu cơ	Nguyễn Quang Đạt, Đinh Thị Thanh Hải (cb.)	Y học	2018	1	Hóa hữu cơ 2
169.	Cơ sở Hóa học hữu cơ, Tập 1	Đặng Như Tại, Ngô Thị Thuận	Giáo dục	2016	1	Hóa hữu cơ 2
170.	Cơ sở Hóa học hữu cơ, Tập 2	Đặng Như Tại, Ngô Thị Thuận	Giáo dục	2016	1	Hóa hữu cơ 2
171.	Vogel's Textbook of practical organic chemistry, 5th edition	Arthur Israel Vogel	Longman	1989	ebook	Hóa hữu cơ 2
172.	Sinh học phân tử tế bào	H.Lodish	NXB Trẻ	2019	1	đại cương sinh học PT tế bào
173.	Biologiecellulaire UE2	FAVRO C.	Hachette superior	2011		đại cương sinh học PT tế bào
174.	Lehninger Principles of biochemistry	David L.	W.H. Freeman	2017	1	đại cương sinh học PT tế bào
175.	Molecular biology of the cell, 6 th edition	B.Alberts, A.Johnson, J. Lewis, et al	Garland Science	2018	1	đại cương sinh học PT tế bào
176.	Vi sinh vật học	BYT	GD	2015	1	Vi sinh-KST
177.	Kí sinh trùng	BYT	GD	2013	1	Vi sinh-KST
178.	Thực tập VS-KST	VSSH	ĐHD	2021	10	Vi sinh-KST
179.	Vi sinh y học	ĐHYHN	NXBYH	2001	1	Vi sinh-KST
180.	Kí sinh trùng y học	ĐHYHN	NXBYH	2001	1	Vi sinh-KST

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
181.	Hugo And Russell's Pharmaceutical microbiology 8ed	Denyer S.P.	Wiley	2011	1	Vi sinh-KST
182.	Essntial Microbiology for Pharmacy and Pharmaceutical sience	G.Hanlon	Wiley	2013	1	Vi sinh-KST
183.	Medical microbiology 26ed	G.Brooks	Mc.Hill	2012	1	Vi sinh-KST
184.	Hóa sinh học	Nguyễn Văn Rư, Nguyễn Xuân Thắng (cb.)	Y học	2015	10	Hóa sinh
185.	Lehninger Principles of Biochemistry, 7th edition	David L.Nelson, Michael M.Cox.	W.H.Freeman and Company	2017	ebook	Hóa sinh
186.	Hóa sinh học	Nguyễn NghiêM Luật	Y học	2007	1	Hóa sinh
187.	Lehninger Principles of Biochemistry, 7th edition	David L.Nelson, Michael M.Cox.	W.H.Freeman and Company	2017	ebook	Biochemistry
188.	Biochemistry	Hanoi University of Pharmacy	Medical Publishing house	2015	10	Biochemistry
189.	Biochemistry	Ministry of Health	Medical Publishing house	2007	1	Biochemistry
190.	Hóa lý dược	Phạm Ngọc Bùng (cb.)	ĐHĐHN	2014	10	Hóa lý dược
191.	Bản thảo TT Hóa lí					Hóa lý dược
192.	Applied physical pharmacy	Mansoor	McHill	2005	1	Hóa lý dược
193.	Martin's physical pharmacy and pharmaceutical sciences, 6th edition	Patrick J.Sinko	Lipincott William & Wilkins	2011	ebook	Hóa lý dược

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
194.	Physicochemical principles of pharmacy, 5th edition	Alexander T.Florence, David Attwood	Pharmaceutical Press	2011	ebook	Hóa lý dược
195.	Vật lý đại cương (dùng cho đào tạo dược sỹ đại học)	Phạm Thị Cúc, Tạ Văn Tùng (cb.)	Giáo dục	2015	1	Vật lý đại cương
196.	Tài liệu Thực tập vật lý ĐC 2	BM Vật lý-Hóa lý – Trường ĐHDHN		2011	Tài liệu phát tay	Vật lý đại cương
197.	Bài giảng Vật lý đại cương 2			2011	Tài liệu phát tay	
198.	Martin's physical and pharmaceutical science	Patrick	W&W	2006	Ebook	Vật lý đại cương
199.	University physics with modern physics, 13th edition	Hugh D. Young, Roger A. Freedman	Pearson	2012	Ebook	Vật lý đại cương
200.	Các phương pháp phân tích hóa lý vật liệu	Trần Đại Lâm	KHTN&CN	2017	1	Vật lý đại cương
201.	Giải phẫu sinh lý người	Bộ y tế	Giáo dục	2016	1	Giải phẫu - sinh lý
202.	Thực tập sinh lý	Bộ môn Y học cơ sở - Trường ĐHDHN	ĐHDHN	2016	10	Giải phẫu - sinh lý
203.	Tài liệu học tập môn giải phẫu sinh lý			2021	Tài liệu phát tay	Giải phẫu - sinh lý
204.	Sinh lý học	BYT	Y học	2017	1	Giải phẫu - sinh lý
205.	Bài giảng nhi khoa tập 1	Nguyễn Gia Khánh	Y học	2017	1	Giải phẫu - sinh lý
206.	Bài giảng nhi khoa tập 2	Nguyễn Gia Khánh	Y học	2013	1	Giải phẫu - sinh lý
207.	Sách giáo khoa nhi khoa	Nguyễn Công Khanh...	Y học	2016	1	Giải phẫu - sinh lý

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
208.	Giải phẫu người	ĐHYHN	Y học	2017	1	Giải phẫu - sinh lý
209.	Bài giảng giải phẫu tập 1	ĐHYD TP HCM	Y học	2017	1	Giải phẫu - sinh lý
210.	Bài giảng giải phẫu tập 2	ĐHYD TP HCM	Y học	2017	1	Giải phẫu - sinh lý
211.	Sinh lý học y khoa	ĐHYD TP HCM	Y học	2016	1	Giải phẫu - sinh lý
212.	Giáo trình TT Sinh lý học	ĐHYD TP HCM	Y học	2013	1	Giải phẫu - sinh lý
213.	Guyton & Hall Textbook of medical physiology, 13 th edition	John E. Hall	Elsrvier	2016	ebo ok	Giải phẫu - sinh lý
214.	Human anatomy, 3rd edition	Michael McKinley, Valerie Dean O'Loughlin	McGraw-Hill	2012	ebo ok	Giải phẫu - sinh lý
215.	Fundamentals of human physiology, 4th edition	Lauralee Sherwood	Cengage Learning	2012	ebo ok	Giải phẫu - sinh lý
216.	Sinh lý bệnh và miễn dịch (phần sinh lý bệnh học)	Bộ Y tế	Y học	2018	1	Sinh lý bệnh miễn dịch
217.	Sinh lý bệnh và miễn dịch (phần miễn dịch học)	Bộ y tế	Y học	2011	1	Sinh lý bệnh miễn dịch
218.	Miễn dịch học	Trường Đại học Y Hà Nội	Y học	2003	1	Sinh lý bệnh miễn dịch
219.	Robbins & Cotran Pathologic basis of disease, 9th edition	Vinay Kumar, Abul K. Abbas, Jon C. Aster	Elsevier	2015	ebo ok	Sinh lý bệnh miễn dịch
220.	Pathophysiology of disease: an introduction to clinical medicine, 7th edition.	Gary D.Hammer, Stephen J. Mcphee	Mc Graw-Hill	2014	ebo ok	Sinh lý bệnh miễn dịch
221.	Tài liệu học tập môn sinh lý bệnh – miễn dịch	BMVHCS		2020	Tài liệu	Sinh lý bệnh miễn dịch

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
					phát tay	
222.	Sinh lý bệnh học	ĐHYHN	Y học	2018	1	Sinh lý bệnh miễn dịch
223.	Basicimmunology: functionsanddisordero f the immunesystem 5ed	AbbAs Abul	Elsevier	2016	1	Sinh lý bệnh miễn dịch
224.	Porth's pathophysiology concepts of alterdhealthstate 10ed	Tommie	Woltres Kluwer	2018	1	Sinh lý bệnh miễn dịch
225.	Bệnh học	Bộ Y tế	Y học	2017	1	Bệnh học
226.	Tài liệu học tập môn bệnh học	YHCS		2020	Tài liệu phát tay	Bệnh học
227.	Bệnh học nội khoa, tập 1	Trường ĐHYHN	Y học	2016	1	Bệnh học
228.	Bệnh học nội khoa, tập 2	Trường ĐHYHN	Y học	2016	1	Bệnh học
229.	Bệnh truyền nhiễm và nhiệt đới, tập 1	Lê Đăng Hà	Y học	2016	1	Bệnh học
230.	Bệnh truyền nhiễm và nhiệt đới, tập 2	Lê Đăng Hà	Y học	2016	1	Bệnh học
231.	Cẩm nang điều trị nội khoa The washington Manual of Medical therapeutics, 34th	Hemant Godara, GS Ngô Quý Châu chủ biên ấn bản Tiếng Việt	Đại học Huế	2016	1	Bệnh học
232.	Pathology and therapeutics for pharmacists - A basic for clinical pharmacy practice, 3nd edition	Russel J. Greene	Pharmaceutical press	2008	1	Bệnh học
233.	Harrison's sprinciples of internal medicine 17 ed		Mc Hill		1	Bệnh học

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
234.	Bệnh học	Bộ Y tế	Y học	2017	1	Bệnh học 2
235.	Tài liệu học tập môn bệnh học	YHCS		2020	Tài liệu phát tay	Bệnh học 2
236.	Tài liệu học tập môn bệnh gây ra do thuốc	Dược lực		2020		Bệnh học 2
237.	Bệnh học nội khoa, tập 1	Trường ĐHYHN	Y học	2016	1	Bệnh học 2
238.	Bệnh học nội khoa, tập 2	Trường ĐHYHN	Y học	2016	1	Bệnh học 2
239.	Bệnh truyền nhiễm và nhiệt đới, tập 1	Lê Đăng Hà	Y học	2016	1	Bệnh học 2
240.	Bệnh truyền nhiễm và nhiệt đới, tập 2	Lê Đăng Hà	Y học	2016	1	Bệnh học 2
241.	Cẩm nang điều trị nội khoa The washington Manual of Medical therapeutics, 34th	Hemant Godara, GS Ngô Quý Châu chủ biên ấn bản Tiếng Việt	Đại học Huế	2016	1	Bệnh học 2
242.	Pathology and therapeutics for pharmacists - A basic for clinical pharmacy practice, 3nd edition	Russel J. Greene	Pharmaceutical press	2008	1	Bệnh học 2
243.	Harrison's principles of internal medicine 17 ed		Mc Hill		1	Bệnh học 2
244.	Dược thư QGVN	Bộ YT	KHKT	2018	2	Bệnh học 2
245.	Adverse drug reaction 2ed	Anne.L	P.P	2006	1	Bệnh học 2
246.	Meyler's Side effects of drug 15ed	Aronson	Elsevier	2005	1	Bệnh học 2
247.	Drug induced diseases: prevention, detection, and management	Tisdale	ASHP	2019	1	Bệnh học 2
248.	Pharmacotherapy: a pathophysiologic approach 7ed.	Dipiro,...	Mc Hill	2014	1	Bệnh học 2

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
249.	Thực vật dược	Trần Văn On, Hoàng Quỳnh Hoa	Y học	2021	1	Thực vật
250.	Thực vật học	BYT	Y học	2007	1	Thực vật
251.	TT Thực vật và nhận biết cây thuốc	BM Thực vật	ĐH Dược	2016	10	Thực vật
252.	Floweringing plants	Armen	Springer	2009	1	Thực vật
253.	Botany an introduction of plant 6ed	James	J&B	2017	1	Thực vật
254.	Dược điển VN 5 tập 2	HD Dược điển VN	Y học	2017	2	Thực vật
255.	Cây cỏ Việt Nam, Q1	Phạm Hoàng Hộ	NXB Trẻ	1999	1	Thực vật
256.	Cây cỏ Việt Nam, Q2	Phạm Hoàng Hộ	NXB Trẻ	2000	1	Thực vật
257.	Cây cỏ Việt Nam, Q3	Phạm Hoàng Hộ	NXB Trẻ	2000	1	Thực vật
258.	Thực tập hình thái và giải phẫu thực vật	Trần Công Khánh	ĐH&TH CN	1981	1	Thực vật
259.	Thực vật chí VN T1-11	Viện HLKHN	KHKT	2000-2017	1	Thực vật
260.	Thực vật chí VN T12-21	Viện HLKHN	KHKT	2000-2017	1	Thực vật
261.	Plant Taxonomy and Biosystematics	Clive A. Stace	Cambridge University Press	1989	ebook	Thực vật
262.	Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam	Đỗ Tất Lợi	Y học	1999	3 bản	Thực vật
263.	Thonner's analytical key to the families of flowering plants	Geesink R., A.J.M Ridsdale, JF.Veldkam	Springer	1981	ebook	Thực vật
264.	Từ điển cây thuốc VN	Võ văn chi	Y học	2017	1	Thực vật
265.	Bài giảng la tinh	Vũ Văn Chuyên	Y học	1987	1	Thực vật
266.	Botany- LAB Manual	Jemes	J&B	2017	1	Thực vật
267.	Flore du cambodge, du Laos du Vietnam			1960-2008	1	Thực vật

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
268.	Botanical Latin	William	David& Char	1992	1	Thực vật
269.	Dược liệu học, tập 1	Ngô Văn Thu, Trần Hùng	Y học	2011	1	Dược liệu 1
270.	Dược liệu học, tập 2	Phạm Thanh Kỳ	Y học	2015	6	Dược liệu 1
271.	TT Dược liệu	Nguyễn Thu Hằng	ĐHD	2019	10	Dược liệu 1
272.	Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam	Đỗ Tất Lợi	Y học	1999	3	Dược liệu 1
273.	Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, Tập 1	Viện dược liệu	KHKT	2006	1	Dược liệu 1
274.	Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, Tập 2	Viện dược liệu	KHKT	2006	1	Dược liệu 1
275.	Dược điển VN V Tập 2	BYT	Y học	2017	2	Dược liệu 1
276.	Dược liệu học, tập 2	Phạm Thanh Kỳ	Y học	2015	6	Dược liệu 2
277.	TT Dược liệu	Nguyễn Thu Hằng	ĐHD	2019	10	Dược liệu 2
278.	Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam	Đỗ Tất Lợi	Y học	1999	3	Dược liệu 2
279.	Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, Tập 1	Viện dược liệu	KHKT	2006	1	Dược liệu 2
280.	Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, Tập 2	Viện dược liệu	KHKT	2006	1	Dược liệu 2
281.	Dược điển VN V Tập 2	BYT	Y học	2017	2	Dược liệu 2
282.	Dược lý học, Tập 1	Mai Tất Tố, Vũ Thị Trâm (cb.)	Y học	2016	1	Dược lý đại cương và dược lý dẫn truyền
283.	Dược lý học, Tập 2	Mai Tất Tố, Vũ Thị Trâm (cb.)	Y học	2016	1	Dược lý đại cương và dược lý dẫn truyền
284.	Thực tập dược lý	Bộ môn Dược lý - Trường ĐHDHN	ĐHDHN	2016	10	Dược lý đại cương và dược lý dẫn truyền

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
285.	Dược thư QGVN	BYT	KHKT	2015	2	Dược lý đại cương và dược lý dẫn truyền
286.	Principles of Pharmacology: the pathophysiologic basis of therapeutics, 4 th edition	Golan DE, Armstrong EJ, Armstrong AW	Wolters Kluwer	2016	1	Dược lý đại cương và dược lý dẫn truyền
287.	Basic & Clinical Pharmacology 15 th edition	Katzung B. G., Masters S. B., Trevor A. J.	McGraw -Hill	2020	1	Dược lý đại cương và dược lý dẫn truyền
288.	Rang and Dale's Pharmacology 9 th edition	Rang H. P., Dale M. M., Ritter J. M., Flower R. J.	Elsevier	2018	1	Dược lý đại cương và dược lý dẫn truyền
289.	Lippincott's Illustrated Reviews: Pharmacology 7 th edition	Karen Whalen	Wolters Kluwer	2018	1	Dược lý đại cương và dược lý dẫn truyền
290.	Goodman & Gilman's The Pharmacological Basis of Therapeutics, 13 th edition	Laurence L. Brunton	McGraw -Hill	2018	1	Dược lý đại cương và dược lý dẫn truyền
291.	Dược lý học tập 1	Bộ Y tế	Y học	2016	1	Dược lý ứng dụng trong điều trị
292.	Dược lý học tập 2	Bộ Y tế	Y học	2016	1	Dược lý ứng dụng trong điều trị
293.	Thực tập Dược lý	Bộ môn Dược lý, Trường Đại học Dược Hà Nội	ĐH Dược HN	2016	10	Dược lý ứng dụng trong điều trị
294.	Goodman & Gilman's The Pharmacological Basis of Therapeutics 13 th edition	Brunton L. L., Hilal-Dandan R, Knollmann BC	McGraw -Hill	2018	1	Dược lý ứng dụng trong điều trị

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
295.	Applied Pharmacology	Bardal S, Waechter J., Martin D.	Elsevier	2011	1	Dược lý ứng dụng trong điều trị
296.	Principles of Pharmacology: the pathophysiologic basis of therapeutics, 4 th edition	Golan DE,	Wolters Kluwer	2016	1	Dược lý ứng dụng trong điều trị
297.	Lippincott's Illustrated Reviews: Pharmacology 7 th edition	Karen Whalen	Wolters Kluwer	2018	1	Dược lý ứng dụng trong điều trị
298.	Basic & Clinical Pharmacology 15 th edition	Katzung B. G., Masters S. B., Trevor A. J.	McGraw-Hill	2020	1	Dược lý ứng dụng trong điều trị
299.	Rang and Dale's Pharmacology 9 th edition	Rang H. P., Dale	Elsevier	2018	1	Dược lý ứng dụng trong điều trị
300.	Bài giảng Dược lý lâm sàng	Bộ môn Dược lực- Trường Đại học Dược Hà Nội			Tài liệu phát tay	Dược lý lâm sàng
301.	Dược Thư Quốc Gia Việt Nam	Bộ Y tế	Khoa học và Kỹ thuật	2015	2	Dược lý lâm sàng
302.	Principles of Clinical Pharmacology 3rd ed	Arthur J. Atkinson Jr.,	Elsevier	2012	1	Dược lý lâm sàng
303.	Clinical Pharmacology 11th ed	Bennett P. N., Brown M. J.	Churchil Livingstone.	2012	1	Dược lý lâm sàng
304.	Pharmacotherapy: A Pathophysiologic Approach 9th ed	DiPiro J. T., y L. M.	McGraw-Hill	2014	1	Dược lý lâm sàng
305.	Harrison's Principles of Internal Medicine 18th ed	Fauci A. S., Kasper	McGraw-Hill	2012	1	Dược lý lâm sàng

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
306.	Applied Therapeutics: The Clinical Use Of Drugs 10th ed	Koda-Kimble	Lippincott Williams & Wilkins	2012	1	Dược lý lâm sàng
307.	Drugs in Use	Linda J Dodds	Pharmaceutical Press	2010	1	Dược lý lâm sàng
308.	Clinical Pharmacy and Therapeutics 5th ed	Roger W., Catherine W.	Churchill Livingstone	2012	1	Dược lý lâm sàng
309.	Katzung & Trevor's Pharmacology 14th ed	Trevor A. J.,	McGraw-Hill Lange	2018	1	Dược lý lâm sàng
310.	Blueprints Notes and Cases Pharmacology	Yang K. Y., Graff L. R., Caughey A. B.	Blackwell Publishing	2004	1	Dược lý lâm sàng
311.	Dược lâm sàng -sách dùng đào tạo dược sỹ đại học	Hoàng Thị Kim Huyền (cb.)	Y học	2011	1	Dược lâm sàng đại cương
312.	Thực tập Dược lâm sàng, Trường Đại học Dược Hà Nội	Bộ môn Dược lâm sàng	ĐHĐ	2016	10	Dược lâm sàng đại cương
313.	Chính phủ (2020), Nghị định 131/2020/NĐ-CP Quy định về tổ chức, Hoạt động dược lâm sàng trong các cơ sở khám chữa bệnh.			2020		Dược lâm sàng đại cương
314.	Dược thư quốc gia VN	Bộ Y tế	KHKT	2015	4	Dược lâm sàng đại cương
315.	Dược lâm sàng – những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị, tập 1	Hoàng Thị Kim Huyền, J.R.B.J. Brouwers	Y học	2012	2	Dược lâm sàng đại cương
316.	Dược lâm sàng – những nguyên lý cơ	Hoàng Thị Kim Huyền,	Y học	2012	3	Dược lâm sàng đại cương

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
	bản và sử dụng thuốc trong điều trị, tập 2	J.R.B.J. Brouwers				
317.	Stockley's Drug Interactions, 11 th edition.	Claire L. Preston	p.p	2016	1	Dược lâm sàng đại cương
318.	Pediatric & Neonatal Dosage Handbook, 24 th edition	Carol K. Taketomo	Lexicom p	2017	1	Dược lâm sàng đại cương
319.	Drugs during pregnancy and lactation, 3 rd edition.	Christof Schaefer, Paul W.J. Peters, Richard K Miller	Elsevier,	2014	1	Dược lâm sàng đại cương
320.	Clinical pharmacy and therapeutics - 5 th edition	Walker R, Whittlesea C	Elsevier	2012	ebook	Dược lâm sàng đại cương
321.	Drug Information: A Guide for Pharmacists, 6 th edition,	Patrick M. M., Meghan J. M., Sharon K. P.	McGraw-Hill.	2018	1	Thông tin và tư vấn sử dụng thuốc
322.	Pharmacists talking with patients: A guide to patient counseling.	Rantucci M. J.		2011	1	Thông tin và tư vấn sử dụng thuốc
323.	Medicines use reviews - a practical guide,	Susan Youssef	Pharmaceutical Press	2010	1	Thông tin và tư vấn sử dụng thuốc
324.	Pharmacists talking with patients: A guide to patient counseling.	Rantucci M. J.		2011	1	Thông tin và tư vấn sử dụng thuốc
325.	https://www.medicines.org.uk/					Thông tin và tư vấn sử dụng thuốc
326.	https://dailymed.nlm.nih.gov/dailymed/					Thông tin và tư vấn sử dụng thuốc
327.	www.drugbank.vn					Thông tin và tư vấn sử dụng thuốc
328.	Dược lâm sàng – những nguyên lý cơ	Hoàng Thị Kim Huyền,	Y học	2012	2	Sử dụng thuốc trong điều trị I

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
	bản và sử dụng thuốc trong điều trị, tập 1	J.R.B.J. Brouwers				
329.	Cơ sở dữ liệu ca lâm sàng – sách dùng cho đào tạo dược sỹ và chuyên khảo, NXB Y học.	Thái Nguyễn Hùng Thu, Hoàng Thị Kim Huyền	Y học	2012	2	Sử dụng thuốc trong điều trị I
330.	Dược lâm sàng – những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị, tập 2	Hoàng Thị Kim Huyền, J.R.B.J. Brouwers	Y học	2012	3	Sử dụng thuốc trong điều trị I
331.	Các hướng dẫn điều trị của Bộ Y tế cho các bệnh lý nằm trong chương trình đào tạo, đăng tải trên Thư viện hướng dẫn chẩn đoán điều trị (Cục quản lý khám chữa bệnh), (http://kcb.vn/vanban/huong-dan-cap-nhat-den-thoi-diem-giang-day) (tải miễn phí)					Sử dụng thuốc trong điều trị I
332.	Pharmacotherapy - a pathophysiologic approach- 10 th Edition	Dipiro J. T., Talbert R. L., Yee G. C.,	McGraw-Hill	2017	1	Sử dụng thuốc trong điều trị I
333.	Pharmacotherapy case book- A patient-focused approach- 7 th edition	Schwingham m Schwingham mer T. L., Koehler J. M. er T. L., Koehler J. M.	McGraw - McGraw -Hill Medical compani es.Medic al compani es.	2009	1	Sử dụng thuốc trong điều trị I
334.	Clinical Pharmacy and Therapeutics- 5 th edition,	Walker R., Whittlesea C.	Churchil l Livingst one.	2012	1	Sử dụng thuốc trong điều trị I

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
335.	Dược lâm sàng – những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị, tập 1	Hoàng Thị Kim Huyền, J.R.B.J. Brouwers	Y học	2012	2	Sử dụng thuốc trong điều trị II
336.	Cơ sở dữ liệu ca lâm sàng – sách dùng cho đào tạo dược sỹ và chuyên khảo	Thái Nguyễn Hùng Thu Hoàng Thị Kim Huyền	Y học	2012	2	Sử dụng thuốc trong điều trị II
337.	Dược lâm sàng – những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị, tập 2	Hoàng Thị Kim Huyền, J.R.B.J. Brouwers	Y học	2012	3	Sử dụng thuốc trong điều trị II
338.	Các hướng dẫn điều trị của Bộ Y tế cho các bệnh lý nằm trong chương trình đào tạo, đăng tải trên Thư viện hướng dẫn chẩn đoán điều trị (Cục quản lý khám chữa bệnh), (http://kcb.vn/vanban/huong-dan cập nhật đến thời điểm giảng dạy) (tải miễn phí)					Sử dụng thuốc trong điều trị II
339.	Pharmacotherapy - a pathophysiologic approach- 10 th Edition,	Dipiro J. T., Talbert R. L., Yee G. C.,	McGraw -Hill	2020	1	Sử dụng thuốc trong điều trị II
340.	Pharmacotherapy case book- A patient-focused approach- 7 th edition,	Schwinghammer T. L., Koehler J. M. er T. L., Koehler J. M.	McGraw -Hill Medical companies. Medical companies.	2017	1	Sử dụng thuốc trong điều trị II
341.	Clinical Pharmacy and Therapeutics- 5 th edition,	Walker R., Whittlesea C.	Churchil l	2018	1	Sử dụng thuốc trong điều trị II

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
			Livingstone.			
342.	Dược lâm sàng – những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị, tập 1	Hoàng Thị Kim Huyền, J.R.B.J. Brouwers	Y học	2012	2	Thực hành được lâm sàng trong bệnh viện
343.	Cơ sở dữ liệu ca lâm sàng – sách dùng cho đào tạo dược sỹ và chuyên khảo, NXB Y học.	Thái Nguyễn Hùng Thu, Hoàng Thị Kim Huyền	Y học	2012	2	Thực hành được lâm sàng trong bệnh viện
344.	Dược lâm sàng – những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị, tập 2	Hoàng Thị Kim Huyền, J.R.B.J. Brouwers	Y học	2012	3	Thực hành được lâm sàng trong bệnh viện
345.	Bộ hướng dẫn điều trị được đăng tải trên Website của Cục QLKCB	https://kcb.vn/				Thực hành được lâm sàng trong bệnh viện
346.	Pharmacotherapy - a pathophysiologic approach- 10 th Edition,	Dipiro J. T., Talbert R. L., Yee G. C.,	McGraw-Hill	2017	1	Thực hành được lâm sàng trong bệnh viện
347.	Pharmacotherapy case book- A patient-focused approach- 7 th edition,	Schwinghammer T. L., Koehler J. M., Koehler J. M.	McGraw-Hill Medical companies. Medical companies.	2009	1	Thực hành được lâm sàng trong bệnh viện
348.	Clinical Pharmacy and Therapeutics- 5 th edition,	Walker R., Whittlesea C.	Churchill Livingstone.	2012	1	Thực hành được lâm sàng trong bệnh viện
349.	Chính phủ (2020), Nghị định 131/2020/NĐ-CP Quy định về tổ chức, Hoạt					

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
	động dược lâm sàng trong các cơ sở khám chữa bệnh.					
350.	Độc chất học	Thái Nguyễn Hùng Thu	Y học	2015	10	Độc chất
351.	Goldfrank's Toxicologic Emergencie, 8th edition	Flomenbaum N.E.et al.	McGraw Hill	2006	ebook	Độc chất
352.	Fundamentals of analytical toxicology	Robert J Flannagan, Andrew Taylor, Ian D watson, Robin Whelpton	John Wiley & Son, Ltd	2007	ebook	Độc chất
353.	A textbook of modern toxicology, 4th edition	Ernest Hodgson	John Wiley & Sons, Inc., Publietation	2010	ebook	Độc chất
354.	Handbook on the toxicology of metals, 4th edition	Gunnar F.N.et al.	Elsevier	2015	ebook	Độc chất
355.	Clarke's Analytical forensis Toxicology	A.Moffat et al	Pharmaceutical presss	2013	ebook	Độc chất
356.	Kiểm nghiệm dược phẩm	Bộ Y tế	Y học	2017	1	Kiểm nghiệm
357.	Dược điển Việt Nam V, tập 1 & 2	Bộ y tế	Y học	2017	2	Kiểm nghiệm
358.	Vietnamese Pharmacopoeia 5th	Bộ y tế	Y học	2017	1	Kiểm nghiệm
359.	British Pharmacopoeia	The Stationery Office	The Stationery Office	2016	ebook	Kiểm nghiệm
360.	The United states pharmacopeia 38/ The national formulary 33	United States Pharmacopeia l Convention	United Book Press, Inc.	2015	ebook	Kiểm nghiệm

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
361.	Hóa phân tích, Tập 1	Trần Từ An (cb.)	Y học	2014	1	Hóa phân tích 1
362.	TT Hóa phân tích	ĐHĐHN	ĐHĐHN	2018	1	Hóa phân tích 1
363.	Fundamentals of analytical chemistry, 9th edition	D.A. Skoog	Cengage Learning	2014	ebook	Hóa phân tích 1
364.	Quantitative chemical analysis, 8th edition	D.C Harris	W.H. Freeman and Company New York	2015	ebook	Hóa phân tích 1
365.	Modern Analytical Chemistry,	D.T. Harvey	McGraw Hill	2000	1	Hóa phân tích 1
366.	Analytical Chemistry,	G.D. Christian	Wiley	2007	1	Hóa phân tích 1
367.	Hóa phân tích, Tập 2	Trần Từ An (cb.)	Y học	2014	1	Hóa phân tích 2
368.	TT Hóa phân tích	ĐHĐHN	ĐHĐHN	2018	1	Hóa phân tích 2
369.	Fundamentals of analytical chemistry, 9th edition	D.A. Skoog	Cengage Learning	2014	ebook	Hóa phân tích 2
370.	Quantitative chemical analysis, 8th edition	D.C Harris	W.H. Freeman and Company New York	2010	ebook	Hóa phân tích 2
371.	Hóa học phân tích hiện đại	Phạm Luận	NXB BK	2020	1	Hóa phân tích 2
372.	Dược học cổ truyền	Phạm Xuân Sinh (chủ biên)	Y học	2014	1	Dược học cổ truyền
373.	Dược lý dược cổ truyền	Nguyễn Mạnh Tuyển (chủ biên)	Y học	2021	1	Dược học cổ truyền
374.	Dược điển Việt Nam V	Bộ Y tế	Y học	2017	2	Dược học cổ truyền

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
375.	Phụ tử - vị thuốc quý và phương pháp chế biến an toàn, hiệu quả	Bùi Hồng Cường, Phùng Hoà Bình, Nguyễn Trọng Thông	Khoa học và Kỹ thuật	2010	1	Dược học cổ truyền
376.	Hải Thượng Y tông tâm lĩnh	Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác	Y học	2008	1	Dược học cổ truyền
377.	Tuệ Tĩnh toàn tập	Nguyễn Bá Tĩnh	Y học	2007	1	Dược học cổ truyền
378.	Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam. Tập 1	Viện Dược liệu	KHKT	2006	1	Dược học cổ truyền
379.	Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam. Tập 2	Viện Dược liệu	KHKT	2006	1	Dược học cổ truyền
380.	Pharmacopoeia of the people's republic of China	Chinese Pharmacopoeia Commission	People's Medical Publishing House	2005	1	Dược học cổ truyền
381.	Pharmaceutics - The Science of Dosage Form Design, second edition	M. E. Aulton	Churchill Livingstone	2002	1	Bào chế và sinh dược học 1
382.	Essential Pharmaceutics	A. Brunaugh, H. D. C. Smyth and R. O. Williams III	Springer	2019	1	Bào chế và sinh dược học 1
383.	Bào chế và sinh dược học tập 1	Nguyễn Đăng Hòa và cộng sự	Y học	2021	1	Bào chế và sinh dược học 1
384.	Bào chế và sinh dược học tập 2	Phạm Thị Minh Huệ và cộng sự	Y học	2021	1	Bào chế và sinh dược học 1
385.	Thực tập Bào Chế	Bộ môn Bào chế - Trường ĐH Dược HN	ĐH Dược HN	2013	10	Bào chế và sinh dược học 1

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
386.	Bộ câu hỏi trắc nghiệm môn Bào chế và sinh dược học	Bộ môn Bào chế - Trường ĐH Dược HN	ĐH Dược HN	2013	10	Bào chế và sinh dược học 1
387.	Pharmaceutics - The Science of Dosage Form Design, second edition	M. E. Aulton	Churchill Livingstone	2002	1	Bào chế và sinh dược học 2
388.	Essential Pharmaceutics	A. Brunaugh, H. D. C. Smyth and R. O. Williams III	Springer	2019	1	Bào chế và sinh dược học 2
389.	Bào chế và sinh dược học tập 1	Nguyễn Đăng Hòa và cộng sự	Y học	2021	1	Bào chế và sinh dược học 2
390.	Bào chế và sinh dược học tập 2	Phạm Thị Minh Huệ và cộng sự	Y học	2021	1	Bào chế và sinh dược học 2
391.	Thực tập Bào Chế	Bộ môn Bào chế - Trường ĐH Dược HN	ĐH Dược HN	2013	1	Bào chế và sinh dược học 2
392.	Bộ câu hỏi trắc nghiệm môn Bào chế và sinh dược học	Bộ môn Bào chế - Trường ĐH Dược HN	ĐH Dược HN	2013	1	Bào chế và sinh dược học 2
393.	An Introduction to Medicinal Chemistry, 5th edition	Graham L. Patrick	Oxford University Press	2013	1	Hóa dược
394.	Foye's Principles of Medicinal Chemistry, 7th edition	Thomas L. Lemke, David A. Williams, Victoria F. Roche, and S. William Zito	Lippincott Williams & Wilkins	2013	1	Hóa dược
395.	Hóa dược tập I	Trường Đại học Dược Hà Nội	Y học	2016	1	Hóa dược
396.	Hóa dược tập II	Trường Đại học Dược Hà Nội	Y học	2014	1	Hóa dược

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
397.	Dược điển Việt Nam, lần xuất bản thứ 5	Bộ Y tế	Y học	2017	2	Hóa dược
398.	Dược lý học	Trường Đại học Y khoa Hà Nội	Y học	2001	1	Hóa dược
399.	Wilson and Gisvold's Textbook of organic medicinal and pharmaceutical chemistry, 10 th edition	J. N. Delgaro, W.A. Remers		1998	1	Hóa dược
400.	The pharmacological Basis of therapeutics. 12 th edition	Goodman and Gilman's	Mc Graw-Hill	2011	1	Hóa dược
401.	Remington: The Science and Practice of Pharmacy, 22 th edition	Gennaro A.R.	Philadel phia	2012	1	Hóa dược
402.	The British pharmacopoeia	Stationery Office (U.K.)		2016	1	Hóa dược
403.	The United states pharmacopeia 37/ The national formulary 32.	United States Pharmacopeia l Convention, Inc.		2014	1	Hóa dược
404.	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm	Từ Minh Koóng, Nguyễn Đình Luyện	Y học	2015	1	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
405.	Thực tập Kỹ thuật sản xuất dược phẩm	Bộ môn Công nghiệp Dược	ĐH Dược HN	2020	10	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
406.	Dược điển Việt Nam V	Hội đồng Dược điển Việt Nam	Y học	2018	2	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
407.	Cơ sở Công nghệ sinh học trong sản xuất dược phẩm	Từ Minh Koóng, Đàm Thanh Xuân	ĐH Dược HN	2014	10	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
408.	Pharmaceutical Substances: Syntheses, Patents, Applications of the most relevant APIs, 5 th edition	Kleemann A., Engel J., Kutscher B. and Reichert D.	Thieme	2009	1	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
409.	Pharmaceutical Manufacturing Encyclopedia, 3 rd edition	William Andrew Publishing		2007	1	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
410.	Industrial Scale Natural Products Extraction	Bart H.-J. and Pilz S.	Wiley-VCH Verlag GmbH & Co. KGaA	2011	1	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
411.	Structure Determination of Organic Compounds: Tables of Spectral Data, 4th edition	Pretsch E., Bühlmann P. and Badertscher M.	Springer -Verlag Berlin Heidelberg	2009	1	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
412.	Ullmann's Fine Chemicals, 3 Volume Set	Wiley-VCH	Wiley-VCH Verlag GmbH & Co. KGaA	2014	1	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
413.	Green Extraction of Natural Products: Theory and Practice	Chemat F. and Strube J.	Wiley-VCH Verlag GmbH & Co. KGaA	2015	1	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
414.	Synthesis of Essential Drugs	Vardanyan R. and Hruby V.	Elsevier	2006	1	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
415.	Contemporary Drug Synthesis	Li J. J., Johnson D. S., Sliskovic D. R. and Roth B. D.	Wiley-Interscience	2004	1	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
416.	Synthesis of Best-Seller Drugs, 1 st edition	Vardanyan R. and Hruby V.	Elsevier.	2016	1	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
417.	Modern Biotechnology	Mosier N. S. and Ladisch M. R.	Wiley	2009	1	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
418.	Cell Microencapsulation: Methods and Protocols	Opara E. C.	Humana Press (Springer).	2017	1	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
419.	Principles of fermentation technology	Stanbury P. F., Whitaker A. and Hall S. J.	Elsevier	2017	1	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
420.	Encyclopedia of Pharmaceutical Technology, 2 nd edition	Swarbrick J. and Boylan J.C.	Marcel Dekker	2002	1	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
421.	Pharmaceutical Process Scale-Up, 3 rd edition	Levin M.	CRC Press Taylor & Francis Group	2011	1	Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
422.	"Nanotechnology and its application in drug manufacturing"	Hanoi University of Pharmacy	Medical Publisher	2019	1	Nanotechnology and its application in drug manufacturing
423.	Pharmaceutical Nanotechnology	Cornier J., Owen A., Kwade A., and Van de Voorde M.	Wiley-VCH	2017	1	Nanotechnology and its application in drug manufacturing
424.	Nanoscale Fabrication, Optimization, Scale-Up and Biological Aspects of Pharmaceutical Nanotechnology	Grumezescu Alexandru Mihai	William Andrew, Applied Science Publishers	2018	1	Nanotechnology and its application in drug manufacturing
425.	Nanoparticle Technology for Drug Delivery	Gupta R. B., Kompella U. B.		2006	1	Nanotechnology and its application in

TT	Tên giáo trình	Tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
						drug manufacturing
426.	Nanoparticles in Life Sciences and Biomedicine	Neves Ana Rute, Reis Salette	Pan Stanford Publishing Pte. Ltd, Singapore	2018	1	Nanotechnology and its application in drug manufacturing
427.	Characterization of Nanoparticles Intended for Drug Delivery, 2 nd edition	Scott E. McNeil	Humana Press	2018	1	Nanotechnology and its application in drug manufacturing

Bảng 2.16. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản số, tập	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
1	Tổng hợp bất đối xứng và ứng dụng trong tổng hợp thuốc	Đinh Thị Thanh Hải, Nguyễn Quang Đạt	Y học	2017	50	Hóa hữu cơ 1, 2; Hóa dược
2	Kiểm nghiệm mỹ phẩm	Thái Nguyễn Hùng Thu	Y học	2019	50	Kiểm nghiệm
3	Phương pháp tổng hợp một số nhóm thuốc chống ung thư	Nguyễn Đình Luyện	Y học	2019	50	Hóa dược, Hóa hữu cơ 1,2
4	Nghiên cứu phát triển thuốc từ các nguồn Keratin	Nguyễn Đình Luyện	Y học	2019	50	Hóa dược, Hóa hữu cơ 1, 2
5	Phản ứng chuyển vị và ứng dụng trong tổng hợp thuốc	Vũ Trần Anh, Văn Thị Mỹ Huệ	Y học	2020	50	Hóa hữu cơ 1,2; Hóa dược
6	Cơ sở dữ liệu ca lâm sàng	Sách dự án	Y học	2012	2	Sử dụng thuốc trong điều trị 1, 2; Thực hành dược lâm sàng trong bệnh viện

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản số, tập	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
7	Dược thư Quốc gia Việt Nam	BYT	KHKT	2015	2	Dược lý đại cương và dược lý dẫn truyền; Dược lý lâm sàng, Dược lâm sàng đại cương
8	Dược điển Việt Nam V	BYT	Y học	2017	2	Thực vật, Dược liệu 1, 2; Kiểm nghiệm, Dược học cổ truyền, Hóa dược, Kỹ thuật sản xuất dược phẩm
Tạp chí tiếng Việt và ngoại văn						
9	Tạp chí Dược học	BYT		Cập nhật		Nghiên cứu khoa học
10	Tạp chí Y học thực hành	BYT		Cập nhật		Nghiên cứu khoa học
11	Tạp chí Dược liệu	Viện Dược liệu		Cập nhật		Nghiên cứu khoa học
12	Tạp chí Nghiên cứu dược và thông tin thuốc	Trường ĐH Dược HN		Cập nhật		Nghiên cứu khoa học
13	Trend in plant Science		ScienceDirect	Cập nhật		Nghiên cứu khoa học
14	Stem Cell research		ScienceDirect	Cập nhật		Nghiên cứu khoa học
15	Arabian Journal of Chemistry		ScienceDirect	Cập nhật		Nghiên cứu khoa học
16	Asian Pacific Journal of Tropical Biomedicine		ScienceDirect	Cập nhật		Nghiên cứu khoa học
17	Molecular Plant		ScienceDirect	Cập nhật		Nghiên cứu khoa học
18	Phytochemistry		ScienceDirect	Cập nhật		Nghiên cứu khoa học
19	Plant Gene		ScienceDirect	Cập nhật		Nghiên cứu khoa học

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản số, tập	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
20	Plant Physiology and Biochemistry		ScienceDirect	Cập nhật		Nghiên cứu khoa học
21	Plant Science		ScienceDirect	Cập nhật		Nghiên cứu khoa học
22	South African Journal of Botany		ScienceDirect	Cập nhật		Nghiên cứu khoa học

2.4. Hợp tác quốc tế

2.4.1. Hội nghị, hội thảo khoa học ngành, chuyên ngành trong và ngoài nước

Bảng 2.17. Danh sách hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan đến ngành đăng ký trong 5 năm gần nhất

TT	Tên hội nghị, hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức	Thông tin trên tạp chí, website
1	Hội thảo chuyên đề: "Current drug discovery and pharmaceutical technology"	26/1/2016 tại HUP	Hiệp hội Dược Hàn quốc	website của HUP
2	Hội nghị thường niên về tổng kết các hoạt động Cảnh giác dược thuộc Dự án GF	30/09/2016 tại Hà Nội	Dự án GF	website của HUP
3	Lớp tập huấn về pha chế thuốc ung thư tại bệnh viện, chương trình DU do ĐSQ CH Pháp tài trợ	14 – 18/12/2016 tại HUP	ĐSQ Pháp tại VN	website của HUP
4	Lớp học online (chuyên đề nâng cao sử dụng thuốc trong điều trị) với GS Roger đến từ ĐH Samford, Mỹ	3/11/2016, 6 buổi, 1 buổi/tuần	DA xã hội hoá bởi Astra, TPHCM	website của HUP
5	Hội thảo khoa học về bào chế	2016, tại HUP	Hiệp hội Dược Hàn Quốc	website của HUP
6	Lớp tập huấn: Chăm sóc dược trong chăm sóc sức khỏe ban đầu	10-11/3/2017, tại HUP	Wallonie Bruxelles	website của HUP
7	Hội thảo GIZ-TICA-HUP	19-21/4/2017 tại HUP	GIZ-TICA	website của HUP

TT	Tên hội nghị, hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức	Thông tin trên tạp chí, website
8	Lớp tập huấn: Giáo dục bệnh nhân và tuân thủ điều trị	4-5/8/2017 tại HUP	Wallonie Bruxelles	website của HUP
9	Hội thảo “Nâng cao năng lực dược sỹ cộng đồng đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu đối với người cao tuổi thông qua việc xây dựng mô hình hợp tác giữa bác sỹ gia đình và dược sỹ cộng đồng” ngày 13-14/11/2017 do Tổ chức Y tế Thế giới tài trợ	13-14/11/2017, tại HUP	WHO	website của HUP
10	Khóa đào tạo sau đại học về Pha chế thuốc độc tế bào tại bệnh viện: từ lý thuyết đến thực hành từ 18 – 21/12/2017 (chương trình DU)	18-21/12/2017, tại HUP	ĐSQ Pháp tại VN	website của HUP
11	Hội thảo “Hòa hợp tiêu chuẩn và chất lượng thuốc thảo dược” trong khuôn khổ chương trình hợp tác giữa GIZ – TICA – HUP	28/2 – 01/3/2018 tại HUP	GIZ-TICA	website của HUP
12	Hội thảo “Chăm sóc Dược trong cộng đồng: quản lý, điều trị các bệnh mãn tính và thông thường tại nhà thuốc”	10 – 11/4/2018, tại HUP	Wallonie Bruxelles	website của HUP
13	Hội thảo “Đào tạo thực hành và hành nghề dược sỹ tại Việt Nam – hiện tại và tương lai” trong khuôn khổ dự án FCB	13-15/4/2018, tại HUP	Dự án FCB, Bỉ	website của HUP
14	Hội thảo “Hòa hợp tiêu chuẩn và chất lượng thuốc thảo dược” lần 2 trong	07/5/2018 tại HUP	GIZ-TICA	website của HUP

TT	Tên hội nghị, hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức	Thông tin trên tạp chí, website
	khuôn khổ chương trình hợp tác giữa GIZ – TICA – HUP			
15	01 buổi sinh hoạt khoa học “Nghiên cứu chiết tách phục vụ phát triển cộng đồng trong thời đại công nghệ mới”	22/2/2018 tại HUP	Hợp tác Hàn quốc	website của HUP
16	Hội thảo Thực hành Dược tốt trong chăm sóc sức khỏe ban đầu.	6-7/11/2018 tại HUP	Wallonie Bruxelles	website của HUP
17	01 Khóa Đào tạo Sau đại học về Đánh giá công nghệ Y tế và Kinh tế Dược	18 – 20/4/2018 tại HUP	Khoa Dược Mahidol, Thái Lan	website của HUP
18	Hội thảo: Một số vấn đề mới về thực hành cảnh giác dược và dược lâm sàng tại các bệnh viện	24/3/2018 tại HUP	Xã hội hóa	website của HUP
19	01 lớp tập huấn về đảm bảo chất lượng, tổ chức lượng giá, tổ chức đào tạo	17 – 19/3/2018 tại HUP	Dự án FCB, Bỉ	website của HUP
20	Lớp tập huấn về thực hành chăm sóc dược và dược cộng đồng	09 – 12/4/2018 tại HUP	Dự án FCB, Bỉ	website của HUP
21	01 lớp đào tạo chuyên sâu về đảm bảo chất lượng thuốc từ dược liệu, dược học cổ truyền cho đoàn chuyên gia đến từ Trường Đại học, Hiệp hội, doanh nghiệp dược của Ghana;	7-18/05/2018 Tại HUP và Nam định, Lào cai	GIZ	website của HUP
22	Khóa học “Phương pháp phân tích dữ liệu nghiên cứu khoa học” do GS.TS Nguyễn Văn Tuấn trực tiếp giảng dạy;	03-07/08/2018	Viện Garvan, Úc	website của HUP

TT	Tên hội nghị, hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức	Thông tin trên tạp chí, website
23	Lớp tập huấn kỹ năng xây dựng chương trình đào tạo dựa trên chuẩn năng lực	8-12/10/2018 tại HUP	Dự án FCB, Bỉ	website của HUP
24	Lớp tập huấn kỹ năng xây dựng chương trình đào tạo thực hành được lâm sàng và được cộng đồng	15-17/10/2018 tại HUP	Dự án FCB, Bỉ	website của HUP
25	Lớp tập huấn về các phương pháp và kỹ năng trong hoạt động thực hành được lâm sàng tại Bệnh viện	21-23/11/2018 tại HUP	Dự án FCB, Bỉ	website của HUP
26	Lớp tập huấn về phương pháp xây dựng chương trình tự đánh giá về sử dụng thuốc trong điều trị cho được sỹ lâm sàng (PSAP)	26-27/11/2018 tại HUP	Dự án FCB, Bỉ	website của HUP
27	Lớp tập huấn về kỹ năng giảng dạy trên skill lab/ mô hình mô phỏng, kỹ năng giao tiếp, BPL	28-30/11/2018 tại HUP	Dự án FCB, Bỉ	website của HUP
28	Khóa học “Hóa sinh nâng cao – Cơ chế phân tử về ảnh hưởng của môi trường tới sức khỏe con người”	29-30/01/2018 tại HUP	Eramus	website của HUP
29	Khóa học “Công nghệ nano trong dược phẩm”	14-17/05/2018 tại HUP	Eramus	website của HUP
30	“Phân tích chi phí trong chăm sóc sức khỏe”	17-19/12/2018 tại HUP	Khoa Dược Mahidol	website của HUP
31	Hội thảo song phương Việt Nam Đài Loan trong lĩnh vực dược lý được lâm sàng, phát triển thuốc mới và tế bào gốc (HUP đồng tổ chức với ĐH Y HN)	2-3/3/2019 tại HMU	Đại học Y Hà Nội	website của HUP
32	Hội thảo Cập nhật Kiến thức-Thực hành trong điều trị nhiễm khuẩn cộng đồng	6/3/2019; Hà Nội, Văn phòng đại diện của	Văn phòng đại diện của GSK tại Việt Nam	website của HUP

TT	Tên hội nghị, hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức	Thông tin trên tạp chí, website
		GSK tại Việt Nam		
33	Hội thảo Khoa học giữa ĐH Yang Ming ĐL, Viện Hàn lâm ĐL, ĐH Y HN, ĐH Dược HN, Khoa Hóa ĐH KHTNXHNV	4-5/4/2019 tại HMU	Đại học Y Hà Nội	website của HUP
34	Phân tích dữ liệu và ứng dụng	12-17/6/2019 tại HUP	Viện NC Garvan, Úc	website của HUP
35	Cảnh giác dược và tương tác của các thuốc sinh học	15/6/2019, Hà Nội, Văn phòng đại diện của Novartis Pharma Services tại Việt Nam	Văn phòng đại diện của Novartis Pharma Services tại Việt Nam	website của HUP
36	Bệnh học và sử dụng kháng sinh hợp lý trong nhiễm khuẩn bệnh viện	2 buổi online, 2 buổi webcast, Hà Nội, tháng 5-6/ 2019, MSD	Văn phòng đại diện của MSD	website của HUP
37	Tập huấn về triển khai các hoạt động Cảnh giác Dược và an toàn thuốc cho cán bộ y tế	7/2019, Sở Y tế Quảng Bình, Sở Y tế Quảng Trị	Văn phòng đại diện của Astra Zeneca tại Việt Nam	website của HUP
38	Sinh học phân tử và tế bào	18/7/2019 tại HUP	Hiệp hội sinh học phân tử và tế bào của Hàn Quốc (KSMCB)	website của HUP
39	Ho và các bệnh lý liên quan đến ho	27/08/2019, Hà Nội, Văn phòng đại diện của GSK tại Việt Nam	Văn phòng đại diện của GSK tại Việt Nam	website của HUP
40	PK/PD của kháng sinh và áp dụng trong thực tế điều trị	31/10/2019, Hà Nội, Văn phòng đại diện của Pfizer tại Việt Nam	Văn phòng đại diện của Pfizer tại Việt Nam	website của HUP

TT	Tên hội nghị, hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức	Thông tin trên tạp chí, website
41	Sử dụng kháng sinh an toàn hợp lý	27/11/2019, Hà Nội, Văn phòng đại diện của GSK tại Việt Nam	Văn phòng đại diện của GSK tại Việt Nam	website của HUP
42	Cập nhật một số vấn đề mới về thực hành Cảnh giác Dược và Dược lâm sàng – chủ đề Nhi khoa	11/2019, Hà Nội	Công ty GSK + Công ty Thiên Thảo	website của HUP
43	Chương trình đào tạo Dược, thực tập nội trú dược và kỳ thi cấp chứng chỉ hành nghề tại Úc.	12/11/2019 tại HUP	Chuyên gia Úc	website của HUP
44	Hội nghị: Tiến trình chất lượng và mô hình kinh tế của một chương trình đào tạo trực tuyến: Làm sao để đánh giá kết quả học tập, đảm bảo chất lượng và đo lường khối lượng công việc của giảng viên?"	28/04/2020 (15:00-17:00) trực tuyến	AUF	website của HUP
45	Hội nghị: Các dịch vụ cung cấp công cụ làm việc trực tuyến ưu đãi cho ngành giáo dục của Google và Microsoft: Quy trình đăng kí, quản trị hệ thống và hỗ trợ người dùng (cán bộ, giảng viên, sinh viên)	29/04/2020 (09:00-10:00) trực tuyến	AUF	website của HUP
46	Hội nghị: Dạy học và kiểm tra trực tuyến với các công cụ Google: Chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn	29/04/2020 (10:00-11:00) trực tuyến	AUF	website của HUP
47	Hội nghị trực tuyến: Dạy học và kiểm tra trực tuyến với Microsoft 365 và	02/05/2020 (14:00-15:00) trực tuyến	AUF	website của HUP

TT	Tên hội nghị, hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức	Thông tin trên tạp chí, website
	Moodle: Chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn			
48	Hội nghị trực tuyến: Triển khai hệ thống quản lý đào tạo hỗn hợp (blended-learning) tại một trường đại học Việt Nam: Chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn	02/05/2020 (15:00-16:00) trực tuyến	AUF	website của HUP
49	Khóa học mùa hè tại ĐH Silpakorn, Thái lan (online)	60/06-02/07/2020 tại Thái Lan	ĐH Silpakorn, Thái lan	website của HUP
50	Một số vấn đề mới về CGD và DLS tại bệnh viện	1/10 và 8/10/2020 trực tuyến cả nước	Công ty dược	website của HUP
51	Hội thảo DA Nhật về kỳ thi chứng chỉ hành nghề dược sỹ tại Nhật Bản	4/11/2020 trực tuyến tại Hà nội, TP HCM và Tokyo Nhật Bản	ĐH Y Dược HM và Trung tâm giáo dục thông tin Yakuzemi	website của HUP

2.4.2. Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài đã và đang triển khai

Bảng 2.18. Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài trong 5 năm gần nhất liên quan đến ngành đăng ký đào tạo đã và đang triển khai

TT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức, nước hợp tác	Năm bắt đầu/Năm kết thúc	Số SV tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
1	Chương trình đào tạo thạc sĩ cấp bằng Châu Âu (CH Pháp, Lào, Campuchia, Việt Nam);	Fondation Pierre Fabre, AUF và ĐSQ CH Pháp.	2012-2018	27	Tổ chức 6 khóa thạc sĩ khoa học dược. -Đào tạo 27 thạc sĩ Việt Nam. -35 giảng viên HUP tham gia giảng dạy/ trợ giảng tại nước ngoài. -Hỗ trợ 11 tài liệu tham khảo bằng tiếng Pháp và sửa chữa bảo trì 02 thiết bị hỗ trợ hoạt động giảng dạy – NCKH.

TT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức, nước hợp tác	Năm bắt đầu/Năm kết thúc	Số SV tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
2	Chương trình Erasmus+ với Trường Đại học Camerino – Ý (2017)	Erasmus+	2016-2018	6	- 08 nghiên cứu sinh được tham gia học tập, nghiên cứu tại các trường của Châu Âu (06 đi Italy (Camerino), 01 đi Tiệp (ĐH Praha), 01 đi Estonia (ĐH Tartu).
3	Các chương trình Erasmus plus KA1 (01 với Tiệp (ĐH Praha), 01 với Đức (ĐH Greifwald), 03 với Estonia (ĐH Tartu).	Erasmus+	2018-2022	2	-13 giảng viên, viên chức HUP được đào tạo, tham gia giảng dạy, trao đổi tại các trường đại học của Châu Âu. -10 lượt giảng viên nước ngoài (7 từ Tiệp, 02 từ Ý và 01 từ Estonia) đến giảng dạy, chia sẻ chuyên môn tại HUP thông qua các lớp tập huấn. - Hiện còn 03 xuất đi Estonia và 02 xuất đi CHLB Đức: chưa thực hiện (do Covid 19).
4	Chương trình Nghị định thư với Đài Loan “Nghiên cứu bào chế và đánh giá tác dụng hệ vi bọt đa chức năng trong trị liệu gen hướng đích u não trên mô hình in vitro và in vivo”	Bộ KH&CN, Đài Loan	2019-2022	1	- 01 sản phẩm dạng I - 04 SF dạng II - 04 SF dạng III, 01 bài báo ISI và 03 bài báo trong nước
5	Chương trình hợp tác giữa GIZ – TICA – HUP về tiếp cận thuốc thảo dược chất lượng tốt giá cả hợp lý thông qua việc tăng cường năng lực trong đào tạo và tiêu chuẩn hóa;	GIZ – TICA	2017-2018	6	- Đề xuất 02 chương trình chi tiết về đào tạo thực hành GMP và kiểm nghiệm dược liệu - Tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo về chương trình, về tiêu chuẩn hóa dược liệu, về đào tạo thực hành, về đảm bảo chất lượng và GMP....

TT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức, nước hợp tác	Năm bắt đầu/Năm kết thúc	Số SV tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
					- 07 Giảng viên và 06 Sinh viên HUP được học tập, đào tạo, tham dự hội thảo tại Ghana và Thái Lan. - Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật của chuyên gia Đức và Thái lan về các nội dung liên quan
6	Khảo sát về nhận thức và thực hành của người bán thuốc về sử dụng kháng sinh và phản ứng có hại liên quan đến kháng sinh-	Tổ chức Y tế thế giới	2017-2021		Chương trình hợp tác trong tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo tập huấn trong nâng cao năng lực, cung cấp tài liệu tham khảo về DLS, chương trình đào tạo nguyên tắc Nghiên cứu và thiết kế lâm sàng, chăm sóc dược. Website của Trung tâm DI&ADR
7	Phát hiện tín hiệu liên quan đến phản ứng có hại (ADR) nghiêm trọng của thuốc kháng sinh: Tiếp cận từ CSDL Cảnh giác Dược Việt Nam giai đoạn 2010-2015	Tổ chức Y tế thế giới	2017-2017		
8	Khảo sát về nhận thức và thực hành của người bán thuốc về sử dụng kháng sinh và phản ứng có hại liên quan đến kháng sinh	Tổ chức Y tế thế giới	2017-2017		
9	Thiết kế, tổng hợp, thử hoạt tính ức chế histon deacetylase và hoạt tính kháng ung thư của một số dẫn chất N-hydroxypropenamid mới	Nafosted	2015 - 2018	10	5 công bố trên các tạp chí
10	Thiết kế, tổng hợp, thử tác dụng ức chế enzym PTP1B, hoạt hóa PPAR, tác dụng trị tiểu đường và chống ung thư của một số	Nafosted	2015 - 2018	10	5 công bố trên các tạp chí

TT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức, nước hợp tác	Năm bắt đầu/Năm kết thúc	Số SV tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
	dẫn dẫn chất 2,4-thiazolidinon mới				
11	Đánh giá mức độ ô nhiễm dư lượng kháng sinh và mức độ kháng thuốc của chủng Escherichia coli có trong nước thải công nghiệp dược Việt Nam	Nafosted	2015 - 2019	10	5 công bố trên các tạp chí
12	Tổng hợp và thử tác dụng kháng ung thư của một số dẫn acid hydroxamic mới mang khung thiazolidin, imidazolin hoặc tương tự hướng ức chế histone deacetylase	Nafosted	2016 - 2019	10	5 công bố trên các tạp chí
13	Phát hiện hợp chất dẫn đường có tác dụng làm bền vững cấu trúc G4-DNA, có đặc điểm được động học và độc tính phù hợp để phát triển thành thuốc chống ung thư mới	Nafosted	2017 - 2020	10	5 công bố trên các tạp chí
14	Thiết kế, tổng hợp, thử tác dụng kháng ung thư của một số dẫn dẫn chất acylhydrazon mới hướng hoạt hóa caspase	Nafosted	2017 - 2020	10	5 công bố trên các tạp chí
15	Nghiên cứu cấu trúc và đặc tính lý hóa của mạng gel ứng dụng trong bào chế kem bôi ngoài da	Nafosted	2017 - 2020	10	5 công bố trên các tạp chí
16	Thiết kế, tổng hợp, thử tác dụng ức chế histone deacetylase và tác dụng kháng ung thư của các dẫn chất kiểu lai hóa	Nafosted	2017 - 2020	10	5 công bố trên các tạp chí

TT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức, nước hợp tác	Năm bắt đầu/Năm kết thúc	Số SV tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
	quinazolin-acid hydroxamic				
17	Nghiên cứu một số giải pháp nhằm cải thiện sinh khả dụng và tác dụng dược lý cho thuốc từ dược liệu áp dụng với silymarin và l-tetrahydropalmitin	Nafosted	2017 - 2020	10	5 công bố trên các tạp chí
18	Thiết kế tổng hợp thử tác dụng kháng ung thư của các dẫn chất N-hydroxybenzamid mới	Nafosted	2018 - 2020	10	5 công bố trên các tạp chí
19	Thiết kế, tổng hợp và đánh giá hoạt tính kháng ung thư của một số dẫn chất acetohydrazid mới mang hệ dị vòng hướng hoạt hóa caspase	Nafosted	2018 - 2020	10	5 công bố trên các tạp chí
20	Nghiên cứu bào chế tiểu phân nano hướng đích chứa kết hợp paclitaxel và dihydroartemisinin, tác dụng hiệp đồng tăng cường trong điều trị ung thư	Nafosted	2018 - 2020	10	5 công bố trên các tạp chí
21	Nghiên cứu bào chế và sinh khả dụng của viên nén chứa tiểu phân nano fenofibrat đạt tiêu chuẩn hàm lượng và độ hòa tan theo dược điển Mỹ	Nafosted	2018 - 2021	10	5 công bố trên các tạp chí
22	Thiết kế, tổng hợp một số dẫn chất ức chế acetylcholine esterase mới hướng ứng dụng	Nafosted	2019 - 2022	10	Trên 3 công bố trên các tạp chí

TT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức, nước hợp tác	Năm bắt đầu/Năm kết thúc	Số SV tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
	trong phát triển thuốc điều trị mất trí nhớ				
23	Thiết kế tổng hợp, thử tác dụng kháng ung thư của các dẫn chất N-hydroxypropenamid, N-hydroxyheptanamid và acid benzhydroxamic mới mang dị vòng	Nafosted	2019 - 2022	10	Trên 3 công bố trên các tạp chí
24	Nghiên cứu bào chế và đánh giá tác dụng hệ vi bọt đa chức năng trong trị liệu gen hướng đích u não trên mô hình in vitro và in vivo	Nghị định thư	2019 - 2022	12	Trên 3 công bố trên các tạp chí
25	Thiết kế, tổng hợp, thử tác dụng kháng ung thư của các dẫn chất N-hydroxyacramid mới mang dị vòng hướng ức chế histone deacetylase	Nafosted	2020 - 2023	10	Trên 2 công bố trên các tạp chí
26	Nghiên cứu phát triển các chất tiềm năng trong điều trị ung thư bằng cơ chế miễn dịch thông qua ức chế Indoleamine 2,3-dioxygenase 1	Nafosted	2020 - 2023	10	Trên 2 công bố trên các tạp chí
27	Xây dựng phương pháp phân tích dược chất nhóm ức chế phosphodiesterase-5 trộn trái phép trong chế phẩm đông được bằng sắc ký lớp mỏng kết hợp qua phổ Raman tăng cường bề mặt (TLC-SERS)	Nafosted	2020 - 2023	10	Trên 2 công bố trên các tạp chí

TT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức, nước hợp tác	Năm bắt đầu/Năm kết thúc	Số SV tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
28	Đánh giá dư lượng kháng sinh và chất gây nghiện trong nước thải ở một số khu vực tại Thành phố Hà Nội	Nafosted	2020 - 2023	10	Trên 2 công bố trên các tạp chí
29	Thiết kế, tổng hợp và đánh giá hoạt tính kháng ung thư của một số dẫn chất N-arylidencarbamoylaceto hydrazid dạng lai hóa hướng hoạt hóa caspase và/hoặc ức chế tubulin	Nafosted	2020 - 2023	10	Trên 2 công bố trên các tạp chí
30	Nghiên cứu xu hướng kết tinh và hiện tượng quá bão hòa của một số dược chất kém tan ứng dụng trong bào chế nano tinh thể và hệ phân tán rắn vô định hình nhằm làm tăng sinh khả dụng thuốc	Nafosted	- 2022	10	Trên 2 công bố trên các tạp chí

2.4.3. Các hình thức hợp tác quốc tế khác

Xác định tầm quan trọng của Hội nhập quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản trị đại học, thời gian qua tập thể Lãnh đạo Trường Đại học Dược Hà Nội đã đẩy mạnh công tác quản lý thống nhất hoạt động hợp tác quốc tế thông qua việc tăng cường hợp tác song phương đa phương với các đối tác quốc tế. Dưới đây là bảng tổng hợp tóm tắt các hoạt động hợp tác quốc tế khác.

Bảng 2.19. Tổng hợp hoạt động hợp tác quốc tế giai đoạn 2016-2020

Nội dung	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng số
Thỏa thuận hợp tác, thỏa thuận tài trợ, hợp đồng tài trợ	7	9	26	16	21 MOU có yếu tố quốc tế 04 MOU trong nước	79 MOU được ký kết (có yếu tố quốc tế) và

Nội dung	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng số
						04 MOU trong nước
Đoàn vào (lượt)	32 (88 lượt người)	35 (90 lượt người)	54 (125 lượt người)	52 (198 lượt người)	24 (60 lượt người)	197 đoàn vào (561 lượt người)
Đoàn ra (lượt) – hợp tác quốc tế	13 đoàn ra (22 lượt người)	12 đoàn ra (17 lượt người)	18 đoàn ra (39 lượt người)	19 đoàn ra (34 lượt người)	1 đoàn ra (2 lượt người)	63 đoàn ra 118 lượt người
Chương trình trao đổi SV – đoàn vào	4 đoàn vào (14 lượt người)	3 đoàn vào (9 lượt người)	7 đoàn vào (22 lượt người)	4 đoàn vào (20 lượt người)	Không có	18 đoàn vào (65 lượt người)
Chương trình trao đổi sinh viên – đoàn ra	2 đoàn ra (12 lượt người)	3 đoàn (05 lượt người)	4 đoàn ra (20 lượt người)	5 đoàn ra (21 lượt người)	-Không có đoàn ra -Có 01 đoàn với 9 SV dự học online.	- 14 đoàn ra và 01 đoàn sv tham gia khóa học quốc tế online -58 lượt người và 09 sinh viên tham gia khóa học quốc tế online
HB (suất, tổng tiền)	47 học bổng 398,2 tr.đ	45 học bổng 360, 2 tr.đ	37 học bổng 432,6 tr.đ	30 học bổng 250 tr.đ	30 học bổng 263 tr.đ	189 suất học bổng 1.704 tr.đ
Hội thảo/tập huấn/Sinh hoạt KH (tại chỗ, từ xa)	04 (165 đại biểu; 25 đại biểu quốc tế)	05 (220 đại biểu, 17 đại biểu quốc tế)	20 (1074 đại biểu, 53 đại biểu quốc tế)	13 (4106 đại biểu, 47 đại biểu quốc tế)	19 (2289 đại biểu, 8 đại biểu quốc tế)	61(7854 đại biểu, 150 đại biểu quốc tế)
Chương trình DA được phê duyệt, triển khai thực hiện	9	15	13	11	13	

Nội dung	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng số
Dự án, chương trình xã hội hóa (nâng cao năng lực, học bổng và nghiên cứu khoa học)	06 CT/DA XHH 569.883.978 đồng	06 CT/DA XHH 715.327.575 đồng	12 dự án, chương trình XHH 1.521.353.986 đồng	13 CT/DA XHH 856.532.000 đồng	17 CT/DA XHH 2.546.440.200 đồng	54 CT/DA XHH 6.209.537.739 đồng

Bảng 2.20. Tổng hợp kết quả triển khai dự án, chương trình hợp tác khác giai đoạn 2016-2020

TT	Dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị đầu mối	Kết quả thực hiện
1	Dự án hỗ trợ hệ thống y tế, hợp phần cảnh giác được 2.1 - Trường Đại học Dược Hà Nội (Dự án GF)	2012-2017	TTQG, Ban QLDA	Mục tiêu, hợp phần hoạt động dự án (2012-2017): 1.Hỗ trợ tăng cường năng lực của Trung tâm quốc gia về thông tin thuốc và theo dõi phản ứng có hại của thuốc (DI-ADR) 2.Xây dựng hệ thống báo cáo tự nguyện quốc gia về tác dụng không mong muốn của thuốc. 3.Tiến hành xây dựng và phát triển chương trình theo dõi tích cực hoặc giám sát tiến cứu ADR trong các chương trình sức khỏe cộng đồng. 4.Thành lập hệ thống phản hồi thúc đẩy việc sử dụng thuốc an toàn. 5.Xây dựng mạng lưới quốc gia để quảng bá tầm quan trọng và thực hiện các hoạt động cảnh giác được. Kết quả thực hiện 2016-2017: - Số lượng lớp tập huấn được tổ chức: 38 lớp, 1486 học viên (là CBYT) - Tăng cường hệ thống báo cáo tự nguyện và phản hồi thông tin (03 quyền hướng dẫn sử dụng thuốc và tờ rơi) -Tăng cường theo dõi tích cực ADR trong 3 Chương trình y tế mục tiêu Quốc Gia
2	Dự án phát triển nguồn nhân lực y tế (ADB)	2012-2016	ĐT, Ban QLDA	Kết quả thực hiện Hợp phần dự án HUP trong dự án ADB (2012-2016): -Trang bị một số lượng lớn thiết bị NCKH, thiết bị giảng dạy, thiết bị văn phòng cho HUP (11 bộ môn, 2 phòng ban và viện Công nghệ được phẩm nhận được bổ sung thiết bị hỗ trợ cho công

TT	Dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị đầu mối	Kết quả thực hiện
				tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập với tổng kinh phí tương đương 3.362.939 USD). -Tổ chức 41 lớp tập huấn, 11 hội thảo trong nâng cao năng lực cán bộ quản lý, giảng viên, viên chức, người lao động HUP và các trường thành viên trong dự án ADB. -Triển khai 26 đề tài NCKH được triển khai trong khuôn khổ dự án; một số lượng bài báo được đăng là sản phẩm đầu ra của các đề tài NCKH thuộc dự án và việc ứng dụng các thiết bị nghiên cứu do dự án đầu tư. - Cung cấp học bổng, tạo cơ hội và giúp đỡ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn (94 sinh viên được nhận học bổng của dự án với tổng kinh phí đã cấp là 287.200.000 đồng). -Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, viên chức HUP (09 người với tổng kinh phí khoảng 204.895.000 đồng) thông qua các học bổng thạc sĩ, tiến sĩ thuộc dự án.
3	Dự án “xây dựng Trường Đại học Dược Hà Nội ngang tầm khu vực” (VNM 44), nguồn vốn vay ưu đãi của chính phủ Hàn Quốc.	2014-2023	VPDA, Ban QLDA	Mục tiêu, hợp phần hoạt động (2014-2023) -Xây dựng 9 tòa nhà và hạ tầng khu A và B của Cơ sở HUP tại Bắc Ninh -Mua sắm và lắp đặt thiết bị tòa nhà, thiết bị NCKH, đào tạo và quản trị đại học -Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, viên chức, NLĐ của HUP. - Giải phóng mặt bằng và bồi thường - Các loại hình tư vấn đặc thù, thuế, phí, và QLDA. Kết quả thực hiện 2014-2020 -Giải phóng mặt bằng và bồi thường hơn 20 hecta đất tại Khu A và B (còn khoảng 300 m2 chưa di chuyển được mồ mã); hoàn trả hệ thống kênh mương và đường đi nội đồng khu A (hiện còn 1 phần của Khu B); Hoàn thành giai đoạn 1 đường gom của khu A và B. - Hoàn thành dự thảo, tổ chức thẩm tra và trình thẩm định, thẩm duyệt, phê duyệt (bởi các cơ quan chuyên môn liên quan và Bộ Y tế): Hồ sơ thiết kế cơ sở, Hồ sơ thiết kế mặt bằng, Hồ sơ thiết kế cơ sở điều chỉnh, Hồ sơ thiết kế thi công,

TT	Dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị đầu mối	Kết quả thực hiện
				Thông số kỹ thuật thiết bị (thiết bị công trình, nghiên cứu, và đào tạo) và Hồ sơ dự toán công trình dự án. - Tư vấn về chiến lược phát triển và phương thức quản trị cho HUP - Tổ chức LCNT (các gói thầu quốc tế và trong nước), triển khai và quản lý các loại hình tư vấn đặc thù theo quy định. Tổ chức giám sát đánh giá dự án đầu tư giai đoạn 2009-2020. - Điều chỉnh chủ trương đầu tư, gia hạn Hiệp định vay vốn lần 1, phê duyệt lại văn kiện dự án. - Tổ chức quản lý dự án theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam và của Nhà tài trợ.
4	Dự án FCB: “Nâng cao năng lực đào tạo thực hành nghề dựa trên chuẩn năng lực cho Trường Đại học Dược Hà Nội và các cơ sở thực hành đáp ứng yêu cầu hội nhập và hòa nhập giáo dục”	2017-2019	Hợp tác quốc tế, Ban QLDA	- Đề xuất 02 chương trình chi tiết về đào tạo thực hành định hướng được lâm sàng và được cộng đồng - Tổ chức các lớp tập huấn (07), hội thảo (01) về xây dựng chương trình, về xây dựng ngân hàng câu hỏi, về đảm bảo và kiểm định chất lượng.... - Tư vấn hỗ trợ kỹ thuật của chuyên gia Bỉ trong xây dựng và tổ chức đào tạo thực hành nghề nghiệp, trong xây dựng chuẩn đầu ra, chương trình giáo dục, chương trình chi tiết.
5	Các dự án WHO (06 dự án)	2016-2021	TTQG, BM QLKTD, BM DLS	- 02 dự án nghiên cứu và 02 dự án xây dựng chương trình CPD - Đề xuất 04 chương trình đào tạo CPD - 02 sản phẩm kết quả nghiên cứu được đề xuất theo nội dung hợp đồng ký kết - Tổ chức các lớp tập huấn và 02 hội thảo
6	Các dự án với Wallonie Bruxelles (02 dự án: 9C và 1.15B)	2016-2022	BM QLKTD và các bên liên quan	- Hỗ trợ kỹ thuật của chuyên gia Bỉ về sử dụng thuốc an toàn hợp lý, chăm sóc dược... - Nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên HUP tại Bỉ và Việt Nam về đào tạo thực hành nghề nghiệp, về chăm sóc dược và sử dụng thuốc an toàn hợp lý

TT	Dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị đầu mối	Kết quả thực hiện
				-Tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo về các nội dung liên quan
7	Các dự án xã hội hóa - với các doanh nghiệp (có yếu tố quốc tế): 54 thỏa thuận tài trợ, hợp đồng tài trợ.	2016-2021	Hợp tác quốc tế(16), TTQG (30), BM DLS (04), QLKTD (02); QLSV (01); Được lý (01)	- 02/54: Dự án nghiên cứu (với GSK): kết quả nghiên cứu về phân tích chi phí – hiệu quả và phân tích tác động ngân sách của thuốc (theo dự kiến hợp đồng), tương đương: 1.300.370.000. BM. Quản lý & Kinh tế được là đầu mối. - 14/54: Cung cấp 189 học bổng cho sinh viên xuất sắc và sinh viên nghèo vượt khó, tương đương 1.704.000.000 đồng. quản lý sinh viên và hợp tác quốc tế là đầu mối tổ chức thực hiện. - 38/54: chương trình hợp tác trong tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo tập huấn trong nâng cao năng lực, cung cấp tài liệu tham khảo về DLS, chương trình đào tạo nguyên tắc Nghiên cứu và thiết kế lâm sàng, chăm sóc được tương đương: 3.205.167.739 đồng. TTQG, HTQT, DLS, Được lý là đầu mối.
8	Dự án với TT Yakuzemi Nhật Bản: “Tăng cường chất lượng hệ thống kỳ thi tốt nghiệp của một số trường đại học được tại Việt Nam và xây dựng chương trình đào tạo liên tục cho được sỹ qua hình thức E-learning”.	2020-2021	ĐT và Ban QLDA	- Chia sẻ CSDL ngân hàng câu hỏi kỳ thi cấp chứng chỉ hành nghề quốc gia của Nhật. - Xây dựng thí điểm 90 câu hỏi và tổ chức thi thử (pilot) cho sinh viên năm thứ 5 - Đề xuất cấu trúc đề thi phù hợp với thực trạng của Việt Nam - Tổ chức Hội thảo HUP- YDHCM và Nhật bản về kỳ thi cấp chứng chỉ hành nghề quốc gia của Nhật.
9	Dự án EDUSHARE – chương trình Erasmus plus KA2 với Estonia (ĐH Tartu), CHLB	2016-2020	Phòng Hợp tác quốc tế, Sau đại học và các đơn vị liên quan	- Nâng cao năng lực giảng viên, cán bộ HUP tại các nước Châu Âu và tại chỗ (09 lượt tại Châu Âu và 10 lượt tại Huế) - Tổ chức các Hội thảo, lớp tập huấn về đào tạo sinh y, về nâng cao năng lực NCKH tại Huế và Hà Nội

TT	Dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị đầu mối	Kết quả thực hiện
	Đức (ĐH Greifswald); Anh (ĐH Essex); Thụy điển (Viện Karolinska) và 05 trường đại học Y Dược của Việt Nam. Đối tác chính của Việt Nam là Trường Đại học Y Dược Huế.			- Chia sẻ và hỗ trợ xây dựng chương trình đào tạo tiên sĩ sinh y (chuẩn Châu Âu) tại ĐHY Dược Huế
10	Dự án Mekong Pharma Network	2019-2022	Sau đại học, các đơn vị liên quan	Sản phẩm đến T3/2021 (tài trợ từ AUF và PF), do Covid nên DA tạm dừng: -Hệ thống máy chủ E learning -Màn hình ghép tại HT 1
11	Chương trình DU với CH Pháp về cảnh giác dược, dịch tễ, pha chế thuốc độc tế bào	2009- nay	Hợp tác quốc tế, Sau đại học, BM. Quản lý & Kinh tế dược, BM Bào chế, TTQG.	-Tổ chức các lớp tập huấn cơ bản, nâng cao về cảnh giác dược, dịch tễ và pha chế thuốc độc tế bào. - Đào tạo 02 giảng viên trình độ thạc sĩ về dịch tễ tại CH pháp, 01 sinh viên trình độ thạc sĩ tại CH Pháp, và một số xuất ngắn hạn cho sinh viên tại Pháp. -Tư vấn về đối sánh và cập nhật chương trình, học liệu trong giảng dạy cảnh giác dược, dịch tễ và pha chế thuốc độc tế bào. -Tư vấn cho khối bệnh viện về thiết kế phòng pha chế, SOP trong tổ chức pha chế các loại thuốc độc tế bào.
12	Dự án nghiên cứu với Quỹ VLIR Bỉ: <i>"Phát triển và ứng dụng kỹ thuật bao bồi để bào chế viên nén Berberin giải phóng tại đại tràng"</i>	2014-2016	BM Bào chế	Phát triển và ứng dụng kỹ thuật bao bồi để bào chế viên nén berberin giải phóng tại đại tràng; Đánh giá tương tác giữa polyme bao màng và hóa chất dẻo; đánh giá nồng độ berberin trong huyết tương chó sau khi uống viên giải phóng tại đại tràng.

2.5. Nghiên cứu khoa học

Trường Đại học Dược Hà Nội là đơn vị có thế mạnh trong nghiên cứu khoa học cơ bản, nghiên cứu phát triển và ứng dụng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Dược. Hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường đã triển khai phù hợp với sứ mạng và định hướng phát triển của Trường Đại học Dược Hà Nội và Chiến lược phát triển ngành Dược, đồng thời chú trọng tiêu chí chất lượng và từng bước hội nhập quốc tế.

Trong 5 năm qua, năng lực nghiên cứu và kết quả nghiên cứu mà các giảng viên, nghiên cứu viên của Trường Đại học Dược Hà Nội đạt được rất đáng khích lệ: có tổng số 26 đề tài/dự án cấp quốc gia, 18 đề tài cấp bộ và tương đương, 93 đề tài cấp Trường, cụ thể trong bảng sau:

Bảng 2.21. Kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành đăng ký đào tạo trong 5 năm trở lại đây

TT	Tên chương trình, đề tài	Cấp quản lý	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số sinh viên tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
I	Cấp Quốc gia					
1.	Nghiên cứu quy trình tổng hợp Mafenid acetat	Bộ Công thương	2	2015 - 2017	12	5
2.	Thiết kế, tổng hợp, thử hoạt tính ức chế histon deacetylase và hoạt tính kháng ung thư của một số dẫn chất N-hydroxypropenamid mới	Nafosted	1	2015 - 2018	10	5
3.	Thiết kế, tổng hợp, thử tác dụng ức chế enzym PTP1B, hoạt hóa PPAR, tác dụng trị tiểu đường và chống ung thư của một số dẫn chất 2,4-thiazolidinon mới	Nafosted	1	2015 - 2018	10	5
4.	Đánh giá mức độ ô nhiễm dư lượng kháng sinh và mức độ kháng thuốc của chủng Escherichia coli có trong nước thải công nghiệp dược Việt Nam	Nafosted	1	2015 - 2019	10	5
5.	Tổng hợp và thử tác dụng kháng ung thư của một số dẫn acid hydroxamic mới mang khung thiazolidin, imidazolin hoặc	Nafosted	1	2016 - 2019	10	5

TT	Tên chương trình, đề tài	Cấp quản lý	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số sinh viên tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
	tương tự hướng ức chế histone deacetylase					
6.	Phát hiện hợp chất dẫn đường có tác dụng làm bền vững cấu trúc G4-DNA, có đặc điểm dược động học và độc tính phù hợp để phát triển thành thuốc chống ung thư mới	Nafosted	1	2017 - 2020	10	5
7.	Thiết kế, tổng hợp, thử tác dụng kháng ung thư của một số dẫn chất acylhydrazon mới hướng hoạt hóa caspase	Nafosted	1	2017 - 2020	10	5
8.	Nghiên cứu cấu trúc và đặc tính lý hóa của mạng gel ứng dụng trong bào chế kem bôi ngoài da	Nafosted	1	2017 - 2020	10	5
9.	Thiết kế, tổng hợp, thử tác dụng ức chế histone deacetylase và tác dụng kháng ung thư của các dẫn chất kiểu lai hóa quinazolin-acid hydroxamic	Nafosted	1	2017 - 2020	10	5
10.	Nghiên cứu một số giải pháp nhằm cải thiện sinh khả dụng và tác dụng dược lý cho thuốc từ dược liệu áp dụng với silymarin và l-tetrahydropalmatin	Nafosted	1	2017 - 2020	10	5
11.	Nghiên cứu và phát triển chế phẩm hỗ trợ điều trị bệnh đái tháo đường typ 2 từ một số loài (đặc hữu) vùng Tây Nam Bộ thuộc chi Hibiscus L. và Decaschista Wight & Arn. họ Bông (Malvaceae)	Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	3	2017 - 2020	10	6
12.	Thiết kế tổng hợp thử tác dụng kháng ung thư của các dẫn chất N-hydroxybenzamid mới	Nafosted	1	2018 - 2020	10	5
13.	Thiết kế, tổng hợp và đánh giá hoạt tính kháng ung thư của một số dẫn chất acetohydrazid mới mang hệ dị vòng hướng hoạt hóa caspase	Nafosted	1	2018 - 2020	10	5

TT	Tên chương trình, đề tài	Cấp quản lý	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số sinh viên tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
14.	Nghiên cứu bào chế tiểu phân nano hướng đích chứa kết hợp paclitaxel và dihydroartemisinin, tác dụng hiệp đồng tăng cường trong điều trị ung thư	Nafosted	1	2018 - 2020	10	5
15.	Nghiên cứu bào chế và sinh khả dụng của viên nén chứa tiểu phân nano fenofibrat đạt tiêu chuẩn hàm lượng và độ hòa tan theo được điển Mỹ	Nafosted	1	2018 - 2021	10	5
16.	Nghiên cứu bào chế cream, miếng dán giảm đau tại chỗ chứa capsaicinoid từ Ớt (<i>Capsicum</i> spp.)	Bộ KH & CN	2	2018 - 2021	12	5
17.	Nghiên cứu bào chế viên nang chứa hệ nano tự nhũ hóa rosuvastatin	Bộ KH & CN	2	2018 - 2021	12	5
18.	Thiết kế, tổng hợp một số dẫn chất ức chế acetylcholine esterase mới hướng ứng dụng trong phát triển thuốc điều trị mất trí nhớ	Nafosted	1	2019 - 2022	10	3 +
19.	Thiết kế tổng hợp, thử tác dụng kháng ung thư của các dẫn chất N-hydroxypropenamid, N-hydroxyheptanamid và acid benzhydroxamic mới mang dị vòng	Nafosted	1	2019 - 2022	10	3 +
20.	Nghiên cứu bào chế và đánh giá tác dụng hệ vi bọt đa chức năng trong trị liệu gen hướng đích u não trên mô hình in vitro và in vivo	Nghị định thư	2	2019 - 2022	12	3 +
21.	Thiết kế, tổng hợp, thử tác dụng kháng ung thư của các dẫn chất N-hydroxyacramid mới mang dị vòng hướng ức chế histone deacetylase	Nafosted	1	2020 - 2023	10	2 +
22.	Nghiên cứu phát triển các chất tiềm năng trong điều trị ung thư bằng cơ chế miễn dịch thông qua	Nafosted	1	2020 - 2023	10	2 +

TT	Tên chương trình, đề tài	Cấp quản lý	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số sinh viên tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
	ức chế Indoleamine 2,3-dioxygenase 1					
23.	Xây dựng phương pháp phân tích dược chất nhóm ức chế phosphodiesterase-5 trộn trái phép trong chế phẩm đông được bằng sắc ký lớp mỏng kết hợp qua phổ Raman tăng cường bề mặt (TLC-SERS)	Nafosted	1	2020 - 2023	10	2 +
24.	Đánh giá dư lượng kháng sinh và chất gây nghiện trong nước thải ở một số khu vực tại Thành phố Hà Nội	Nafosted	1	2020 - 2023	10	2 +
25.	Thiết kế, tổng hợp và đánh giá hoạt tính kháng ung thư của một số dẫn chất N-aryliden carbamoylacetohydrazid dạng lai hóa hướng hoạt hóa caspase và/hoặc ức chế tubulin.	Nafosted	1	2020 - 2023	10	2 +
26.	Nghiên cứu xu hướng kết tinh và hiện tượng quá bão hòa của một số dược chất kém tan ứng dụng trong bào chế nano tinh thể và hệ phân tán rắn vô định hình nhằm làm tăng sinh khả dụng thuốc.	Nafosted	1	2020 - 2022	10	2 +
II	Cấp Bộ và tương đương					
1.	Nghiên cứu thực trạng chất lượng dịch vụ của các cơ sở bán lẻ thuốc tại Việt Nam và đề xuất giải pháp	Bộ Y tế	3	2016 - 2019	8	3
2.	Nghiên cứu một số thành phần hóa học, tác dụng sinh học và phát triển sản phẩm từ cây Trà hoa vàng tại Ba Chẽ, Quảng Ninh	Sở KHCN tỉnh Quảng Ninh	2	2016 - 2019	8	3
3.	Nghiên cứu bào chế viên nén 2 lớp chứa 1000 mg amoxicilin và 62,5 mg acid clavulanic giải phóng kéo dài đạt tiêu chuẩn USP38	Sở KHCN TP. Hà Nội	2	2017 - 2019	8	3

TT	Tên chương trình, đề tài	Cấp quản lý	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số sinh viên tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
4.	Nghiên cứu bào chế viên nang cứng có tác dụng giải lo âu từ cây Lạc tiên và cây Rau má	Sở KHCN TP. Hà Nội	2	2017 - 2019	8	3
5.	Nghiên cứu xây dựng quy trình bào chế và tác dụng dược lý của bài thuốc hỗ trợ điều trị Eczema	Sở KHCN TP. Hà Nội	2	2017 - 2019	8	3
6.	Khảo sát tần suất một số allele HLA lớp 1 trong cộng đồng người Kinh Việt Nam và trong nhóm bệnh nhân sử dụng Allopurinol	Bộ Y tế	2	2017 - 2020	8	3
7.	Xây dựng phương pháp phát hiện một số dược chất nhóm giảm đau, chống viêm, hạ glucose máu, ức chế PDE-5 trộn lẫn trong chế phẩm đông được bằng HPTLC và LC-MS/MS	Bộ Y tế	1	2017 - 2020	8	3
8.	Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động báo cáo biến cố bất lợi trong thử nghiệm lâm sàng thuốc tại Việt Nam	Bộ Y tế	3	2017 - 2020	8	3
9.	Nghiên cứu quy trình bào chế viên nang cứng tác dụng điều trị bệnh gút từ hạt cần tây (<i>Semen Apii graveolens</i>)	Bộ Y tế	1	2017 - 2020	8	3
10.	Xây dựng quy trình bào chế viên hoàn giọt có chứa Đan sâm, Tam thất Việt Nam	Bộ Y tế	1	2018 - 2020	8	3
11.	Nghiên cứu bẹ cây móc Caryota mitis L. tạo chế phẩm cầm máu	Bộ Y tế	1		8	3
12.	Nghiên cứu quy trình tổng hợp nguyên liệu và bào chế dạng thuốc viên Flutamid điều trị ung thư tiền liệt tuyến	Sở KHCN TP. Hà Nội	1	2020 - 2022	8	1 +
13.	Nghiên cứu bào chế viên nang cứng chứa proliposome berberin	Sở KHCN	1	2020 - 2022	8	1 +

TT	Tên chương trình, đề tài	Cấp quản lý	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số sinh viên tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
	ứng dụng điều trị rối loạn lipid máu	TP. Hà Nội				
14.	Nghiên cứu điều chế cellulose vi tinh thể từ nguồn dư phẩm sau thu hoạch tại Việt Nam ở quy mô Pilot bằng chất lỏng ion (IL)	Bộ Y tế	1	2020 - 2023	8	1 +
15.	Nghiên cứu bào chế màng dán niêm mạc miệng chứa triamcinolon acetonid	Bộ Y tế	1	2020 - 2023	8	1 +
16.	Nghiên cứu bào chế vi cầu leuprolid acetat đông khô giải phóng kéo dài dùng đường tiêm	Bộ Y tế	1	2020 - 2023	8	1 +
17.	Xây dựng phương pháp phân tích đồng thời một số thuốc tân dược nhóm kháng histamin và chống tăng huyết áp trộn trái phép trong chế phẩm đông được bằng HPTLC, HPLC và LC-MS/MS	Bộ Y tế	1	2021 - 2023	8	0 +
18.	Nghiên cứu sản xuất chế phẩm từ Xuyên tâm liên kết hợp với một số dược liệu theo hướng thay thế kháng sinh trong chăn nuôi gà	Sở KH-CN TP. Hà Nội	1	2021 - 2023	8	0 +
III.	Cấp Trường					
1.	Nghiên cứu sử dụng natri alginat để vi nang hóa vi khuẩn <i>Lactobacillus acidophilus</i>	Trường		2017 - 2018	3	1
2.	Đánh giá kiến thức và kỹ thuật dùng thuốc hít của người bán thuốc trong tư vấn hen phế quản	Trường		2017 - 2018	3	1
3.	Bước đầu nghiên cứu thành phần tinh dầu hạt cây Dổi <i>Magnolia mediocris</i> (Dandy) Figlar thu hái tại Hòa Bình	Trường		2017 - 2018	3	1
4.	Xây dựng website hỗ trợ nhận thức dược liệu	Trường		2017 - 2018	3	0
5.	Nghiên cứu thành phần hóa học của cây Hành tằm (<i>Allium schoenoprasum</i> Regel & Tiling, Alliaceae)	Trường		2017 - 2018	3	1

TT	Tên chương trình, đề tài	Cấp quản lý	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số sinh viên tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
6.	Bước đầu nghiên cứu đặc điểm thực vật, thành phần hóa học và đánh giá tác dụng ức chế xanthin oxidase <i>in vitro</i> của hai loài thuộc chi <i>Balanophora</i> J.R. Forst & G. Forst ở Việt Nam	Trường		2017 - 2018	3	1
7.	Bước đầu nghiên cứu tác dụng gây giãn cơ trơn khí quản của cao chiết lá sung (<i>Ficus racemosa</i>) trên đoạn khí quản cô lập của chuột cống	Trường		2017 - 2018	3	1
8.	Triển khai mô hình gây suy giảm nồng độ estrogen trên chuột bằng phương pháp cắt buồng trứng và áp dụng đánh giá tác dụng của sản dây củ tròn	Trường		2017 - 2018	3	1
9.	Nghiên cứu tổng hợp S-allyl cystein	Trường		2017 - 2018	3	1
10.	Nghiên cứu tổng hợp 2,3-dimethyl-2 <i>H</i> -indazol-6-amin và 5-amino-2-methylbenzensulfonamid làm nguyên liệu điều chế pazopanib	Trường		2017 - 2018	3	1
11.	Nghiên cứu tổng hợp tạp chất B của terazosin	Trường		2017 - 2018	3	1
12.	Tổng hợp và thử tác dụng kháng ung thư của một số dẫn chất acylhydrazon mới mang khung quinazolinon	Trường		2017 - 2018	3	1
13.	Tổng hợp và thử hoạt tính kháng tế bào ung thư của một số dẫn chất 2-aryl-6-butylamino-4-quinazolinon	Trường		2017 - 2018	3	1
14.	Tổng hợp và thử hoạt tính sinh học một số dẫn chất 4-((3-benzamidophenoxy)methyl)- <i>N</i> -hydroxybenzamid	Trường		2017 - 2018	3	1
15.	Xây dựng phương pháp định lượng tobramycin trong chế phẩm	Trường		2017 - 2018	3	1

TT	Tên chương trình, đề tài	Cấp quản lý	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số sinh viên tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
	bằng điện di mao quản với detector đo độ dẫn không tiếp xúc qua ghép điện dung (CE-C4D)					
16.	Xây dựng phương pháp xác định một số dược chất nhóm hạ huyết áp trộn không khai báo trong chế phẩm đông được bằng HPLC	Trường		2017 - 2018	3	1
17.	Bước đầu nghiên cứu phát hiện vardenafil, sildenafil và tadalafil trộn trái phép vào thực phẩm chức năng bằng phổ cộng hưởng từ hạt nhân proton	Trường		2017 - 2018	3	1
18.	Ứng dụng công nghệ thông tin để xử lý dữ liệu phổ nhằm xác định bộ dịch chuyển Raman cơ bản và phát hiện thuốc giả	Trường		2017 - 2018	3	1
19.	Xây dựng phương pháp xác định hàm lượng tạp chất liên quan trong cleistanthoxin được phân lập từ quả của cây Chà chôi (<i>Cleistanthus tonkinensis</i>)	Trường		2017 - 2018	3	1
20.	Xây dựng phương pháp xác định hàm lượng tổng của acid okadaic, dinophysistoxin-1 và dinophysistoxin-2 trong hải sản bằng LC-MS/MS	Trường		2017 - 2018	3	1
21.	Khảo sát một số chỉ số hình thái và thông khí phổi của sinh viên Trường Đại học Dược Hà Nội	Trường		2017 - 2018	3	1
22.	Khảo sát sự phù hợp của chương trình môn toán thống kê y dược đào tạo dược sỹ đại học tại Trường Đại học Dược Hà Nội	Trường		2017 - 2018	3	1
23.	Đánh giá chất lượng cuộc sống của bệnh nhân đái tháo đường typ 2 sử dụng bộ công cụ EQ-5D tại một số cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	Trường		2017 - 2018	3	1

TT	Tên chương trình, đề tài	Cấp quản lý	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số sinh viên tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
24.	Phân tích đặc điểm tăng thanh thải thận trên bệnh nhân điều trị tại khoa hồi sức tích cực, bệnh viện Bạch Mai	Trường		2018 - 2019	3	1
25.	Áp dụng bộ công cụ phát hiện biến cố bất lợi của thuốc IHI ADE Trigger Tool tại bệnh viện	Trường		2018 - 2019	3	1
26.	Nghiên cứu loại cafein từ lá chè (<i>Camellia sinensis</i> L.) bằng carbon dioxyd siêu tới hạn	Trường		2018 - 2019	3	1
27.	Xây dựng phương pháp định tính và định lượng cao đặc bổ trung ích khí	Trường		2018 - 2019	3	1
28.	Nghiên cứu phân lập và đánh giá tác dụng chống dị ứng của một số thành phần hóa học chiết từ cây Bọ mẫm (<i>Pouzolzia zeylanica</i> Benn. & R.Br.)	Trường		2018 - 2019	3	1
29.	Phân lập một số hợp chất từ cây Bán chi liên (<i>Scutellaria barbata</i> D. Don, họ Bạc hà Lamiaceae)	Trường		2018 - 2019	3	1
30.	Phân lập, xác định cấu trúc và đánh giá tác dụng gây độc tế bào ung thư của một số thành phần hóa học rễ cây Nhuong lê kim cang (<i>Myxopyrum smilacifolium</i> Blume, họ Nhài (Oleaceae)	Trường		2018 - 2019	3	1
31.	Triển khai mô hình gây giảm tiểu cầu thực nghiệm bằng cyclophosphamid và áp dụng đánh giá tác dụng của dịch chiết lá đu đủ (<i>Carica papaya</i> L.)	Trường		2018 - 2019	3	1
32.	Triển khai phương pháp đánh giá hoạt tính HMG-COA reductase <i>in vitro</i> và ứng dụng sàng lọc một số dược liệu	Trường		2018 - 2019	3	1
33.	Phân tích chế độ liều kháng sinh carbapenem thông qua PK/PD trong điều trị đợt cấp bệnh phổi	Trường		2018 - 2019	3	1

TT	Tên chương trình, đề tài	Cấp quản lý	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số sinh viên tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
	tắc nghẽn mạn tính tại trung tâm hô hấp, bệnh viện Bạch Mai					
34.	Tổng hợp và thử hoạt tính kháng ung thư của một số dẫn chất N'-(2-hydroxy-4-methoxybenzyliden)-2-(4-oxoquinazolin-3-yl) acetohydrazil	Trường		2018 - 2019	3	1
35.	Tổng hợp và thử hoạt tính kháng tế bào ung thư của một số dẫn chất 2-aryl-6-benzylamino-4-quinazolinon	Trường		2018 - 2019	3	1
36.	Bước đầu nghiên cứu tổng hợp pazopanib hydroclorid từ 2,3-dimethyl-2H-indazol-6-amin quy mô phòng thí nghiệm	Trường		2018 - 2019	3	1
37.	Bán tổng hợp một số dẫn chất O-(2-hydroxyethyl)-curcumin định hướng cải thiện độ tan trong nước	Trường		2018 - 2019	3	1
38.	Tổng hợp và thử tác dụng kháng tế bào ung thư của một số dẫn chất 1-methyl-1H-indazol-6-amin	Trường		2018 - 2019	3	1
39.	Hoàn thiện quy trình tổng hợp Mesna thông qua trung gian muối Bunte ở quy mô phòng thí nghiệm	Trường		2018 - 2019	3	1
40.	Tổng hợp và thử hoạt tính kháng ung thư của một số dẫn chất 6-benzylamino-2-phenylquinazolin-4-on	Trường		2018 - 2019	3	1
41.	Tổng hợp và thử tác dụng kháng tế bào ung thư của một số dẫn chất 1H-indazol-6-amin	Trường		2018 - 2019	3	1
42.	Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng cho nguyên liệu tạp chất B của Terazosin	Trường		2018 - 2019	3	1
43.	Khảo sát thực trạng việc học kỹ năng nghe hiểu tiếng Anh của sinh viên chính quy năm 2 tại Trường Đại học Dược Hà Nội	Trường		2018 - 2019	3	1

TT	Tên chương trình, đề tài	Cấp quản lý	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số sinh viên tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
44.	Khảo sát đặc điểm báo cáo ADR và phát hiện tín hiệu thuốc – ADR từ cơ sở dữ liệu Cảnh giác Dược của Việt Nam giai đoạn 2010-2016	Trường		2018 - 2019	3	1
45.	Nghiên cứu quy trình tổng hợp fenofibrat quy mô phòng thí nghiệm	Trường		2019 - 2020	3	1
46.	Tổng hợp và thử tác dụng kháng tế bào ung thư của một số dẫn chất 2-methyl-2H-indazol-6-amin	Trường		2019 - 2020	3	1
47.	Ứng dụng mô phỏng tương tác kết hợp thực nghiệm in vitro trong nghiên cứu tác dụng ức chế α -glucosidase và xanthin oxidase của quả mướp đắng (<i>Momordica charantia</i> L.) và lá dâu tằm (<i>Morus alba</i> L.)	Trường		2019 - 2020	3	1
48.	Đánh giá độc tính cấp và tác dụng hạ acid uric huyết thanh của loài Dó đất (<i>Balanophora fungosa</i> subsp. <i>Indica</i> (Arn.) B.Hansen)	Trường		2019 - 2020	3	1
49.	Tổng hợp và thử hoạt tính gây độc tế bào ung thư của một số dẫn chất 5-(3/4-nitrobenzyliden)-2-thiohydantoin	Trường		2019 - 2020	3	1
50.	Phân tích đặc điểm báo cáo ADR thu nhận từ các đơn vị kinh doanh thuốc và vai trò trong phát hiện tín hiệu an toàn thuốc	Trường		2019 - 2020	3	1
51.	Phân tích tác động của của Thông tư 51/2017/TT-BYT đến đặc điểm của tín hiệu phản vệ từ cơ sở dữ liệu báo cáo ADR tự nguyện tại Việt Nam giai đoạn 2010 – 2019	Trường		2019 - 2020	3	1
52.	Nghiên cứu tạo vi nang probiotic đa loài chứa <i>L. acidophilus</i> và <i>S. boulardii</i>	Trường		2019 - 2020	3	1

TT	Tên chương trình, đề tài	Cấp quản lý	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số sinh viên tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
53.	Xây dựng phương pháp xác định một số chất gây nghiện trong nước thải bằng phương pháp LC-MS/MS	Trường		2019 - 2020	3	1
54.	Xây dựng phương pháp định lượng đồng thời Amoxicilin và Sulbactam trong chế phẩm thuốc bột pha tiêm bằng quang phổ đạo hàm và sắc ký lỏng hiệu năng cao	Trường		2019 - 2020	3	1
55.	Phân lập một số flavonoid từ cây Bán chi liên (<i>Scutellaria barbata</i> D. Don, họ Bạc hà Lamiaceae)	Trường		2019 - 2020	3	1
56.	Nghiên cứu tác dụng chống viêm trên thực nghiệm của Tỏa dương (<i>Balanophora laxiflora</i> Hemsl., Balanophoraceae)	Trường		2019 - 2020	3	1
57.	Phân tích một số yếu tố ảnh hưởng đến hành vi bán thuốc kháng sinh không có đơn của người bán lẻ thuốc trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc	Trường		2019 - 2020	3	1
58.	Xây dựng phương pháp định tính và định lượng cao đặc Tiêu dao	Trường		2019 - 2020	3	1
59.	Điều tra tri thức sử dụng, xác định nguồn gốc thực vật, tác dụng kháng vi sinh vật và độc tính cấp của cây Lở leo (<i>Cnestis</i> sp.) thu hái tại Hoà Bình	Trường		2019 - 2020	3	1
60.	Sàng lọc tác dụng kháng vi sinh vật của một số loài Trà hoa vàng ở miền bắc Việt Nam	Trường		2019 - 2020	3	
61.	Đánh giá tác dụng chống oxy hóa và gây độc tế bào ung thư của cây Giổi (<i>Michelia Tonkinensis</i> A. Chev) thu hái tại Hòa Bình	Trường		2019 - 2020	3	1
62.	Xây dựng quy trình tạo muối carbocistein lysin và đánh giá một số tiêu chuẩn chất lượng	Trường		2019 - 2020	3	1

TT	Tên chương trình, đề tài	Cấp quản lý	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số sinh viên tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
63.	Phân tích việc sử dụng phác đồ dự phòng nôn và buồn nôn do hóa trị liệu trên bệnh nhân ung thư	Trường		2019 - 2020	3	1
64.	Phân tích thực trạng sử dụng kháng sinh colistin tại một số bệnh viện ở Hà Nội	Trường		2019 - 2020	3	1
65.	Phân lập microsom từ gan chuột cống (Wistar rat) và xác định một số đặc điểm hóa sinh đặc trưng của microsom	Trường		2019 - 2020	3	2
66.	Triển khai mô hình gây độc gan mạn bằng ethanol trên động vật thực nghiệm	Trường		2019 - 2020	3	1
67.	Khảo sát kiến thức và thái độ của sinh viên năm cuối Trường Đại học Dược Hà Nội về kháng kháng sinh	Trường		2019 - 2020	3	
68.	Triển khai mô hình gây suy giảm học nhớ bằng tiêm β -amyloid vào não chuột	Trường		2019 - 2020	3	1
69.	Khảo sát một số chỉ số nhân trắc học và huyết học của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Dược Hà Nội năm học 2016 – 2017	Trường		2019 - 2020	3	1
70.	Tổng hợp và thử hoạt tính gây độc tế bào ung thư của một số dẫn chất 6-n-butylaminoquinazolin-4-on	Trường		2019 - 2020	3	1
71.	Tổng hợp và thử tác dụng kháng tế bào ung thư của một số dẫn chất N-hydroxycinnamamid	Trường		2019 - 2020	3	1
72.	Nghiên cứu đặc điểm thực vật và chỉ thị phân tử một số mẫu Ba kích tại Tây Giang, Quảng Nam	Trường		2019 - 2020	3	1
73.	Xây dựng một số chỉ tiêu cao khô lá đu đủ	Trường		2019 - 2020	3	
74.	Đánh giá tác dụng bảo vệ gan, chống oxy hóa của Giảo cổ lam	Trường		2019 - 2020	3	1

TT	Tên chương trình, đề tài	Cấp quản lý	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số sinh viên tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
	(<i>Gynostemma burmanicum</i> King ex Chakrav) thu hái tại Bắc Cạn					
75.	Xây dựng dấu vân tay hóa học tinh dầu Nghệ vàng	Trường		2019 - 2020	3	
76.	Xây dựng và đánh giá phương pháp phân tích imipenem và cilastatin trong thuốc tiêm bằng sắc ký lỏng tương tác thân nước	Trường		2019 - 2020	3	1
77.	Nghiên cứu mức độ nhiễm 2 loài <i>Aspergillus flavus</i> , <i>A. parasiticus</i> trên dược liệu Bá tử nhân (<i>semen platycladi orientalis</i>) đang lưu hành trên địa bàn Hà Nội	Trường		2019 - 2020	3	1
78.	Xây dựng phương pháp tách một số acid amin bằng sắc ký lỏng tương tác thân nước	Trường		2019 - 2020	3	1
79.	Xây dựng phương pháp định lượng 5-hydroxymethylfurfural và cafein trong nước giải khát bằng điện di mao quản	Trường		2019 - 2020	3	1
80.	Xây dựng phương pháp định lượng đồng thời cleistanxin và cleisindosis D trong quả cây Chà chôi (<i>Cleistanthus tonkinensis</i> JABL) bằng HPLC/DAD	Trường		2019 - 2020	3	1
81.	Tổng hợp và thử tác dụng kháng ung thư của một số dẫn chất benzamid mang khung oxazol hướng ức chế histone deacetylase	Trường		2019 - 2020	3	1
82.	Xây dựng phương pháp chiết xuất, phân lập và tinh chế Δ^9 - tetrahydrocannabinol từ cây cần sa làm nguyên liệu thiết lập chất chuẩn	Trường		2019 - 2020	3	1
83.	Định lượng S-allyl L-cystein trong thành phẩm và bán thành phẩm từ tỏi đen	Trường		2019 - 2020	3	1

TT	Tên chương trình, đề tài	Cấp quản lý	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số sinh viên tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
84.	Xây dựng phương pháp định lượng acid alpha lipoic trong chế phẩm và nước tiểu bằng cực phổ xung vi phân	Trường		2019 - 2020	3	1
85.	Xây dựng tiêu chuẩn chất lượng cho chế phẩm dạng nanoemulgel chứa tetrahydrocurcumin	Trường		2019 - 2020	3	1
86.	Tổng hợp và thử tác dụng kháng tế bào ung thư của một số dẫn chất 2,3-dimethyl-2H-indazol-6-amin	Trường		2020 - 2021	3	1
87.	Khảo sát phát hiện chất trộn trái phép sibutramin trong chế phẩm đông được giảm cân bằng phổ cộng hưởng từ hạt nhân	Trường		2020 - 2021	3	1
88.	Định lượng đồng thời một số acid amin trong chế phẩm bằng sắc ký lỏng tương tác thân nước	Trường		2020 - 2021	3	1
89.	Định lượng đồng thời cystin và vitamin B6 trong chế phẩm bằng sắc ký lỏng tương tác thân nước	Trường		2020 - 2021	3	1
90.	Thiết kế chuyển đổi hình thức bài thực tập “Định lượng protein bằng phương pháp Kjeldahl” sang dạng video	Trường		2020 - 2021	3	1
91.	Xây dựng phương pháp định lượng voriconazol trong huyết tương bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC-UV)	Trường		2020 - 2021	3	1
92.	Tổng hợp và thử hoạt tính gây độc tế bào ung thư của một số dẫn chất 5-(2,4/6-dichlorobenzyliden)hydantoin	Trường		2020 - 2021	3	1
93.	Chiết xuất, phân lập và xác định cấu trúc một số hợp chất từ phân đoạn n-butanol lá cây đinh lăng răng (Polyscias guilfoylei)	Trường		2020 - 2021	3	1

2.6. CTĐT nước ngoài và chứng nhận CTĐT nước ngoài đã được kiểm định hoặc được cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép thực hiện và cấp văn bằng

Chương trình đào tạo Dược sỹ - Khoa Dược - Đại học Mahidol của Thái Lan hiện là chương trình đào tạo 6 năm. Cấu trúc của chương trình đào tạo bao gồm 2 phần: từ năm 1 đến năm 4, chương trình cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản cho thực hành dược chung. Năm 5 và năm 6, chương trình được chia thành 2 định hướng “người bệnh” và “thuốc”, sinh viên có thể đăng ký theo 1 trong 2 định hướng trên. Ở năm 6, sinh viên thực tập nội trú theo định hướng lựa chọn, điều này đảm bảo việc tăng cường năng lực thực hành của sinh viên. Sau khi tốt nghiệp sinh viên được nhận bằng “PharmD” và phải tham dự kỳ thi cấp chứng chỉ hành nghề (bao gồm cả hai định hướng). Chương trình đào tạo đã được cấp chứng chỉ kiểm định chất lượng của Hội đồng Dược Thái Lan (Phụ lục 1.4)

2.7. Chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục hoặc xác nhận đã đăng ký và đang trong thời gian kiểm định

Nhà trường đã đạt chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học theo quyết định số 145/QĐ-KĐCL ngày 30/3/2018 của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học quốc gia Hà Nội với các tiêu chí đạt yêu cầu là 86,9% (Phụ lục 1.2)

Phần III. CÁC ĐIỀU KIỆN KHÁC

3.1. Tuyển sinh

3.1.1. Điều kiện tuyển sinh

- Thí sinh đã trúng tuyển vào ngành Dược học của Trường Đại học Dược Hà Nội trong kỳ tuyển sinh đại học chính quy.
- Đáp ứng các điều kiện tuyển sinh khác trong Đề án tuyển sinh đại học hàng năm của Trường Đại học Dược Hà Nội, bao gồm yêu cầu về năng lực tiếng Anh tối thiểu.
- Tự nguyện tham gia học, cam kết đóng học phí theo quy định của Nhà trường.
- Thí sinh là người nước ngoài phải có văn bằng tốt nghiệp tối thiểu tương đương văn bằng tốt nghiệp trung học phổ thông của Việt Nam, có năng lực tiếng Việt đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo do Hiệu trưởng quy định trong Đề án tuyển sinh đại học hàng năm.

3.1.2. Phương thức tuyển sinh

Hội đồng tuyển sinh CTCLC xét tuyển căn cứ trên chỉ tiêu tuyển sinh, điểm xét tuyển CTCLC, các ưu tiên xét tuyển theo thông báo tuyển sinh (nếu có) và kết quả kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu vào. Kết quả trúng tuyển được lấy theo điểm xét tuyển từ cao xuống thấp và đạt điều kiện về năng lực tiếng Anh theo Đề án tuyển sinh đại học.

3.1.3. Kế hoạch tuyển sinh:

Khoảng 60-80 sinh viên/năm của ngành đăng kí đào tạo.

3.2. Tổ chức và quản lý đào tạo

3.2.1. Tổ chức đào tạo

3.2.1.1. Thời gian và kế hoạch đào tạo

Thời gian đào tạo chương trình chất lượng cao ngành Dược học trình độ đại học là 5 năm. Kế hoạch đào tạo thể hiện thành kế hoạch của từng năm học từng cho khóa học, tiến trình và thời khóa biểu của từng học kỳ. Mỗi năm học có 02 học kỳ chính, mỗi học kỳ có ít nhất 15 tuần thực học, 03 tuần thi, kiểm tra và 01 kỳ thi phụ trong hè.

Phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ, trong đó số tín chỉ các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành được dạy bằng tiếng Anh chiếm trên 20% do các giảng viên có uy tín và kinh nghiệm của Trường đảm nhiệm.

3.2.1.2. Cơ sở thực tế và phát triển kỹ năng mềm

Hàng năm, Phòng Đào tạo phối hợp với các bộ môn phụ trách định hướng Chăm sóc được tổ chức cho sinh viên đi tham quan, thực hành, thực tế tại các tổ chức, doanh nghiệp, công ty, cơ sở y tế tại Hà Nội.

Bên cạnh những kiến thức chuyên sâu về chuyên môn, sinh viên Chương trình Chất lượng cao còn được chú trọng tăng cường phát triển kỹ năng mềm, kỹ năng nghiên

cứu, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng sử dụng các trang thiết bị hiện đại và các phần mềm chuyên dụng để giải quyết các nội dung chuyên môn...

3.2.1.3. Phương pháp đánh giá

Chương trình Chất lượng cao sử dụng triệt để các phương pháp đánh giá hiện đại theo hướng chú trọng phát triển năng lực phân tích, thực hành, sáng tạo, tự cập nhật kiến thức; năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trên nguyên tắc khách quan, minh bạch, linh hoạt, bám sát mục tiêu của mỗi học phần và của chương trình đào tạo.

3.2.2. Quản lý đào tạo

Quản lý và điều hành đào tạo chất lượng cao là “Ban quản lý đào tạo chất lượng cao”. Thành phần gồm: Hiệu trưởng làm Trưởng ban, Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn làm Phó Trưởng ban, Phòng Đào tạo, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Quản lý khoa học, Phòng Hợp tác quốc tế, Phòng Quản lý cơ sở vật chất, Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí, Phòng Vật tư trang thiết bị, Phòng Quản lý sinh viên, Thư viện cùng các Bộ môn phụ trách chuyên môn ngành đào tạo CLC làm ủy viên. Trưởng phòng Đào tạo là ủy viên thường trực.

Viên chức tham gia quản lý CTCLC có đủ năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản lý đào tạo hoặc giảng dạy, sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý liên quan, có năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc.

Cố vấn học tập luôn chủ động bố trí thời gian trả lời, giải quyết các vấn đề vướng mắc của sinh viên về CTĐT, nội dung học tập, kế hoạch học tập và các vấn đề khác sinh viên cần tư vấn và hỗ trợ. Cố vấn học tập thường xuyên báo cáo Ban quản lý đào tạo CTCLC và Phòng Đào tạo các vấn đề vượt quá khả năng hỗ trợ, tư vấn và giải quyết cũng như các ý kiến phản ánh của sinh viên, phụ huynh và viên chức Nhà trường.

Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí tổ chức lấy ý kiến của sinh viên tối thiểu một lần sau mỗi học kỳ về nội dung, phương pháp giảng dạy của giảng viên; công tác quản lý, phục vụ; điều kiện cơ sở vật chất. Phòng Quản lý sinh viên tổ chức đối thoại sinh viên hàng năm để trả lời những ý kiến phản ánh của sinh viên và cán bộ, giảng viên tham gia CTCLC.

3.2.3. Thay đổi trong quá trình đào tạo

Sinh viên thuộc CTCLC chuyển sang học chương trình đại trà nếu thuộc một trong những trường hợp sau:

a) Sinh viên CTCLC có nguyện vọng không tiếp tục theo học chương trình CLC có thể làm đơn chuyển sang học chương trình đại trà tương ứng theo quy định.

b) Sinh viên không đạt điều kiện năng lực ngoại ngữ tối thiểu của CTCLC sau năm học thứ nhất.

Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh CTCLC, Hiệu trưởng quyết định xét tuyển bổ sung sinh viên vào CTCLC (trừ các sinh viên đã bị kỷ luật trước đó từ mức cảnh cáo trở lên). Việc xét tuyển bổ sung áp dụng vào học kỳ II năm thứ nhất hoặc học kỳ I năm thứ hai của CTCLC đối với sinh viên hệ đại học chính quy thuộc chương trình đại trà nếu đáp ứng các điều kiện về học tập, trình độ tiếng Anh, ... Các điều kiện cụ thể do Hiệu trưởng quy định hàng năm.

Sinh viên đang theo học chương trình đào tạo đại học ngành Dược tại cơ sở đào tạo khác có nguyện vọng đăng ký vào học chương trình chất lượng cao của Trường, nếu đủ điều kiện, phải thực hiện chuyển đổi cơ sở đào tạo theo Quy định đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội và Quy định đào tạo chất lượng cao trình độ đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội.

Sinh viên chuyển đổi giữa hai chương trình đào tạo được bảo lưu các học phần đã tích lũy đạt và phải hoàn thành bổ sung các học phần phải tích lũy phù hợp với khối kiến thức của chương trình đào tạo được chuyển đến. Ngoài ra, sinh viên được chuyển đổi giữa hai chương trình đào tạo phải thực hiện nghĩa vụ đối với sinh viên thuộc chương trình trước khi được chuyển đổi cho đến khi có quyết định cho phép chuyển đổi.

3.2.4. Kiểm định chương trình đào tạo chất lượng cao

Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí và các đơn vị có liên quan phối hợp thực hiện:

- Tổ chức tự đánh giá chất lượng của CTCLC và có kế hoạch chuẩn bị các điều kiện cho kiểm định CTCLC.
- Đăng ký kiểm định CTCLC sau 2 khoá tốt nghiệp, theo quy định về kiểm định CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Lập kế hoạch, lộ trình và thực hiện đăng ký kiểm định CTCLC bởi tổ chức kiểm định của nước có CTĐT tham khảo hoặc tổ chức kiểm định có uy tín trong khu vực hoặc quốc tế.

3.3. Văn bản quy định chi tiết của cơ sở đào tạo về CTCLC trình độ đại học được xây dựng trên cơ sở của bản Quy định này

Sinh viên theo học chương trình chất lượng cao của Trường sẽ phải tuân thủ theo đồng thời Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội, Quy định đào tạo chất lượng cao trình độ đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội và các quy định, quy chế khác của Nhà Trường.

Chi tiết Quy định đào tạo chất lượng cao trình độ đại học của Trường Đại học Dược Hà Nội xem tại Phụ lục 1.5.

3.4. Chính sách hỗ trợ, ưu tiên cho giảng viên và sinh viên CTCLC

Sinh viên chương trình chất lượng cao:

Trong quá trình theo học CTĐT chất lượng cao, sinh viên luôn được ưu tiên sử dụng và thụ hưởng các phòng học hiện đại, các dịch vụ thư viện và nguồn học liệu phong phú, phương pháp giảng dạy hiện đại, tiên tiến, các cơ hội giao lưu với các sinh viên các trường đại học trên thế giới.

Về kiến thức và kỹ năng chuyên môn, số lượng sinh viên/lớp học nhỏ nên người học được thụ hưởng các phương pháp giảng dạy hiện đại nhất (flipped learning, problem-based education, team - based education...) và phương pháp kiểm tra đánh giá tiên tiến (portfolio...) giúp người học nhanh chóng đạt được chuẩn đầu ra.

Người học được đào tạo hướng đến sự phát triển toàn diện, có cái nhìn tổng thể về ngành nghề. Bên cạnh các kiến thức chuyên sâu về ngành, sinh viên được tăng cường các hoạt động đào tạo định hướng phát triển kỹ năng mềm như: phương pháp tư học, kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, lãnh đạo và đặc biệt là kỹ năng xử lý các vấn đề thực tế nhằm giúp sinh viên tự tin, năng động và đáp ứng với xu thế toàn cầu hóa.

Sinh viên chương trình chất lượng cao được ưu tiên đi thực tế thường xuyên tại các cơ sở thực tế, đặc biệt là các cơ sở liên quan đến định hướng chăm sóc Dược như nhà thuốc, các bệnh viện đầu ngành... Thực hành tại cơ sở thực tế là cách thức hiệu quả nhất giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng xã hội, tạo sự gắn kết với các bên liên quan và người sử dụng lao động.

Sinh viên chương trình chất lượng cao được tham gia nghiên cứu khoa học với nhóm giảng viên được đào tạo từ nước ngoài, sử dụng thiết bị nghiên cứu hiện đại như máy HPLC, LC-MS ...nhằm hình thành kỹ năng nghiên cứu khoa học, tư duy tổng thể, đổi mới sáng tạo.

Giảng viên Chương trình chất lượng cao:

Giảng viên chương trình đào tạo chất lượng cao được ưu tiên đào tạo bồi dưỡng hàng năm về phương pháp, công nghệ giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá, công tác cố vấn, hỗ trợ sinh viên.

Giảng viên tham gia CTĐT chất lượng được nhà trường cử đi tập huấn, nghiên cứu, trao đổi khoa học tại những trường đối tác của Trường Đại học Dược Hà Nội.

3.5. Dự toán chi phí đào tạo

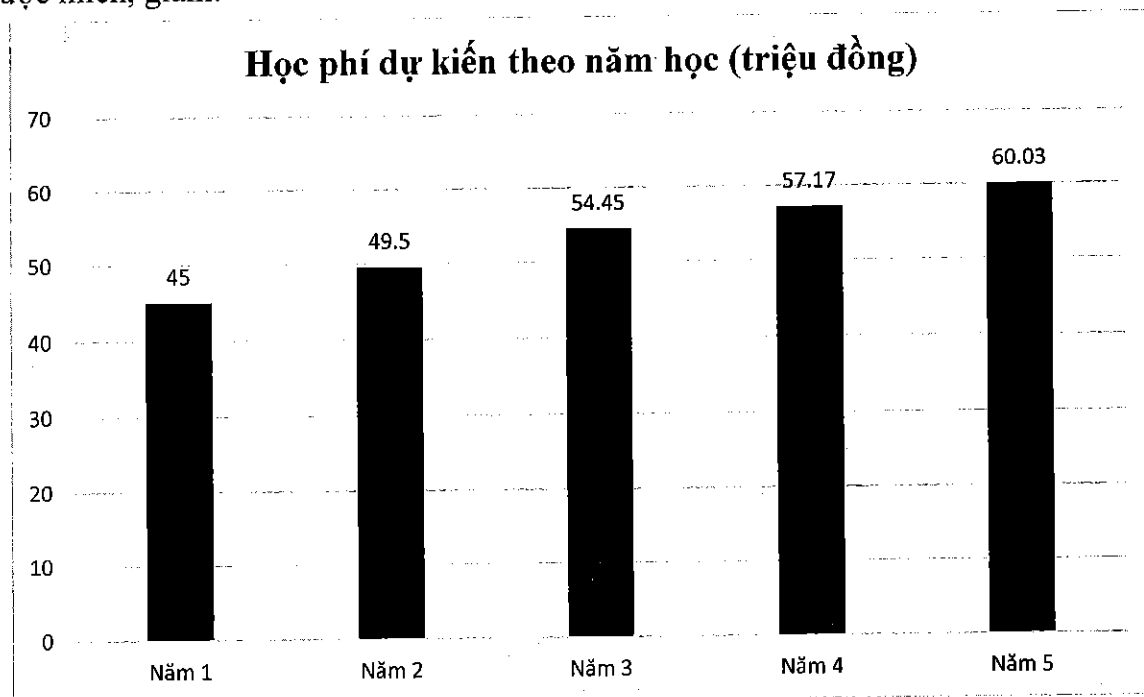
Dự toán chi phí đào tạo, dự tính mức học phí theo tín chỉ, theo năm học và cho toàn khóa học và lộ trình tăng học phí cho các khóa tiếp theo kèm theo minh chứng cho việc tăng học phí (nếu có); phương án thu, chi, sử dụng và quản lý học phí, kinh phí của cơ sở đào tạo theo khoản 3, Điều 4 của Quy định này; so sánh định suất đầu tư/1 sinh viên CTCLC với định suất đầu tư/1 sinh viên của chương trình đại trà để chứng

minh mức thu học phí CTCLC tương đương với mức đầu tư để nâng cao chất lượng đào tạo.

Chi phí đào tạo và mức học phí dự kiến là 4,5 triệu đồng/tháng. Mức học phí của năm học có thể điều chỉnh hàng năm cho phù hợp với chi phí đào tạo thực tế nhưng đảm bảo không vượt quá 10% so với mức học phí năm trước trong 3 năm đầu và 5% cho 2 năm sau.

Học phí của chương trình đào tạo chương trình chất lượng cao sẽ được xác định trên cơ sở tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo cho toàn khóa học, được Nhà trường phê duyệt hàng năm. Mức học phí sẽ được ghi rõ trong thông báo tuyển sinh và thông báo về học phí hàng năm của nhà trường.

Sinh viên chương trình chất lượng cao thuộc diện chính sách được miễn, giảm học phí theo quy định của Nhà nước. Sinh viên được miễn, giảm học phí vẫn phải thực hiện nghĩa vụ nộp phần học phí chênh lệch giữa chương trình chất lượng cao và số tiền được miễn, giảm.



3.6. Ý kiến của Hội đồng khoa học và Đào tạo

(Biên bản của Hội đồng Khoa học & Đào tạo kèm theo - Phụ lục 1.8)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ĐT;

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Nguyễn Hải Nam

PHỤ LỤC

Phụ lục I. Các nghị quyết, giấy chứng nhận, quy định và biên bản (Quyển 1)

Phụ lục II. Chương trình đào tạo và các bảng đối sánh (Quyển 2)

Phụ lục III. Lý lịch Khoa học của đội ngũ giảng viên (Quyển 3)